

## Tác Giả và Tác Phẩm

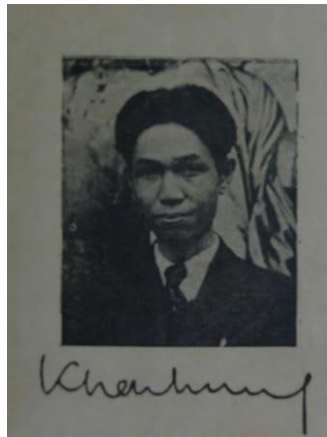
### Khái Hưng (I)

#### Tiểu sử

Tên thật: Trần Khánh Giu. Sinh năm 1896 tại Hải Dương.  
Quê gốc Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

#### Tác phẩm

Hồn bướm mơ tiên (1933), Tiếng suối reo (1935), Trống mái (1936)  
Gia đình (1936), Tiêu Sơn tráng sĩ (1937), Thoát ly (1938), Hạnh (1938)



#### Mục Lục

##### Tiêu sơn tráng sĩ – 2

Khái Hưng, cuộc đời và tác phẩm – Lê Quang Thông - 7

##### Anh phải sống – 15

Nhân nghĩ về Khai Hưng - Dương Nghiễm Mậu – 18

##### Độc đường gió bụi - 22

“Hồn bướm mơ tiên”, tác phẩm đầu tay của Khai Hưng - Trọng Đạt – 25

##### Người vợ mù – 32

Bây vì tinh tú - Đặng Trần Huân - 35

Papa tòa báo - Trần Khánh Triệu - 42

#### Phụ đính :

Đào mơ - Tế Thành Hoàng – Diên

Dưới ánh trăng – Tống tiên - Ai mua hành tôi

Tương tri – Bến Hồng Gai – Đại đội trường Còm

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Người khách lạ

(...trích *Tiêu Sơn Tráng Sĩ*)

Tuy mới vào khoảng đầu giờ Dậu, nhưng về tiết mùa đông, trời đã nhá nhem tối. Các nhà, các hàng xén ở phố Từ Sơn đều đóng cửa. Chỉ trừ một hàng cơm là có ánh sáng. Và luôn luôn ở trong đưa ra tiếng cười nói âm ỹ.

Một trang thiếu niên kỵ sĩ, từ phía Nam tới, kìm ghì cương ngựa trước cửa hàng. Chàng y phục nạt gọn gàng, đầu đội nón lông đen, chân đi hia chèn, cổ quấn một cái khăn lụa trắng thắt lỏng, mỗi bỏ rử sau lưng. Con ngựa của chàng sắc nâu xẫm, và tuy nhỏ thon, nhưng có dáng mạnh mẽ và khỏe dai. Trời lạnh buốt căm căm mà mình nó ướt đầm mồ hôi, xem đó đủ đoán biết chủ nó đi từ xa lại. Thế mà mũi nó hục hặc thở ra hai luồng hơi khói, bốn giò nó cuốc xuống đất như gõ nhịp, để tỏ ý muốn là còn thừa sức chạy một thoi dài nữa. Kỵ sĩ lấy tay vỗ khẽ vào cổ ngựa nói:

- Hãy thông thả, tuần mã, đi đâu mà vội thế? Thầy trò ta nghỉ chân ăn lót dạ

Chàng vừa toan xuống ngựa, thì mắt chàng ngẫu nhiên để tới một cái bảng gỗ vuông quét vôi trắng, trên viết những chữ nôm thật to, to đến nỗi trời đã gần tối hẳn mà chàng còn lơ mơ đọc được...

Nhưng giữa lúc đó, sau một tiếng hét của con ngựa thì tiếng ồn ào cười nói trong hàng cơm im bật. Rồi cánh cửa hé mở, một người thò đầu ra hỏi:

- Ai?

Không trả lời, thanh niên võ sĩ nhanh nhẹn nhảy ngoắt xuống đất, kéo và vuốt áo cho hết nếp răn vì lúc ngồi trên yên, chàng đã giắt vạt cả vào trong chiếc giầy lưng điều. Đoạn, thông thả, đồng dặc, chàng bảo người vừa hỏi:

- Chú còn đợi đến bao giờ mới ra giắt ngựa của ta vào tàu?

ý chừng cho là lời nói đó hỗn xược, người kia mở mạnh cánh cửa bước ra đường đứng phưỡn ngực chống tay vào sườn, gật gù hỏi lại:

- Anh có biết tôi là ai không mà dám nói xách mé như thế?

Người khách mới đến mỉm nụ cười khinh bỉ thản nhiên đáp:

- à, ra tôi làm? ý chừng chú không phải là chủ quán hay người nhà hàng cơm.

Rồi, sau khi đã buộc giầy cương vào đầu một cái kèo ở mái hiên, chàng đi thẳng vào trong hàng, lớn tiếng gọi:

- Chủ quán?

Nghe tiếng chàng sang sảng, ngắm thân thể chàng cao lớn, mạnh mẽ, nhất lại nghe lách cách cái vỏ kiếm chàng đeo bên sườn đập vào ngưỡng cửa, người chủ hàng cơm hốt hoảng chạy ra khúm núm chào và lễ phép hỏi:

- Bẩm quan lớn truyền . . . ?

- Sắp rựa làm một con gà nhảm. Đoạn ra giắt ngựa vào tàu cho nó ăn thóc.

- Dạ.

Bốn người ngồi quây quần đánh tam cúc ở một cái phản bên dương mắt ngạc nhiên, yên lặng nhìn. Người ở ngoài đường quay vào nói to bảo bọn họ, có lẽ cốt để võ sĩ vừa tới nghe rõ :

- Lệnh trên ban xuống cho anh em mình canh phòng ở đây, các chú phải cẩn mật, nếu vô ý để phạm nhân trốn thoát thì đầu anh em mình chẳng còn đâu!

Dứt lời, bác cai - vì bọn đó là một viên cai và bốn tên lính - trèo lên ngồi

chễm chệ trên một cái phản cao kê liền bên.

Người trẻ tuổi mới đến tò mò đưa mắt quanh phòng rồi mỉm cười hỏi bọn lính:

- Này các chú, có xảy ra việc gì mà việc canh phòng cẩn mật thế?

Một người lính trở lên cái bảng cũng giống cái bảng treo ở ngoài cửa mà nói rằng:

- Đọc đó sẽ hiểu.

Trong khi người khách lạ đứng lên cái ghế đầu vuông để xem bảng, thì viên cai và mấy chú lính nháy nhau thì thầm:

- Khả nghi?

- Đề phòng?

- Tôi hỏi tin bài hán nhé?

- Hãy thông thả. Nhưng phải luôn luôn để ý đến hán. Mà khí giới để đâu cả?

- Để cả dưới gầm phản.

- Đeo dao ngay vào thắt lưng. Còn mã tấu, đoản kích thì của người nào, người ấy đặt ngay bên mình để phòng biến. Mà se sẽ chứ chẳng hán biết. Nghe chừng hán ta cũng không phải tay vừa đâu.

Người trẻ tuổi vẫn đứng trên ghế lẩm nhẩm đọc:

"Quan trấn thủ trấn Kinh Bắc Nguyễn Mỗ có lời yết thị như sau này:

"Từ khi đức Thái tổ Võ Hoàng đế đánh đuổi quân Tôn Sĩ Nghị chạy như đàn chuột về Tàu, và trừ tiết giặc giã quấy nhiễu trong nước, thì trăm họ đều được an cư lạc nghiệp. Nhưng gần đây một tên ngông cuồng dấy loạn để làm rối cuộc thái bình, nhân dân đều ghét, đều oán coi như kẻ thù chung. Tên ấy là Nguyễn Đoàn người hạt Từ Sơn. Than ôi! Lưới trời tránh sao cho thoát, nhờ oai hoàng đế, bản chức đã bắt sống được tên phản quốc và đã hành hình nó rồi. Song dư đảng bọn giặc còn lẩn quẩn vùng này, mà trong bọn có một tên rất nguy hiểm ưm ấy là tên Phạm Thái tức Phạm Phụng con tên nghịch tặc Thạch Trung Hầu, quán thôn Yên thị xã Yên Thượng, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn.

"Phạm Thái vào trạc hai mươi tuổi, người vừa tầm, nhưng rất khỏe, rất giỏi võ Dưới đây có phác bức hình, họa theo những lời trình bày của các thám tử. . . ai bắt sống được Phạm Thái sẽ thưởng tiền một nghìn quan. Ai giết chết hán sẽ thưởng tiền năm trăm quan.

"Nhận được giấy yết thị này, các viên phân tri phải dán ở các ngã ba cùng cá tửu quán có đông người lai vãng. Lại cho lính ngày đêm canh phòng ở các nơi mà quân gian có thể tụ họp được.

"Niên hiệu Cảnh Thịnh, Năm thứ năm, tháng chạp, . ngày mồng ba ".

Ở một góc bảng, có vẽ rất sơ sài diện mạo một người đàn ông và chua mấy hàng chữ sau này:

"Mặt trái soan, miệng rộng, mắt hơi xếch lông mi rậm, tai to, có một nốt ruồi ở sau tai bên phải "

\*\*\*

Chàng trẻ tuổi bỗng nhiên cất tiếng cười vang. Bọn lính cơ ngạc nhiên nhìn nhau, rồi một người mạnh bạo hỏi:

- Có sao đọc tờ yết thị của quan trấn thủ, nhà ngươi lại dám chế nhạo?

Chàng kia quay lại đáp:

- Không, ta có chế nhạo ai đâu? Ta chỉ tức cười chết đi vì câu: "Có một nốt ruồi sau tai phải". Thiết tưởng nếu tráng sĩ Phạm Thái là người rất khỏe, rất giỏi võ như tờ yết thị đã nói, thì còn ai dám đến gần vạch tai hán ra mà xem nốt ruồi?

Thành thử câu chỉ thị đó thực là thừa.

Dứt lời, chàng lại cười, lấy làm thích chí lắm:

- Trời ơi? Sao không chua: Phạm Thái có cái mũi ở giữa mặt, có cái cằm ở dưới mũi, có phải dễ nhận hơn không?

Viên cai đứng dậy quát:

- Anh không được hỗn xược với quan trấn thủ?

Chàng trẻ tuổi vờ nhún nhường đầu dụi:

- Sao chú vội giận thế? Nào tôi có hỗn xược gì đâu? chẳng qua bàn một câu cho vui đấy thôi chứ.

Vừa nói chàng vừa bước xuống đất, rồi như quên hẳn câu chuyện vừa xảy ra, chàng gọi:

- Chủ quán?

- Dạ.

Một người to béo mặc áo cánh bông, đầu chít chéo vuông khăn nhuộm nâu, nặng nề đi lại gần, chấp tay chờ lệnh.

- Chủ mi đâu?

- Bẩm quan lớn? Chủ con đương làm nhắm hầu quan lớn.

- Sao rợn ta gọi từ nãy vẫn chưa đem ra?

- Bẩm, con, tưởng còn chờ nhắm.

- Cứ đem rợn ra trước đã.

- Bẩm có hâm nóng không?

- Không cần. Mau lên?

- Dạ? Nhưng ngài soi rợn gì?

- Rợn Cúc? Mau?

- Dạ?

Tức thì tên hầu rợn vào buồng lấy ra đặt lên bàn một cái nậm và một cái chén vại mà hỏi:

- Bẩm công tử ngồi giường hay ngồi bàn?

- Ngồi bàn được rồi. Mà sao đèn lù mù thế này. Chập ba sợi bấc vào, rồi đi lấy thêm dầu rót cho đầy bát.

- Dạ.

Chàng trẻ tuổi uống luôn ba chén rợn đầy, chép miệng liếm môi chau mày nói lớn:

- Hừ? Rợn thằng cha pha nước lã nhiều quá, uống chẳng mùi mẫn gì? .. Quán?

- Dạ.

Tên hầu sợ hãi bước tới, vì hắn đã nghe rõ lời chê bai của ông khách. Nhưng ông khách ôn tồn hỏi:

- Có mực không?

Tên kia vui mừng đáp:

- Bẩm công tử, có mực Bắc Hải ngon lắm.

- Vậy đi sắp cho ta cái hỏa lò than hồng với lại đem lên đây mươi con mực.

Một lát sau, mùi mực nướng thơm phức bay khắp gian phòng. Và ông khách đã dùng đến nậm rợn thứ ba.

Viên cai bấm bọn lính ra hiệu thì thầm:

- Thằng này tôi xem chừng có lẽ là Phạm Thái. Mặt trái soan thì đích rồi. Lông mày tuy không rậm nhưng không thưa. Còn miệng hắn như thế cũng có thể cho là rộng được.

- Vâng, có lẽ đích rồi.

- Giá bây giờ ai lén đến sau lưng lật trái tai hắn ta lên xem có nốt ruồi không,

thì mới biết chắc chắn được.

Mọi người im lặng nhìn nhau, có ý lo sợ. Viên cai ngấm nghĩ rồi lại nói:

- Các chú ạ, ta nói phải dùng mưu... Thế này này: Bây giờ ta nói phỉnh cho nó uống thật nhiều rượu. Khi nào nó say mềm, ta chỉ việc trói gô lại là xong.
- Nhớ nó không phải Phạm Thái.
- Thì thả nói ra.
- Vậy được rồi

Người trẻ tuổi thấy bọn kia ở ngoài đi vào, nét mặt ai nấy có vẻ bí mật, thì vui cười hỏi:

- Các chú đi tìm Phạm Thái về đây à?

Viên cai cơ đáp:

- Phạm Thái hẳn ẩn núp ở nơi rừng rú, chứ dám bén mảng về đây.
- Phải, hẳn ta đại gì mà về đây để người ta bắt.

Nói dứt câu, chàng thích chí cười khanh khách. Rồi chàng nâng chén rượu nốc một hơi cạn. Viên cai tấm tắc khen:

- Giỏi thực? Tựa lượng công tử ít người sánh kịp. Thừa công tử, công tử uống nổi mấy nậm?
- Cái đó tùy? Rượu ngon thì mùi nậm cũng là ít. Chứ rượu thẳng cha này nhạt thếch uống chán phê. Nhưng kìa, sao các chú không uống rượu với tôi? Nghe người ta gọi mãi mình bằng chú, viên cai căm tức muốn sinh sự ngay, nhưng lại nghĩ đến mưu sâu đã sắp thành, nên cố nén lòng nhẫn nại và phỉnh thêm một câu:

- Vâng, rượu này chỉ bọn anh em chúng tôi uống, chứ công tử thì phải soi những thứ rượu hoàng cúc, thanh mai, hay ngũ da bì chính hiệu kia.

Chàng tuổi trẻ cười:

- Nhưng thôi, các chú ạ, người quân tử không nên nghĩ đến cái ăn, cái uống tha thiết quá. Tối nay ta có thứ rượu cúc khổ này của anh quán khổ thì ta hãy tạm thích nó vậy.
- Dạ, ngài nói phải lắm.
- vậy bây giờ tôi mừng các chú mỗi người một chén để các chú tỉnh ngủ mà canh phòng nhé?
- Dạ, đa tạ công tử.

Chàng tuổi trẻ liền đập mạnh cái nậm thiếc xuống bàn gọi:

- Bớ quán?
- Dạ.
- Lấy thật nhiều rượu ra đây để ta thết lính nhà vua.
- Dạ.

Tức thì chủ quán mang ra đặt lên bàn năm cái chén lớn và một cái bình thiếc to gần bằng cái hũ... Chàng trẻ tuổi quay về phía bọn lính:

- Các chú lại cả đây cùng uống cho vui.
- Dạ, chúng tôi không dám.
- Thì cứ dám đi mà?

Vừa nói, chàng vừa rót sáu chén rượu đầy. Lúc bấy giờ có lẽ đã cuối giờ Tuất. Phố phủ im vắng. Chỉ thỉnh thoảng có tiếng trống trong phủ và tiếng mõ ở các điểm canh mà thôi. Bọn lính thì thầm bảo nhau:

- Ta cứ lại xem sao.
- Nhớ mời nó uống thật say nhé?
- Mà đừng quên dao đấy.

Chàng trẻ tuổi cười, nói:

- Có thể mà cứ bàn tính mãi.

- Dạ, chúng tôi xin lại đây.

Sáu người vừa uống cạn chén thì phía ngoài có tiếng gọi. Chủ quán ra mở cửa.

Một nhà sư khoác tấm mền ướt màu nâu cúi đầu chào:

- A-di đà phật?

- A-di đà phật?

Nhà sư đi thẳng vào một góc phòng ngồi xếp bằng trên phản, miệng lâm râm như đọc kinh. Viên cai hỏi chàng tuổi trẻ:

- Chẳng hay nhà sư có biết uống rượu không nhỉ?

- Sao lại không?

- Nhưng chúng tôi chưa chúc mừng công tử chén nào.

Vừa nói vừa rót đầy chén rượu nâng lên mời:

- xin chúc công tử vạn sự như ý.

Lần lượt năm người mời chàng tuổi trẻ luôn năm chén. Thấy chàng uống rượu như uống nước lã, bọn lính đưa mắt nhìn nhau. Rồi một người nói:

- Bây giờ ta chúc thọ thiên tử một chén.

Chàng tuổi trẻ đáp:

- Ừ, thì chúc thọ thiên tử. Nhưng con gà của ta nó đã mang lên kia.

Uống cạn chén rượu chúc thọ thiên tử, chàng tuổi trẻ lại bàn uống một chén để mừng cho linh hồn con gà thiến đã được siêu tục qui tiên. Rồi lần lần họ chúc thọ quan Thái sư Bùi Đắc Tuyên, quan Thái úy Phan Côn Hưng, quan Đại tư khấu Trần Quang Riệu, quan Đại tư mã Ngô Văn Sở, quan trấn thủ, quan phân tri. Khi chúc thọ đến chủ quán thì chàng tuổi trẻ đã say mềm, mặt đỏ gay, đầu lảo đảo lười cứng đờ, nói dúi lại không ra câu nữa.

- Này các... chú... nhắm đi chứ... rồi ta còn chúc thọ... nhiều... ử? Sao các chú không . . . chúc thọ tôi . . .

- Dạ, vậy xin công tử cho biết quý tính phượng danh.

- Quý... tính phượng danh à? Tên ta... à... ? Ta là Ngang... tàng công tử... Lê Báo... người trấn Sơn Nam.

Bọn lính đưa mắt phân trần thăm với nhau rằng đó là một câu nói dối. Nhưng viên cai cũng vờ nâng chén rượu chúc tụng:

- Ngang tàng công tử Lê Báo thiên tuế?

Cả sáu người giốc cạn chén rồi cùng cất tiếng cười vang. Ngó thấy nhà sư vẫn ngồi ở cái phản đầu bên kia, co ro, ủ rũ trong chiếc mền nâu, có vẻ rét mướt ốm yếu lắm, một chú lính đã hơi chuenh choáng mời đùa:

- Sư cụ soi rượu

Nhà sư có dáng sợ hãi, chấp tay se sẽ đáp:

- Xin mời các thầy, bàn tăng không dám.

Nhưng lúc bấy giờ, chàng tuổi trẻ càng say lắm, không nghĩ đến giữ gìn nữa, bạ câu gì nói câu ấy. Nhân bàn chuyện đến quan trấn thủ và quan phân tri, chàng vừa cười vừa mắng:

- Dốt? dốt tệ!

Chừng đã muốn dở mặt, người cai sừng sộ hỏi lại:

- Công tử bảo ai dốt?

- Dốt? Dốt... cả... lũ.

- Nhưng ai dốt mới được chứ?

Như không nghe rõ câu hỏi, chàng kia nói luôn:

- Hừ? Không dốt... mà lại phải dùng.. chữ nô. Đòi thuở nhà ai... lại yết... thị... bằng chữ nô... bao giờ không... Cha mách qué... Đồ mách qué?

Người cai sấn đến tận mặt:

- Anh này bảo ai là đồ mách qué? Anh phải biết tiên đế đã xuống chỉ cấm tiệt chữ Ngô... Thi cũ, tờ bối dùng toàn tiếng, toàn chữ nước nhà... Tiên đế làm thế là để gây lấy một thứ chữ riêng cho người mình, sao lại dám ngạo mạn, khi quân...

Chàng trẻ tuổi cười phì cả rượng ra:

- Tiên đế... các... chú à?

- Của cả nước Nam, chứ của riêng gì ai?

Chàng kia lại cười:

- Không... phải... của... ta... Ta chỉ biết... có nhà Lê.

Tức thì viên cai hô lớn một tiếng, bốn tên lính rút cả dao ra chĩa vào mặt chàng tuổi trẻ

Chàng chột hiểu, đứng dậy lùi lại mấy bước, rút gươm ra đối địch. Nhưng vì chàng say quá, chân tay run lẩy bẩy, vừa bị viên cai đẩy mạnh cái bàn vào người đã ngã quay ra. Bốn lính cười âm lên xúm lại toan trói, thì một tiếng hét sau lưng khiến mọi người kinh hoảng:

- Bay? Không được vô lễ với công tử.

Nhà sư lù rù ban nãy tung cái mền nâu xuống phản đã vụt trở nên võ sĩ lẫm liệt oai phong, tay cầm kiếm xông vào. Bốn lính liền bỏ chàng say rượng quay lại chống cự với nhà sư. Nhưng chống cự sao nổi? Lưỡi kiếm đi đến đâu, máu chảy đến đấy, chỉ trong khoảnh khắc, năm cái thân đã nằm ngổn ngang dưới đất.

Nhà sư liền giơ kiếm vụt mạnh một cái vào cây đèn dầu lạc cho tắt, rồi xốc chàng trẻ tuổi sau rượng cắp nách ra sân sau vào tàu giặt ngựa, nhảy vót lên yên trông thẳng phía tây bắc, phi nước đại.

## Khái Hưng, cuộc đời và tác phẩm trong bối cảnh lịch sử văn học Việt Nam Lê Quang Thông



Bài nói chuyện trong dịp kỷ niệm trăm năm sinh nhà văn Khái Hưng (1897-1996) tại Offenbacham Main, Đức quốc, ngày 21-12-1996.

### 1. Mở đầu

Trong sự hiểu biết có chừng mực về văn chương, và với một số tài liệu có được, tôi xin cùng quý vị ôn lại hai giai đoạn lịch sử của đất nước: giai đoạn 1913-1932 và giai đoạn 1932-1947, nghĩa là lấy năm 1932, năm Khái Hưng cùng Nhất Linh bắt đầu hoạt động mạnh trên tờ Phong Hóa làm mốc thời gian; tôi xin kể sơ chuyện 19 năm trước đó, và phần chính chuyện 15 năm sau đó.

Chuyện 19 năm trước 1932 sẽ cho chúng ta một cái nhìn khái quát về tình hình sinh hoạt văn học nước nhà trước khi Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) ra đời.

Chuyện 15 năm sau 1932 sẽ nói về những hoạt động của Khái Hưng và TLVĐ có thể xem như là cuộc vận động cách mạng văn hóa xã hội, có ảnh hưởng rất sâu rộng vào thời đó, mà dấu ấn vẫn còn đến bây giờ, dù rằng trong suốt 30 năm (1945-1975), một nửa phần đất nước cổ tình bôi xóa hay không nhắc đến. Cho mãi tới năm 1994 nhà xuất bản Khoa học Xã Hội -Hà Nội- mới được phép in bộ Văn xuôi lãng mạn Việt nam (1930-1945), gồm ba tập, mỗi tập in 2000 cuốn; tất cả có 15 truyện của các nhà văn trong TLVĐ và các nhà văn khác cùng thời. Lời nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, cũng như bài giới thiệu của Nguyễn Hoàn Khung, nêu lý do việc đánh giá dòng văn học lãng mạn 1930-1945, do tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI của đảng CSVN; đồng thời giải thích thái độ, mà họ gọi là, nghiêm khắc, bất công, hẹp hòi, cứng nhắc ... đối với TLVĐ.

## 2. Giai đoạn 1913-1932

Những phong trào vũ trang kháng Pháp lần lượt tan rã vào những năm cuối thế kỷ 19.

Phan Đình Phùng mất ở Hà Tĩnh năm 1895, Nguyễn Thiện Thuật bỏ Bãi Sậy sang Tàu 1897, và cũng năm đó Hoàng Hoa Thám hạ khí giới ở Nhã Nam.

Đối với tầng lớp sĩ phu có trách nhiệm với sự hưng vong của đất nước, chân lý mạnh thắng yếu thua quá rõ ràng. Muốn mạnh thì phải canh tân xã hội và học thuật theo gương các nước Tây phương. Đó là nguyên do các phong trào duy tân khởi lên đầu tiên ở nước ta.

Phong trào Đông kinh Nghĩa thực kéo dài có ba năm ngắn ngủi. Từ lúc dấy lên (1905), đến lúc bị Pháp bắt đày đi Côn đảo (1908), các cụ Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Phan Châu Trinh đã làm được các việc cụ thể: truyền bá Quốc ngữ, dạy các kiến thức phổ thông theo tây học, bỏ quốc phục mặc âu phục, hớt tóc ngắn, đề cao những nghề nghiệp thực dụng như khai đồn điền, mở hội buôn, làm công nghệ.

Cơn gió duy tân hồi thức xã hội Việt Nam thời đó chuyển mình. Năm 1913 Đông Dương Tạp Chí do Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương ra đời, và năm 1917 Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh xuất hiện. Hai tờ báo này đều sống được 17 năm, và ảnh hưởng rất lớn vào suy nghĩ và cách sống của dân tộc ta thời bấy giờ.

### Đông Dương Tạp Chí (Tân nam tử Nguyễn Văn Vĩnh)

Nguyễn Văn Vĩnh được mệnh danh là "*Thủy tổ nhà báo xứ sở*." Ông bắt đầu ra tờ Đại Nam Đăng Cổ Tùng Báo sau khi đi Pháp dự hội chợ đầu xảo (foire d' exposition) Marseille về. Sau đó ông liên tiếp chủ trương nhiều tờ báo, mà nổi bật là ĐĐTC. Lập trường ông có thể gom vào các điểm sau:

- thù phong kiến, chống thực dân
- đả đảo Hán học, ông gọi là '*cái hàng rào cản bước văn minh*'
- tuyên truyền văn minh Âu Tây
- chống phong trào Đông Du, chống bạo lực.

Về văn học, ông đứng ra mở đường cho văn học mới:

- tranh đấu cho việc truyền bá Quốc ngữ
- đem vào hoạt động xã hội ta nhà in và tờ báo, hai khí cụ giúp ông xây dựng văn học mới, mở đường cho một lớp nhà văn, nhà báo với tư tưởng mới như TLVĐ, Tam Lang, Nguyễn Công Hoan, Vũ Đình Long ... sau này.

Nguyễn Văn Vĩnh là một con người chịu chơi dưới mắt thanh niên trí thức Hà Nội thời bấy giờ. Ông mặc âu phục trắng, đội mũ thuộc địa trắng, đi mô tô, 26 tuổi ông đã làm Hội viên Hội đồng thành phố Hà Nội. Ông hoạt động công khai chống chế độ thực dân thuộc địa và chế độ bảo hộ. Chủ trương xây dựng Bắc và Trung kỳ theo kiểu trực trị (administration directe), nghĩa là dẹp bỏ ngôi vua và để Pháp cai trị với sự tham gia hành chính của nhân dân do Thượng, Hạ nghị viện từ nhân dân bầu cử. Ông bày tỏ rõ ràng nguyện vọng Âu hóa, khinh bỉ phong tục hủ



lậu mê tín của dân mình qua các loạt bài: Xét Tật Minh, Nhời Đàn Bà, Hương Sơn Hành Trình đăng trên ĐDTTC. Ở bài Hương Sơn Hành Trình ông đã kích Hội Chùa Hương và vô tích sự, chỉ đụng đầu với cái ngớ ngẩn của đám mê tín. Điềm lý thú là con ông, thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp, lại nổi tiếng qua bài thơ Đi Chùa Hương, mà Trần Văn Khê đã phổ nhạc. Ông mất năm 1936 lúc cùng với Cléminti, chủ tờ báo L' Argus Indochinois, đi tìm vàng ở Lào. Linh cữu được đưa về Hà Nội và được sự đón rước của cả mấy chục ngàn người.

#### Nam Phong Tạp Chí (Thượng Chi Phạm Quỳnh)

NPTC ra liên tục trong 17 năm (1917-1934) được 210 số, nguyên là một tờ báo do Phủ Toàn Quyền chủ trương, chống lại tuyên truyền của Đức ở Viễn Đông.

Người chủ trương là Louis Marty, phụ tá Trưởng phòng Chính trị Phủ Toàn Quyền. Ông ta đọc và nói tiếng Tàu như một nhà nho Tàu, rành tiếng Việt. Marty sáng lập ra tờ Âu Châu Chiến Sử, báo chữ Hán, tiền thân của NPTC. Marty lập hội Khai Trí Tiến Đức. Tờ NPTC ghi ở trang đầu: L' Informatuion francaise - La France devant le monde - Son rôle dans la guerre des nations. Khi Phạm Quỳnh được Pháp giao cho làm tờ báo, ông chủ trương '*lợi dụng làm một cơ quan bồi bổ Quốc văn, cho thêm nhiều tiếng, cho đủ tài liệu để phiên dịch và truyền bá tư tưởng Âu tây*'. Về lập trường ông là một người bảo thủ, chủ trương gìn giữ quốc hồn, quốc túy. Về văn học, ông đặt nặng việc xây dựng văn hóa quốc gia, thâu thập vật liệu âu tây cho sự tiến hóa của nước nhà, nhưng không đánh mất bản sắc dân tộc.

Năm 1922, ông diễn thuyết mấy đề tài sau ở Paris: Sự tiến hóa của người Việt Nam từ khi Pháp đặt bảo hộ, Thi ca Việt Nam, Một vấn đề dân tộc giáo dục ... gây được nhiều tiếng vang trong giới trí thức Pháp. Báo chí Pháp đã so sánh lối diễn tả bằng Pháp văn của ông khúc triết, thâm thúy cỡ các bậc Hàn lâm Pháp thời đó như Emile Bourtroux hay Jules Lemaitre. Đoạn trích dẫn sau đây cho thấy lập trường của ông: "*Dân Việt Nam chúng tôi không thể ví như một tờ giấy trắng được đâu. Chúng tôi là một quyển sách đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai đã mấy mươi thế kỷ nay. Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp với thời trang nhưng không thể đem một thứ chữ ngoài in lên những giòng chữ cũ được. Vấn đề là phải giáo dục người VN thế nào cho vừa truyền được cái học thuật cao thượng đời nay, vừa không đến nỗi làm cho chúng tôi mất giống đi, mất cái quốc tính của chúng tôi đi, làm thành ra một dân tộc vô hồn, không còn có tinh thần đặc sắc gì nữa, như mấy cái thuộc địa cổ của người Pháp kia ..."*

Ông mở khoa Ngôn ngữ và Văn chương Hán Việt ở trường Cao đẳng Hà nội, tiền thân của Đại học Văn khoa sau này. Ông tổ chức kỷ niệm ngày húy Nguyễn Du ở Hà nội năm 1924 có hai ngàn người tham dự.

Phạm Quỳnh luôn luôn mặc quốc phục, áo dài the đoan hoặc satin, mang giày escarpin, đầu chít khăn đóng kể cả lúc diễn thuyết ở Paris. Tháng 3-1932 vua Bảo Đại hồi loan, Phạm Quỳnh được mời làm Ngự tiền văn phòng Đồng lý, sau đó làm Thượng thư bộ Giáo Dục. Tháng 8-1945 ông bị Việt Minh thủ tiêu ở Huế.

Tóm lại giai đoạn 19 năm trước 1932, hai nhân vật Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh với hai tờ báo ĐDTTC và NPTC đã thành công trong việc xoay chuyển nhận thức của dân chúng nước ta, tiếp tục tư tưởng duy tân, âu hóa; đưa nền văn chương quốc ngữ bước những bước vững vàng. Có thể nói công chúng không những đọc báo mà còn học rất nhiều ở báo. Vũ Ngọc Phan trong tập 'Nhà văn hiện đại' nhận định NPTC là một tờ bách khoa toàn thư vào thời đó. Những văn thi sĩ khác có nhiều đóng góp vào thời kỳ này còn có Trần Trọng Kim, Phan Khôi, Nguyễn Bá Trác, Đông Hồ, Tương Phố, Tản Đà, Nguyễn Trọng Thuật, Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách ...

Hoàng Ngọc Phách cho xuất bản tiểu thuyết Tố Tâm năm 1925. Chuyện có năm hồi, thuật lại mối tình của một sinh viên ban văn chương trường Cao đẳng Sư phạm tên là Đạm Thủy với Tố Tâm, con bà Án, góa phụ hưu quan, có tiệm tơ lụa ở Hà Nội. Đạm Thủy đã được cha mẹ đính hôn trước và không có can đảm chống lại quyết định của gia đình nên tỏ ý cho Tố Tâm hay.

Nhưng Tố Tâm chủ trương yêu để mà yêu vẫn hằng say đi tới. Về sau khi bà Ân đau nặng, nản nì con chấp thuận lấy một cậu Tú; Tố Tâm vì chữ hiếu nghe theo nhưng đau đớn vĩnh biệt với Đạm Thủy, rầu rĩ nhuộm bệnh thổ huyết mà chết, để lại cho Đạm Thủy cuốn nhật ký, ghi lại những ngày cuối của nàng; Rồi đây sau khi hương tàn khói tỏa, có lúc nào anh qua chỗ em an giấc ngàn năm, nhờ anh đề hộ vào gốc cây tảng đá hay bức tường mấy chữ rằng: 'Đây là mồ một người bạc mệnh chết vì hai chữ ái tình.' Đạm Thủy sau cái chết của Tố Tâm, đau tim phải về đồn điền của người anh an dưỡng với vết thương lòng.

Tố Tâm là một biên cố văn học, đã đáp ứng đúng vào tâm hồn sầu lụy của con người vào thời đại ấy. "Sau cơn vong quốc, hàng ngũ trí thức sĩ phu tan rã, lớp đi kháng Pháp tuần tiết lưu vong, lớp ra hợp tác với Pháp vì danh lợi, lớp lấy hoạt động văn hóa làm con đường thoát. Người mạnh về lý trí theo Phạm Quỳnh lao đầu vào sự nghiệp học thuật. Nhưng người giàu tình cảm không khỏi thấy sự trống rỗng ghê gớm trong lòng. Buồn mất nước, buồn nề nếp cũ đổ rơi, giá trị cũ suy tàn. Buồn thất thời thất thế, buồn trợ trợ bơ vơ. Cái buồn ấy từ bậc thức giả lan tràn ra khắp xã hội. Người ta muốn quên, muốn được an ủi. Văn học mới đã đem lại một thức ăn thích hợp, một đường lối đào vong là tiểu thuyết. Nhất là tiểu thuyết bi tình trong đó có nhớ thương, có thất vọng, có chết chóc, để người ta có thể rung động thần thức, nhờ lệ." Đó là nhận định của ông Phạm Thế Ngũ trong cuốn Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên. Ngoài ra trước năm 1932 còn có những thay đổi quan trọng trong xã hội: năm 1930 ra đời khóa đầu tiên của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương với Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Võ Cao Đàm, ...; phong trào thao diễn quần vợt từ Nam ra Bắc của đội Chim Giao; phong trào phụ nữ đi bộ Hà Nội - Đồ Sơn 120 km ...

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Nguyễn Thái Học thất bại (1930), và sự đàn áp thẳng tay của nhà cầm quyền Pháp gieo một không khí hoang mang kinh sợ hay buồn bã hoài nghi khắp nơi. Vì thế để trấn an, Pháp cho tổ chức nhiều hội chợ từ thiện từ Sài Gòn ra Hà Nội để dân chúng vui chơi, quên đi những lo âu chính trị.

Công tử Hà Nội ăn mặc đúng mốt Ba lê, tay cầm yo yo tiến vào các chợ phiên, tung confetti, serpentin lên đầu các thiếu nữ tân thời, và cười đùa hả hê, hoặc xách can về các hội Lim, hội chùa Hương, hội đền Hùng tìm những thôn nữ mộc mạc để tán hươu tán vượn. Nhóm thanh niên du học ở Pháp về, gọi là Retour de France, trào yêu tiếng hát của Tino Rossi qua các bài J' ai mon pays et Paris, Je t'aimerai toujours ... Trong France có Nguyễn Mạnh Tường, 22 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa. Luận án Luật của ông là 'Quyền cá thể trong Nam. Khảo cứu tổng thể về bộ Luật đời Lê.' Ông được Cộng Sản tin dùng, sau đó bị cô lập và sống Nội. Ông muốn sửa xe đạp trên vỉa hè để làm kế nhưng: 'điều bất hạnh là kiến thức của tôi về văn ngôn ngữ triệt phế hết mọi khả năng trước một như kẻ hoạn quan trước một người đàn bà trần ông viết trong cuốn Un Excommunié, bản tiếng xuất bản 1991.

Trong hoàn cảnh xã hội như vậy, tờ báo Phong Tự Lực Văn Đoàn ra đời.



gây ra phong deux amours, đám Retour de Luật và Văn xã hội Việt Tường lúc đầu nghèo đói ở Hà sinh nhai chương và chiếc xe đạp trường,' như Pháp, Quê Mẹ

Hóa đổi mới và

### 3. Giai đoạn 1932-1947

Tờ Phong Hóa trước khi Nhất Linh, Khái Hưng chủ biên đã ra được 13 số do ông Phạm Hữu Ninh, người sáng lập trường Thăng Long làm quản lý. Ngày 22-9-1932 sau khi điều đình với ông Ninh, Nhất Linh làm số 14 Phong Hóa đổi mới với sự cộng tác của Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ ...

Những người cùng tâm chí gắn chặt với nhau để thực hiện hoài bão cải tạo xã hội, bước những bước cụ thể:

- 1932 làm tờ Phong Hóa
- 1933 thành lập Tự Lực Văn Đoàn
- 1940 lập đảng Hưng Việt, còn gọi là Đại Việt Dân Chính.

Tên gọi Tự Lực có nghĩa là tự sức mình gây lấy cơ sở chứ không nhờ cậy vào chính phủ hoặc một thế lực tài chánh nào; do đó có tư cách độc lập, không tuân theo một chỉ thị nào, ngoài đường lối chính họ tự vạch ra. Phong Hóa ra liên tục từ 1932 đến 1936, chỉ có đóng cửa ba tháng năm 1935 vì đã kích Hoàng Trọng Phu.

Ngày Nay ra đời năm 1934 song song với Phong Hóa. Sau 13 số thì tự đình bản để dồn nỗ lực vào Phong Hóa, rồi tiếp tục khi Phong Hóa bị đóng cửa cho đến 1940. Nhà xuất bản Đời Nay ra đời 1932, có năm in đến 54 ngàn cuốn tiểu thuyết.

Phong Hóa số 14 ra đời trúng khẩu vị độc giả. Số in từ 3 ngàn vệt lên 10 ngàn số. Sẵn đà, họ tính chuyện hoạt động lâu dài và thành lập TLVĐ.

TLVĐ lúc thành lập có bảy người với ý nghĩa hội Thất tinh (la pleiade, die Plejade, das Siebengestirn, chòm sao Rùa) với:

- Nhất Linh Nguyễn Tường Tam
- Khái Hưng Trần Khánh Giư
- Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu
- Thế Lữ Nguyễn Thứ Lễ
- Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long
- Thạch Lam Nguyễn Tường Lân
- Nguyễn Gia Trí, họa sĩ

Khái Hưng tên thật là Trần Khánh Giư, sinh năm 1896 tại làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Thân sinh ông là cụ Trần Mỹ, tuần phủ Phú Thọ. Ông có một người anh trai, hai người em trai và một trong hai người em này là nhà văn Trần Tiêu. Ông là con rể cụ Lê Văn Đính, Tổng Đốc Bắc Ninh.

Theo nhiều tài liệu, vợ ông là một người đàn bà rất đảm đang, vẫn nhuộm răng đen trong khi chồng theo tây học, có cốt cách con nhà nho phong. Ông sống sung túc, gia đình êm ấm. Có thể do đó mà Khái Hưng viết truyện với văn phong nhẹ nhàng êm ái chăng? Các nhà văn khác như Vũ Trọng Phụng, nhà nghèo, ít khi cười, viết văn luôn luôn mỉa mai, chua xót. Hay Phan Khôi, người Điện Bàn, Quảng Nam, dân nổi tiếng lý sự nên viết móc, viết xô xiên rất thâm, rất hay. Ví dụ giai thoại Phan Khôi dịch chữ Pomme de terre là khoai nhọc ngựa, từ chữ Hán Mã linh thư, để trêu thái độ trọng Trung Cộng của cán bộ cộng sản. Trong tập Nắng Chiều không được xuất bản, viết về cây cộng sản (herbe communiste) hay cỏ cụ Hồ, ông lại gọi là cỏ bù xít, cây cứt lợn hay cây chó đẻ.

Hồi nhỏ ông học chữ Hán, sau chuyển sang Tây học, đậu Tú tài Pháp tại trường Albert Sarraut, Hà Nội năm 20 tuổi. Ông dạy học ở trường tư thục Thăng Long, viết cho tờ Văn học của anh em ông Dương Bá Trạc, Dương Tự Quán, làm Chủ bút tờ Phong Hóa của ông Phạm Hữu Ninh. Đến năm 1932 gặp Nhất Linh cùng làm tờ Phong Hóa đổi mới, lúc đó ông đã 36 tuổi (hơn Nhất Linh 10 tuổi) và là người cao niên nhất trong nhóm. Khái Hưng là do lối chiết tự (anagramme) từ tên Khánh Giư mà ra. Lúc đi dạy ở trường Thăng Long, ông nổi tiếng là một ông thầy duyên dáng.

Người gầy ốm, đôi má hơi cốp và nước da hơi tái nhưng nụ cười rất tươi. Nụ cười nụ nét hóm hỉnh, nhưng hiền hòa khả ái, chứ không hời hợt đả bôi như Thế Lữ và không trào lộng như Nguyễn Tường Tam. Khái Hưng cũng không tự kiêu tự đắc, tính điềm và tao nhã. Tuy ở chung một tòa soạn, nhưng Khái Hưng không thích chơi với Thế Lữ. Trái lại Khái Hưng thân với Nguyễn Tường Tam và Tú Mỡ. Anh ít nói, tính điềm đạm nhưng thỉnh thoảng hài đôi chút,

và không làm mịch lòng ai. Trong nhóm Phong Hóa anh là người được đa số nhà văn mến nhất (Văn Thi Sĩ Tiền Chiến, Nguyễn Vỹ, Khai Trí Sài Gòn 1969).

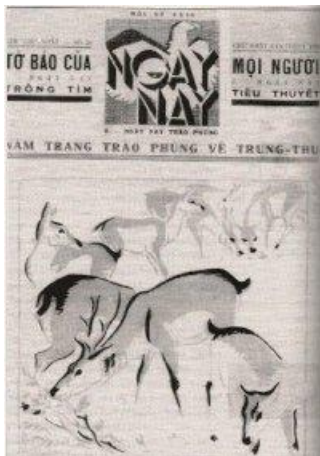
Lúc đó ở Hà Nội ngoài nhóm TLVĐ còn có nhóm *Hàn Thuyên*, với tờ *Xuân Mới*, do Nguyễn Đức Quỳnh và Trương Tửu chủ trương, sở trường về biên khảo với khuynh hướng Đệ tứ cộng sản. Sau một vài năm có nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* với tờ *Tinh Hoa* do Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh cầm đầu. Những nhóm này không ưa gì nhau, nhưng đặc biệt xuyên qua các hội ký, nhận định của các nhà văn tiền chiến, Khải Hưng chiếm được cảm tình trọn vẹn của hầu hết văn thi sĩ thời đó.

Trương Tửu trong nhóm *Hàn Thuyên* viết: TLVĐ là sản phẩm xì hơi cách mạng bằng phương tiện văn chương do linh mục Cras (Đỗ Minh Vọng) đỡ đầu. Linh mục này sau làm Bí thư cho Toàn quyền Decoux. Trương Tửu đã kích lối cách mạng xa lông của TLVĐ.

Năm 1940, Khải Hưng và Nguyễn Tường Tam lập đảng Đại Việt Dân Chính (có tài liệu ghi là Hưng Việt). Khải Hưng làm Đảng trưởng. Đảng có khuynh hướng dựa vào Nhật để chống Pháp. Năm 1941 Khải Hưng bị mật thám Pháp đưa đi giam ở Vũ Bản cùng với Hoàng Đạo và Nguyễn Gia Trí, chỉ có Nguyễn Tường Tam trốn được sang Tàu. Năm 1943 Khải Hưng và các đồng chí bị Pháp đưa về quản thúc ở Hà Nội. Sau vụ đảo chính Nhật 1945 Khải Hưng được trả tự do và từ 05-5-1945 cùng Nguyễn Tường Bách, Hoàng Đạo làm tờ *Ngày Nay Kỷ nguyên mới* với sự chỉ đạo của Nguyễn Tường Tam lúc bấy giờ còn ở Liễu Châu. 'Ngày Nay Kỷ nguyên mới' là cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau đó Nguyễn Tường Tam về làm Bộ trưởng Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp Kháng chiến, thành lập ngày 02-3-1946 tại Hà Nội, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Nguyễn Tường Tam làm Trưởng phái đoàn tham dự Hội nghị Đà Lạt 17-4-1946. Thời gian hợp tác Quốc Cộng kéo dài không bao lâu. Ngày 20-12-1946 Hồ Chí Minh đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Sau đó trong chính phủ Hồ Chí Minh cải tổ, Hoàng Minh Giám thay Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Ngoại giao. Ngày 27-12-1946 Khải Hưng bị Việt Minh bắt, giam ở trại hồi thất chính trị phạm Liên khu III ở Lạc Quân, Chi Nê, Phủ Lý. Ông bị thủ tiêu ở bến đò Cựa Gà thuộc phủ Xuân Trường vào năm 1947.

Trong tập *Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc*, cụ Hoàng Văn Chí cho biết, lúc bắt Khải Hưng ở phố Quan Thánh có cụ Phan Khôi đang tá túc trong nhà và bị bắt luôn. Nhưng cụ Phan Khôi có con là Phan Thao làm chủ nhiệm báo Cứu Quốc, và em họ là Phan Bôi, tức Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Bộ Nội Vụ; nên Việt Minh đem cụ lên Việt Bắc làm nhiệm vụ phiên dịch sách suốt chín năm, đến 1954.

Cái chết của Khải Hưng không được rõ ràng lắm. Theo Nguyễn Vỹ trong *Văn Thi Sĩ Tiền Chiến*, Khải Hưng bị Việt Minh quản thúc tại ngay làng ông. Nhân một buổi họp tại trụ sở Ủy ban xã, ông có làm một bài thơ tán dương Hồ Chí Minh ngụ ý châm biếm. Sau đó, ông bị một cán bộ xã thủ tiêu trên một đường làng gần nhà ông, vào khoảng nửa đêm. Tin này Nguyễn Vỹ có hỏi các nhà văn Hà Nội di cư vào Sài Gòn năm 1955 như Vũ Bằng, Tam Lang, Vi Huyền Đắc, Thượng Sĩ, ... nhưng đúng hay không, không ai xác nhận được chính xác.



Khải Hưng để lại khoảng 20 tác phẩm, có thể liệt kê theo thứ tự thời gian sau đây:

- Hồn Bướm Mơ Tiên (1932)
- Nửa Chừng Xuân (1933)
- Tiêu Sơn Tráng Sĩ (1934)
- Trống Mái (1935)
- Gia Đình (1935)
- Thừa Tự (1936)
- Thoát Ly (1936)
- Đẹp (1940)
- Bản Khoăn (1942)

và các tập truyện ngắn:

- Tiếng Suối Reo, 33 truyện (1932-1935)
- Đội Mũ Lạch, 27 truyện (1932-1935)
- Dọc Đường Gió Bụi (1932-1935)
- Cái Ve, 13 truyện (1935-1940)
- Hạnh, 5 truyện (1935-1940)

Ngoài ra có các vở kịch như Tục Lụy, Đồng Bệnh, và một số tiểu thuyết viết chung với Nhất Linh.

Giai đoạn 15 năm từ 1932 đến 1947 thật sự đáng kể chỉ có tám năm với những vận động đổi mới xã hội của TLVĐ từ 1932 đến 1940.

Trong tôn chỉ của TLVĐ đăng trong báo Phong Hóa số 87 ngày 02-3-1933 có 10 điều nguyên văn như sau:

1. Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi: mục đích để làm giàu thêm văn sản trong nước,
2. Soạn hay dịch những cuốn sách có tư tưởng xã hội. Chú ý làm cho người và cho xã hội ngày một hay hơn lên,
3. Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cổ động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.  
Ba điều trên đây xác nhận sự ly khai với những bận tâm học thuật quốc gia của thời kỳ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh. Những cố gắng dung hòa học thuật Đông - Tây của Phạm Quỳnh, theo đa số giới cầm bút sau 1932, chỉ làm cho đất nước chậm tiến. Theo họ học thuật văn hóa Tây là nhất. Họ không bận tâm đến việc đào bới quá khứ, lau chùi quốc túy, dựng lại quốc học. Phản ảnh tinh thần chung này, TLVĐ không đề cập tới công việc biên khảo, mà chỉ chú trọng tới văn học sáng tác.
4. Dùng một lối văn giản dị dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính cách An nam.  
Lối văn này chúng ta bắt gặp trong hai tác phẩm đầu tay của Khải Hưng: Hòn Bướm Mơ Tiên và Nửa Chừng Xuân. Nguyên vào thời kỳ này có hai lối viết phổ biến, một loại văn Hán hóa của Nam Phong Tạp Chí, và một loại văn Tây hóa do Hoàng Tích Chu đề xướng trên báo Đông Tây từ năm 1931. TLVĐ đã kích cả hai lối. Trên tờ Phong Hóa số tháng 3-1933, Nhất Linh chế diễu hai đoạn văn Tàu và văn Tây như sau:  
Văn Tàu: Bĩ nhân trầm tư mặc tưởng nghiên cứu thực lực về cái thâm ý đại nghĩa của nhân thế sau khi đã biện phục, đã xác tín, đã chứng cứ vào những lý thuyết của các nhà triết học cổ kim đông tây thì phải thừa nhận, phải công nhận, phải phục nhận rằng nhân thế là một gang tay là bạch câu quá khích vậy.  
Văn Tây: Ta ngồi trong phòng trước một luồng không khí quay cuồng bởi cái quạt máy, dưới ánh sáng của ngọn đèn 120 nến, rồi ta ném lán nhỡn tuyến qua cửa sổ rơi đánh bịch một cái xuống con cóc ngồi tư lự bên cạnh hòn gạch. Cảm tình ta như nồn nao xoáy tận đáy cõi lòng tư tưởng ta nảy phăng ra ngoài óc, tim ta hồi hộp muốn phá tan lồng ngực nhảy ra ngoài.
5. Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có trí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ.  
TLVĐ đem hình ảnh những lý toét, xã xệ, cụ đồ nho vác hạc xương mai ra làm đề tài chế riễu khinh rẻ. TLVĐ đề xướng phong trào cải cách y phục phụ nữ qua chiếc áo dài Le Mur do họa sĩ Nguyễn Cát Tường vẽ kiểu. Trong văn chương chủ trương chống buồn rầu, chống thất vọng. Chuyện tình của Tố Tâm Đạm Thủy kết cục bi đát thì bây giờ chuyện tình Lan và Ngọc dẫn tới một lối thoát mới nhờ Ngọc nói: *"Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình là nhân loại vũ trụ, tiểu*

*gia đình là hai linh hồn núp dưới bóng Phật Tổ."* Hay như trong *Nửa Chừng Xuân*, Mai vẫn yêu đời một cách tha thiết, vui lòng hy sinh hạnh phúc mình và vẫn sống mạnh.

6. Ca tụng những nét hay về đẹp của nước mà có tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân không có tính cách trưởng giả quý phái.

7. Trọng tự do cá nhân

8. Làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không còn hợp thời nữa

9. Đem phương pháp khoa học thái tây ứng dụng vào văn chương Việt Nam.

10. Theo một trong chín điều này cũng được miễn là đừng trái ngược với những điều khác.

Theo đuổi 10 điều này trong Tôn chỉ TLVĐ, mỗi thành viên có một cách viết khác nhau, như Hoàng Đạo nặng về cải cách xã hội với các loạt bài *Bùn Lầy Nước Đọng*, *Mười Điều Tâm Niệm* cho thanh niên v.v... Nhất Linh với các tiểu thuyết luận đề *Đoạn Tuyệt*, *Lạnh Lùng* ... Thế Lữ với những chuyện kinh dị đề cao óc khoa học như *Vàng và Máu*, *Một Đêm Trăng* ... Nhưng đặc biệt hơn cả là Khải Hưng với cách viết tiểu thuyết độc đáo của ông. Văn nghiệp của Khải Hưng là văn nghiệp tiểu thuyết.

#### Tiểu thuyết về ái tình

- *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Nửa Chừng Xuân*: với quan niệm cao thượng vượt ra khỏi tấn kịch đau lòng của mối tình dang dở.

- *Tiêu Sơn Tráng Sĩ*: yêu nhau trong sự nghiệp cách mạng giữa Trần Quang Ngọc và Nhị Nương, giữa Phạm Thái và Quỳnh Như.

- *Trống Mái*: ái tình thẩm mỹ. Hiền yêu Vội, một chàng trai đánh cá có thân hình một lực sĩ, một quan niệm mới để chữa bệnh Tổ Tâm, ái tình bệnh hoạn.

Ngoại lệ có hai cuốn tiểu thuyết của Khải Hưng:

- *Đẹp* (1940): ái tình nghệ sĩ giữa họa sĩ Nam và Lan.

- *Bản Khoăn* (1942): hai cha con ông Thanh Đức, một nhà kinh doanh cự phú, và Cảnh, sinh viên trường Luật, cùng yêu một cô gái sắc đẹp lộng lẫy. Cha muốn cưới vợ bé, con muốn chinh phục. Cô gái thì yêu cả hai người, người cha vì tiền bạc, người con vì trẻ trung.

Hai cuốn này xa rời hoàn toàn quan niệm yêu nhau trong linh hồn, thờ nhau trong lý tưởng của *Hồn Bướm Mơ Tiên*, của *Nửa Chừng Xuân*.

#### Tiểu thuyết về gia đình

Có ba tác phẩm quan trọng:

- *Gia Đình* (1935): chuyện kể cuộc đời ba cô con gái của một gia đình quyền quý ông bà án Bào. Hai cô con đầu lấy tri huyện, sống cuộc sống chán nản trong nghề làm quan. Chỉ có cô út Bảo, lấy Hạc, sinh viên trường thuốc, bỏ học đi làm đồn điền, sống hạnh phúc, đơn giản với ý nguyện làm cho người khác hạnh phúc.

- *Thừa tự* (1936): vạch ra bề trái của một gia đình quý phái, xào xáo nhau vì chuyện ăn thừa tự gia tài.

- *Thoát Ly* (1936): tiểu thuyết có tính cách luận đề. Thoát ly là lối chọn cái chết của Hồng để phản kháng ngục thất gia đình.

Qua các tiểu thuyết trên, cũng như toàn bộ các tập truyện ngắn, kịch của Khải Hưng, nhiều nhà phê bình văn học đồng ý những điểm chung sau:

- bố cục giản dị, khéo léo.

- tình tiết thưa ít, không có những ngoắt ngoéo ly kỳ.

- Không đưa đến có hậu như chuyện nôm xưa.

- không tả cảnh rườm rà, không bàn luận lỗi thôi, lời văn giản dị, nhanh nhẹn, duyên dáng, hồn nhiên.
  - khuynh hướng hài hước đối với nhân tình thế thái, những lỗi bịch xã hội, phong tục.
  - lòng thương rộng rãi đến những khốn khổ và khuyết điểm của con người.
- Đây chính là những điểm phân biệt ông với các nhà văn khác trong TLVĐ.

#### 4. Kết luận

Hôm nay chúng ta có dịp cùng nhau ôn lại hai giai đoạn lịch sử của đất nước mà đặc biệt là giai đoạn từ 1932, với những hoạt động văn học và chính trị của nhà văn Khái Hưng, trong TLVĐ. Theo tôi, đó là một cách kỷ niệm nhà văn Khái Hưng có ý nghĩa nhất.

Trong 'Văn học miền Nam tổng quan' ông Võ Phiến có viết như sau: "... nếu sách Việt ngữ không thoát được ra ngoài và được lưu giữ ở ngoại quốc, thì sau này người ta tha hồ ngơ ngác hỏi nhau có chẳng một ông Khái Hưng? Có chẳng một bà Nhã Ca? Có chẳng một ông Phan Khôi? Có chẳng một bà Thụy Vũ? Có chẳng những nhân vật huyền hoặc, tuyệt vô tung tích ấy?"

Lo âu của ông Võ Phiến là một nỗi lo âu lớn lao. Câu hỏi "Có chẳng một ông Khái Hưng" đã âm thầm chứa đựng một quá trình tìm tòi, tra cứu về ông Khái Hưng. Đó là một điều đáng mừng, vì còn có người quan tâm đến văn học nước nhà. Sự rằng câu hỏi nêu ra dưới dạng vô tình hơn "Khái Hưng là ông nào?" Sự rằng chỉ trong vòng 5, 10 năm nữa thôi, tất cả những gì tinh hoa về văn hóa, văn chương Việt Nam trở nên hoàn toàn xa lạ với con em chúng ta.

Đó là mối lo âm ỉ trong lòng mỗi người có chút tâm huyết với quê hương xứ sở. Cũng do tấm lòng lo âu đó mà hôm nay tôi cố gắng tìm tòi, hệ thống, mạo muội trình bày một ít hiểu biết của mình về Khái Hưng với quý vị.

*Thành phố Offenbach, Cộng Hòa Liên Bang Đức,  
ngày 21-12-1996 (Thế Kỷ 21, số 95, March 1997)*

#### Anh phải sống

Trên đê Yên Phụ một buổi chiều mùa hạ.

Nước sông Nhị Hà mới bắt đầu lên to, cuộn cuộn chảy, tưởng muốn lôi phăng cái cù lao ở giữa sông đi.

Theo dòng nước đỏ lò lờ, những thân cây, những cành khô trôi từ rừng về, nổi lênh bênh, như một dãy thuyền nhỏ liên tiếp chạy thục nhanh tới một nơi không bờ không bến.

Đứng trên đê, bác phó nề Thức đưa mắt trông theo những khúc gỗ ấy tỏ ra ý thèm muốn, rồi quay lại, đăm đăm nhìn vợ, hỏi thăm ý kiến. Người vợ, ngắm sông, ngắm trời, lắc đầu thờ dài, nói:

- Gió to quá, mà đám mây đen kia ở chân gò đùn lên mau lắm. Mưa đến nơi mất, mình ạ!

Người chồng cũng thờ dài, đi lững thững. Rồi bỗng đứng dừng lại, hỏi vợ:

- Mình đã thổi cơm chưa?

Vợ buồn rầu đáp:

- Đã. Nhưng chỉ đủ cơm cho hai con ăn bữa chiều hôm nay.

Hai vợ chồng lại im lặng nhìn nhau... Rồi hình như cùng bị một vật, một định kiến nó thôi miên, nó kiềm áp, hai người đều quay lại phía sông: Những thân cây vẫn phăng phăng trôi giữa dòng nước đỏ.

Chồng mỉm cười, cái cười vợ vẫn, bảo vợ:

- Liều!

Vợ lắc đầu, không nói. Chồng hỏi:

- Mình đã đến nhà bà Ký chưa?  
- Đã.  
- Thế nào?  
- Không ăn thua. Bà ấy bảo có đem củi vớt đến, bà ấy mới giao tiền. Bà ấy không cho vay trước.  
- Thế à?  
Hai chữ "thế à" rần rỏi như hai nhát bay cuối cùng gõ xuống viên gạch đặt trên bức tường đương xây. Thức quả quyết sắp thi hành một việc phi thường, quay lại bảo vợ:  
- Này! Mình về nhà, trông coi thằng Bò.  
- Đã có cái Nhớn, cái Bé chơi với nó rồi.  
- Nhưng mình về thì vẫn hơn. Cái Nhớn nó mới lên năm, nó trông nom sao nổi hai em nó.  
- Vậy thì tôi về... Nhưng mình cũng về, chứ đứng đây làm gì?  
- Được, cứ về trước đi, tôi về sau.  
Vợ Thức ngoan ngoãn, về làng Yên Phụ.

\*\*\*

Tới nhà, gian nhà lụp xụp, âm thấp, tối tăm, chị phó Thức đứng dừng lại ở ngưỡng cửa, ngắm cái cảnh nghèo khó mà đau lòng.  
Lúc nhúc trên phản gỗ không chiếu, ba đứa con đương cùng khóc lóc gọi bu. Thằng Bò kêu gào đòi bú. Từ trưa đến giờ, nó chưa được tí gì vào bụng.  
Cái Nhớn dỗ em không nín cũng mếu máo, luôn mồm bảo cái Bé:  
- Mày đi tìm bu về để cho em nó bú.  
Nhưng cái Bé không chịu đi, nằm lăn ra phản vừa chửi vừa kêu.  
Chị phó Thức chạy vội lại ôm con, nói nựng:  
- Nao ôi! Tôi đi mãi để con tôi đói, con tôi khóc.  
Rồi chị ngồi xuống phản cho con bú. Song thằng Bò, ý chừng bú mãi không thấy sữa, nên mồm nó lại nhả vú mẹ nó ra mà gào khóc to hơn trước.  
Chị Thức thở dài, hai giọt lệ long lanh trong cặp mắt đen quàng. Chị đứng dậy, vừa đi vừa hát ru con. Rồi lại nói nựng:  
- Nao ôi! Tôi chả có gì ăn, hết cả sữa cho con tôi bú!  
Một lúc, thằng bé vì mệt quá lặng thiếp đi. Hai đứa chị, người mẹ đã đuổi ra đường chơi để được yên tĩnh cho em chúng nó ngủ.  
Chị Thức lẳng lặng ngồi ôn lại cuộc đời đã qua. Bộ óc chất phác của chị nhà quê giản dị, không từng biết tưởng tượng, không từng biết xếp đặt trí nhớ cho có thứ tự. Những điều chị nhớ lại chen chúc nhau hỗn độn hiện ra như những hình người vật trên một tấm ảnh chụp. Một điều chắc chắn, chị ta nhớ một cách rành mạch, là chưa bao giờ được thư nhàn, được hưởng chút sung sướng thư nhàn như những người giàu có.  
Năm mười hai, mười ba, cái đĩ Lạc, tên tục chị phó Thức, xuất thân làm phu hồ. Cái đời chị, nào có chi lạ. Ngày lại ngày, tháng lại tháng, năm lại năm...  
Năm chị mười bảy, một lần cùng anh phó Thức cùng làm một nơi, chị làm phu hồ, anh phó ngõa. Câu nói đùa đi, câu nói đùa lại, rồi hai người yêu nhau, rồi hai người lấy nhau.  
Năm năm ròng, trong gian nhà lụp xụp âm thấp, tối tăm ở chân đê Yên Phụ, không có một sự gì êm đềm đáng ghi chép về hai cái đời trống rỗng của hai người khổ nạn, càng khổ nạn khi họ đã đẻ luôn ba năm ba đứa con.  
Lại thêm gặp buổi khó khăn, việc ít công hạ, khiến hai vợ chồng loay hoay, chần vặt suốt ngày này sang ngày khác vẫn không đủ nuôi thân, nuôi con.  
Bỗng mùa nước năm ngoái, bác phó Thức nghĩ ra được một cách sinh nhai mới. Bác vay tiền mua một chiếc thuyền nan, rồi hai vợ chồng ngày ngày chở ra giữa dòng sông vớt củi. Hai tháng sau, bác trả xong nợ, lại kiếm được tiền ăn tiêu thừa thãi.  
Vì thế năm nay túng đói, vợ chồng bác chỉ mong chóng tới ngày có nước to.  
Thì hôm qua, cái ăn, trời đã bắt đầu đưa đến cho gia đình nhà bác.



Nghĩ đến đó, Lạc mỉm cười, se sẽ đặt con nằm yên trên cái tã, rồi rón bước ra ngoài, lên đê, hình như quả quyết làm một việc gì.

\*\*\*

Ra tới đê, Lạc không thấy chồng đâu.

Gió vẫn to, vù vù, gầm hét dữ dội và nước vẫn mạnh, réo ầm ầm chảy nhanh như thác. Lạc ngược mắt nhìn trời: da trời một màu đen sẫm.

Chị đứng ngẩn ngẩn, tà áo bay kêu bành bành như tiếng sóng vỗ mạnh vào bờ. Bỗng trong lòng nẩy một ý tưởng, khiến chị hoảng hốt chạy vụt xuống phía đê bên sông.

Tới chỗ buộc thuyền, một chiếc thuyền nan. Lạc thấy chồng đang ra sức níu lại các nút lạt. Chị yên lặng đăm đăm đứng ngắm đợi khi chồng làm xong công việc, mới bước vào thuyền, hỏi:

- Mình định đi đâu?

Thức trừng trừng nhìn vợ, cất tiếng gắt:

- Sao không ở nhà với con?

Lạc sợ hãi đáp ứng;

- Con ... nó ngủ.

- Nhưng mày ra đây làm gì?

- Nhưng mình định đem thuyền đi đâu?

- Mày hỏi làm gì?... Đi về!

Lạc bưng mặt khóc. Thức cảm động:

- Sao mình khóc?

- Vì anh định đi vớt củi một mình, không cho tôi đi.

Thức ngẩn ngẩn, nhìn trời, nhìn nước, rồi bảo vợ:

- Mình không đi được... Nguy hiểm lắm!

Lạc cười:

- Nguy hiểm thời nguy hiểm cả... Nhưng không sợ, em biết bơi.

- Được!

Tiếng "được" lạnh lùng, Lạc nghe rùng mình. Gió thổi vẫn mạnh, nước chảy vẫn dữ, trời một lúc một đen. Thức hỏi:

- Mình sợ?

- Không.

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại với sức nước, chồng cho mũi thuyền quay về phía thượng du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô khi chìm, khi ẩn khi hiện trên làn nước phù sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mất chết đuối trong nghiêng son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghè lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ, thì trời đổ mưa... Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc:

- Giời ôi!

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh lùng trôi đi, lôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ:

- Mình liệu bơi được đến bờ không?

Vợ quả quyết:

- Được!

- Theo dòng nước mà bơi... Gối lên sóng!

- Được! Mặc em!

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi:

- Thế nào?

- Được! Mặc em!

Vợ vừa nói buông lời thì cái đầu chìm lìm. Cố hết sức bình sinh nàng lại mới ngoi lên được mặt nước. Chồng vội vàng đến cứu. Rồi một tay xách vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu yếm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu:

- Mỗi lần rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi! Tôi không xách nổi được mình nữa.

Mấy phút sau chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã rời. Vợ khẽ hỏi:

- Có bơi được nữa không?

- Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

- Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

- Không! Cùng chết cả.

Một lát, một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, chồng lại hỏi:

- Lạc ơi! Liệu có cố bơi được nữa không?

- Không!... Sao?

- Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói:

- Thăng Bò! Cái Nhón! Cái Bé!... Không!... Anh phải sống!

Thức bỗng nhẹ hẳn đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng lẳng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.

\*\*\*

Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sóng đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên cạnh. Đó là gia đình bác phó Thức ra bờ sông từ biệt lần cuối cùng linh hồn kẻ đã hy sinh vì lòng thương con. Trong cảnh bao la, nước sông vẫn lãnh đạm chảy xuôi dòng.

Rút từ tập truyện ngắn *Anh phải sống*  
Nxb *Đời nay*, Hà Nội, 1934.

## Nhân nghĩ về Khái Hưng Dương Nghiễm Mậu

Khái Hưng đã chết như thế nào? Từ rất lâu, mỗi lần gặp lại tên Khái Hưng, tôi lại nghĩ đến điều đó và cùng lúc tôi vẫn muốn biết Khái Hưng, cùng Tự-lực văn-đoàn, cũng như tất cả những người ở thế hệ Khái Hưng đã làm cách mạng như thế nào, họ đã nghĩ gì, làm gì. Họ đã hoạt động trong giai đoạn kháng chiến giải phóng dân tộc ra sao?

*Tại sao Cộng sản thủ tiêu Khái Hưng?* tôi nhớ câu thơ ấy của Thanh Tâm Tuyền. Khái Hưng đã bị thủ tiêu, điều ấy đã chắc. Hồi còn nhỏ ở Hà-nội, đọc một tờ tuần báo vào khoảng năm 1950 gì đó tôi có được thấy trong một thiên hồi ký, không nhớ tên tác giả, không nhớ rõ tên thiên hồi ký, tôi chỉ nhớ thiên hồi ký mô tả lại những ngày tù tội của các chiến sĩ quốc gia bị V.M. bắt giam, trong thiên hồi ký có một đoạn tác giả cho biết đã gặp Khái Hưng trong một trại giam ở Việt Bắc, tác giả cho biết lúc đó Khái Hưng ốm yếu, bị đi kiết vì bị hành hạ và cuộc sống đầy ải của nhà tù, rồi Khái Hưng chết ở đây, những chiến sĩ quốc gia, những bạn của Khái Hưng đã dẫn tre làm phen quấn xác Khái Hưng thay quan tài và an táng trong một khu rừng ở Đại-từ, những điều này tôi nhớ mơ hồ lắm và cùng đó hình như tác giả còn nói ngày Khái Hưng chết là 17-11 năm 1947. Tôi không nhớ rõ, nhưng trí óc tôi còn mường tượng nên viết ra, nó không

nhằm cung cấp chính xác một tài liệu, mà tôi chỉ muốn ghi lại những điều mà trong tâm tưởng tôi hai chữ Khái Hưng vẫn có lúc nhớ đến.

Trong thời gian làm tờ Văn Nghệ tại nhà in ở đường Cô Bắc tình cờ tôi được nghe truyện về Khái Hưng, người nói chuyện giới thiệu là một người cháu về đảng bà Khái Hưng, người này nói chính ông đã gặp Khái Hưng lần cuối vào ngày buổi chiều cán bộ V.M. bắt Khái Hưng dẫn đi, bọn cán bộ này là một thứ du kích tự vệ xã, Khái Hưng mặc quần áo thường, mang theo một chiếc chăn dạ màu cứt ngựa, người kể truyện gặp Khái Hưng ở đầu làng, Khái Hưng có nét mặt rầu rầu buồn bã mỉm cười và giơ tay chào. Sau đó, người nói chuyện bảo dù rất kín, mấy tên du kích đã lộ ra rằng họ bỏ Khái Hưng vào bao bố đâm chết rồi quăng xuống sông. Không hiểu ngoài những điều mơ hồ, không có gì làm bằng chứng kia, còn có những điều nào khác được kể về cái chết của Khái Hưng? Có điều *Khái Hưng đã chết*. Khái Hưng đã chết thực và tác phẩm cuối cùng của Khái Hưng -theo như ghi chép- để lại cho chúng ta là tác phẩm *Bản thảo*, trước khi Khái Hưng bước vào đoạn đường tranh đấu cách mạng cùng các bạn, cùng toàn dân để giải phóng dân tộc và Khái Hưng đã chết trong cuộc tranh đấu đó.

Nghĩ về cái chết của Khái Hưng, cùng lúc tôi nghĩ đến cái chết khác của các chiến sĩ quốc gia kéo theo sự thất bại của những người quốc gia trong lúc đối đầu với Cộng-sản, tôi muốn tìm hiểu và rút ra từ đó những nguyên nhân đưa đến hoàn cảnh lịch sử đương thời mà với chúng tôi buộc phải có trách nhiệm. Trở về khung cảnh, những hoạt động của sau năm 1901 khi Đông-Kinh Nghĩa-thực phải ngưng hoạt động, sau năm 1924 chiến khu Yên-thế của Hoàng Hoa Thám bị tan, sau năm 1930 Nguyễn Thái Học bị chết ở Yên-báy, Tự-lực văn-đoàn với Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam, Tú Mỡ ... hoạt động trên mặt trận báo chí, văn chương không phải chỉ là để làm báo, làm văn chương, mà những công việc của nhóm đã chứng minh rõ, họ chỉ dùng văn chương báo chí để hoạt động cách mạng, hay nói khác đi, nhẹ hơn, đúng hơn dùng văn chương báo chí cho một vận động cải cách xã hội theo tinh thần Tây-phương. Những gì đã được viết ra trên báo Phong Hóa, báo Ngày Nay, cùng các tác phẩm đã minh chứng điều này. Sau bao nhiêu năm bế môn tỏa cảng, người Tây-học, người trí thức mới của thế hệ 1930 đã nhận thấy sức mạnh của Tây-phương, cụ thể là nền đô hộ của người Pháp, người trí thức mới nhận ra sự bại trận, nô lệ của mình: xã hội ta lạc hậu, tinh thần Nho-giáo suy đồi, hủ lậu, dân ta cực khổ thất học, với quá nhiều tệ đoan, mê tín. Họ thấy rõ muốn thoát cảnh lệ thuộc trước hết phải nâng cao dân trí, cải cách xã hội. Và họ đã làm.

Các tác phẩm văn chương của Tự-lực văn-đoàn đã đóng một vai trò lớn trong công việc này: mô tả tranh chấp mới cũ, đề cao đời sống mới. Trên căn bản chấp nhận tinh thần tự do, dân quyền của những nhà tư tưởng đã làm thành cuộc cách mạng tư sản 1789 của Pháp. Lý thuyết gia chỉ đạo của Tự-lực văn-đoàn là Hoàng Đạo đã viết: *Mười điều tâm niệm*, Nhất Linh đã viết *Đoạn tuyệt*, Khái Hưng đã viết *Nửa chừng xuân*. Trên phương diện xã hội đã đưa ra phong trào Ánh Sáng. Sau cùng Tự-lực văn-đoàn thành đảng Hưng Việt hoạt động cách mạng, kéo liền theo đó, Khái Hưng chết. Nhất Linh bỏ ghế bộ trưởng chạy sang Tàu, Hoàng Đạo chết ở Tàu, Tú Mỡ, Thế Lữ ở lại với Cộng-sản, còn một mình Nhất Linh bơ vơ, lạc lõng ở Miền Nam đề cao văn chương vượt thời gian không gian, và với *chính bản thân* chọn cái chết chống lại chế độ Ngô Đình Diệm.

Suốt một lịch sử kéo dài ba mươi năm, trong đó liên tiếp 20 năm chiến tranh trên quê hương chúng ta, nếu đổ tội cho cái vận nước mình khốn khổ, khốn nạn thì không nói làm gì nữa, nhưng nói đến trách nhiệm của những ai tự nhận như một chiến sĩ quốc gia thì chúng ta phải nhận chúng ta đã thua, chúng ta phải chịu trách nhiệm nghiêm khắc với hiện tình, và từ đó phải nhận định: từ những vận động của thế hệ 1930, qua cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đến nay, cuộc cách mạng phải có của chúng ta vẫn chưa chấm dứt, vì chúng ta vẫn chưa có một mẫu người mới, một xã hội mới được xây dựng trên một ý thức hệ Việt mới. Có phải tôi đã nói lỏng bông lang bang, vì tôi đang viết những gì về Khái Hưng không? Có thể phải mà cũng có

thể không vì tôi đã nghĩ đến nó khi nhớ lại những điều Khái Hưng đã viết, và cái chết của Khái Hưng để lại cho tôi. Và vì tôi, chính tôi, đang có những vấn đề đặt ra: văn chương với xã hội, văn chương với cách mạng, sự liên hệ của người cầm bút với xã hội, quê hương và nhất nữa khi đặt mình là nhà văn tôi phải làm gì? Có văn chương nghệ thuật thuần túy không?

Trong số các tác phẩm của Khái Hưng, cuốn được ghi cuối cùng là *Bản khoán*, cuốn sách hình như đã được viết ngay vào lúc đầu những hoạt động cách mạng của tác giả cùng với lúc Nhất Linh viết cuốn *Bướm trắng*. Tôi vẫn tự hỏi: tại sao giữa tác phẩm và đời sống tác giả lại không có một chút liên hệ nào như vậy. Tại sao Nhất Linh và Khái Hưng lại viết được hai tác phẩm thuần túy như thế vào giữa lúc họ bắt đầu hoạt động cách mạng. Có thực *Bản khoán* và *Bướm trắng* đã được viết lúc ấy hay đã viết từ trước mà mãi lúc đó mới in ra?

Hơn nữa Nhất Linh đã viết *Đôi bạn*, và tôi nhớ có đọc được một vài số báo nào đó Khái Hưng viết truyện *Xiềng xích* rõ ràng là những tác phẩm liên can mật thiết đến tư tưởng và đời sống tác giả trong xã hội đương thời ấy.

Có hai tác phẩm của Khái Hưng tôi lưu giữ mà với chủ quan tôi cho là quan trọng và giá trị là *Tiểu-son tráng sĩ* và *Bản khoán*. Cuốn trên tôi thích có lẽ một phần vì nhân vật Phạm Thái, một nhân vật vừa là chiến sĩ, vừa là tu sĩ, vừa là nghệ sĩ mà Khái Hưng đã làm sống lại được, còn cuốn sau, tôi cho đó là một tiểu thuyết rất mới của thời đó, và cho đến bây giờ nữa về nội dung đã cho tôi một phần nào lý do sự thất bại của những trí thức mới trong giai đoạn lịch sử vừa qua. *Bản khoán* của Khái Hưng muốn nói là "bản khoán" của ai? Của Cảnh chăng? Cậu sinh viên trường luật học giỏi đã hai mươi năm tuổi đang yên ổn học hành... nhưng sang năm thứ ba một hôm như chợt lờn vờn trong đầu chàng câu hỏi: "Học để làm gì, và đổ để làm gì?" Rồi câu hỏi trở thành ám ảnh dòng đã hàng tháng, ám ảnh kỳ cho tới khi nảy ra câu trả lời mới thôi. Câu trả lời ấy là: "Học để chẳng làm gì ráo. Đổ cũng chẳng ích lợi gì cho chàng, cho tương lai của chàng." Rồi chàng lý luận âm ỹ trong thâm tâm để tìm nguyên tắc, quan niệm, ý nghĩa của sự sống, của đời mình. Luận lý cho tới lúc đến một kết cục chán nản, đau đớn. sống không mục đích, đời là vô vị. Cảnh không học nữa, và mới bắt đầu một cuộc phiêu lưu, dẫn mình vào cuộc sống chơi bời. "Muốn thì được" Cảnh thường nói. Mà khi người ta giàu như Cảnh thì người ta lại càng dễ được cái người ta muốn. Vì thế mà ngay đêm hôm ấy Cảnh đã trở nên tình nhân người yêu của bạn. Khi đã phạm tội, hai người ngổ với nhau những ý riêng của mình rồi ôm nhau cười ngất.

*Liên bảo Cảnh:*

- *Đối với bọn chúng ta chả còn cái gì chúng ta cho là thiêng liêng nữa.*

*Cảnh lạnh lùng:*

- *Rõ em khéo nói kiểu cách!... Và ở cái thời gian khoa học này, đến thần thánh cũng đã mất hết thiêng liêng đối với lòng tin ngưỡng thành kính của người đời, thì còn cái gì đáng gọi là thiêng liêng nữa. Họ chẳng chỉ có cái tính xác thịt, cái thú vui hiện tại đáng gọi là thiêng liêng cho một cái gì".* Rồi Cảnh yêu Lan Hương, rồi yêu Hào, ăn chơi, đánh bạc, bán cả nhà của bố cho, sau chót bỏ đi, đi đâu, phải chăng đó là cái "bản khoán" Khái Hưng muốn nói?

Hay cái "bản khoán" đó là cái "bản khoán" của ông Thanh Đức, xuất thân từ một gia đình buôn bán, cai thầu, kinh doanh, và ông đi theo con đường ấy, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến tiền, đến mỏ, đến đồn điền, cho ngay tới khi đang đánh bạc với một người tình mà ông đã say đắm theo đuổi nghe nói đến cơ hội làm giàu cũng rủ áo đứng lên ngay. Hoàng, người đang ngồi cùng chiếu bạc đã phê phán: "*Kim tiền! Trời ơi! Kim tiền! Kim tiền làm cho người ta quên hết ghét, yêu, thù, tức để chỉ nghĩ đến nó, chỉ nhớ đến nó, chỉ chạy theo một nó. Kim tiền vạn tuế! Sống mãi trong xã hội này, thì một ngày kia tôi diên thật.*" Chừng như với ông Thanh Đức tiền có thể mua được tất, mua người này một đêm, mua người kia một đêm, mua nhà, mua mỏ, mua nhân nghĩa danh vọng. Như vậy ông Thanh Đức "bản khoán" cái gì, "bản khoán" vì không lấy được Hào chăng?

Hay cái "băn khoăn" đó là "băn khoăn" của Hảo, con gái độc nhất của bà án, giàu có, trẻ đẹp, 20 tuổi sống một cuộc đời nhung lụa với bên cạnh vô số bậc thượng lưu trí thức, vô số thanh niên tân học tán tỉnh, một người mà bố con Thanh Đức cùng yêu, cùng muốn chiếm đoạt mà cuối cùng lại lấy một người khác. Phải chăng "băn khoăn" bày tỏ tâm trạng lưỡng lự khi lựa chọn trước vô số người trước mặt mình của Hảo?

Ba nhân vật Cảnh, ông Thanh Đức, cô Hảo là chính trong câu chuyện "băn khoăn" của Khải Hưng. Thời gian của tác phẩm ngắn ngủi, khởi đầu từ lúc có tin ông Thanh Đức muốn tục huyền cho tới khi cô Hảo, người con gái mà ông Thanh Đức theo đuổi, báo tin lấy ông huyện Tô thì chấm dứt.

Khung cảnh xã hội "*một đời nhiều loạn, vô gia đình giáo dục, vô gia đình luân lý*", đưa thanh niên đến nhận định "*sinh ra ở đời để mà sung sướng, để mà thỏa mãn, chứ không phải để khổ sở; để than phiền, hay để theo đuổi một mục đích viển vông nào.*" Khung cảnh của một xã hội thượng lưu với rượu, với cà-phê rum ngây ngất, với những canh bạc không nghĩ đến ăn thua; với một phút quyết định đã đủ phương tiện để rời Hà-nội đi Sầm-sơn tắm biển, rồi từ Sầm-sơn đi Hải-phòng coi chớp bóng, ngủ với gái, với sinh viên luật thấy chẳng cần phải thi đỗ, với bác sĩ có bệnh viện giao cho người phụ trông nom, với những cô gái mà tất cả các bạn đều là tình nhân chung chạ chung gối, chán người này đổi người khác, một xã hội mà ngay trong đó đã có người phán xét... "*thấy đám thanh niên sống không mục đích, hay với mục đích độc nhất là sự chơi bời phóng lãng thì em ghê sợ... cho họ quá, và tiếc cho họ nữa... Những bậc thanh niên trí thức như anh Đoan em mà chịu khó làm việc, làm việc với lòng tin ngưỡng thì... hay biết bao, có ích cho đồng bào biết bao?*".

Những nhà luân lý đã từng nói đến những truyện của Sagan thời hậu chiến vô luân, mà có ai nhớ đến rằng, chính đời sống vô luân, cảnh chồng chung vợ chạ, cảnh đề cao thú vui xác thịt đã có trong tác phẩm Khải Hưng từ thời tiền chiến ở Việt Nam.

Trình bày câu chuyện *Băn khoăn* của Khải Hưng tới đây, tôi ngưng lại để trở về nhận định tôi đã đưa ra: vì sao người trí thức Tây-học đã thất bại trong giai đoạn vừa qua khi lãnh đạo tranh đấu. Lớp trí thức mới sinh ra sai khi tinh thần Văn-Thân khởi nghĩa đã hết, sau khi lớp trí thức Nho học đã tàn, và người Pháp đã mang văn hóa Tây-phương vào đào tạo một lớp người mới. Từ tình thế lụn bại của tinh thần quốc gia đó, người trí thức Tây-học chạy theo ngay, hạ bệ cái cũ một cách tàn tệ, kịch liệt, và cái mới chói lòa trước mắt làm họ không nhìn thấy gì nữa. Họ du nhập đơn phương, không lựa lọc, không nhìn chính vào mình. Họ lên án nhà Nho câu nệ khuôn bó theo Khổng-học, thì chính họ lại bước theo con đường đó để đến với Tây-học, và tạo ra một lớp trí thức mất gốc, rơi vào cái thực trạng mà cuốn *Băn khoăn* của Khải Hưng đã phản ánh. Với lớp người như thế, với tư tưởng như thế, họ làm sao không thất bại, phải chăng, đó chính là điều "băn khoăn" của Khải Hưng?

Lỗi lầm của lớp trí thức Tây-học từ ngay lúc đầu đã gây ra, đưa đến hiện trạng này, và ngày nay, lớp thanh niên mới, với bài học cũ của lịch sử, đã nhận ra chưa trách nhiệm của mình từ ngay trên căn bản tư tưởng trong cuộc dẫn thân mà họ phải thực hiện. Hay họ đang tiếp tục đi trên con đường mòn lối cũ khi xưa mà họ cố tình làm ngơ như không biết? Nhưng tôi vẫn tự hỏi: vì sao giữa lúc bước chân vào cuộc tranh đấu cách mạng mà Khải Hưng lại viết được *Băn khoăn*? Không hề có ảnh hưởng giữa đời sống và tư tưởng tác giả với tác phẩm sao?

11-1964



Xuân Diệu, Thế Lữ, Nhất Linh, Khái Hưng  
thời trong Tự Lực Văn Đoàn Nguồn:  
[vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## Đọc đường gió bụi

**G**ánh hát tất cả mười người. Tất cả mười người đã mấy tháng nay, bắt đầu từ khi mới sang xuân, đi lang thang trên con đường cát trắng, hành lý chừa chặt trong bốn chiếc hòm vuông quang dầu, cũ kỹ.

Họ đi, đi mãi, đi đã hàng trăm dặm chỉ thỉnh thoảng dừng chân một đêm hoặc hai, ba ngày trong một xóm, một làng, một huyện lỵ .

Rồi họ lại đi.

\*\*\*

Một buổi chiều cuối xuân, một buổi chiều ngầy ngất oi ả khiến ai đã luôn luôn sống gần cảnh thiên nhiên phải tiếc thời xuân qua khi ngắm lại cỏ, cây mây nước.

Bao ngày tốt đẹp hầu tàn.

Mặt trời đã sắp lặn mà phường bạn còn lang thang giữa quãng đường Thái Nguyên, Đa Phúc, phân vân chưa biết đi đâu. Một cô đào hát chậm chạp, uể oải lê bước theo sau, bỗng cất tiếng gọi:

- Bác Hai ơi! Nghỉ chân ăn lót dạ đã, kéo đói lắm.

Bác Hai, một người quắc thước, giọng dịu dàng, âu yếm găt yêu:

- Mơ đói rồi à? Chẳng được việc gì. Chỉ ăn cả ngày thôi!

Xuống giọng, tiếng cười khanh khách của cô đào hát làm rung động làn không khí yên lặng một thung lũng hoang vu. Rồi theo Mơ, cả bọn cùng cười, cười một cách vô ý nghĩa, vì họ biết rằng cười Mơ như thế không bao giờ họ bị bác Hai giận hay mắng.

Mơ, năm nay vừa mười tám tuổi, mười năm trước, nàng theo cha mẹ hát xẩm ở bến phà Tân Đệ. Một hôm đó, bác Hai ngắm nghía thấy con bé hát hay, lại có giọng trong trẻo, nhẹ nhàng, liền bỏ tiền ra mua đem về nuôi, dạy nghề xướng ca.

Năm năm học tập, Mơ thành tài múa hát có nhịp nhàng điệu bộ. Hai đặc điểm của Mơ là cái giọng véo von bỗng trầm đúng bậc và tấm nhan sắc diễm lệ. Không phải là cái nhan sắc chín chắn, thùy mị, kín đáo của phần nhiều các cô gái quê, nhưng cái nhan sắc long lanh với đôi mắt hơi sếch, với cặp môi tươi thắm luôn nhếch một nụ cười lẳng lơ, nồng nàn.

Vì thế Mơ là người cốt yếu trong gánh hát bác Hai Truyện, là linh hồn một ban chèo dù khi Mơ đóng các vai rất hoạt động như Thị Mầu, Vân Đại, Châu Long, hay khi Mơ chỉ sắm một vai hoạt tượng như Phật Bà trong bản Quan Âm Thị Kính suốt nửa giờ ngồi im không nhúc nhích. Lúc đó mặt xinh xắn, và cặp mắt, cặp môi của Mơ thu hết tinh thần khán giả.

Thực vậy, người ta đến coi chèo chỉ vì Mơ. Chẳng thế mà phường của bác Hai Truyện đã nổi danh khắp các vùng là "phường Mơ".

- Mơ! Đứng cười thế đó!

Mơ càng cười to rồi nũng nịu:

- Khốn nhưng cháu đói lắm. Cháu vừa đói, vừa đói.

Bác Hai Truyện cũng gật cười theo:

- Đói mà cười no được ư?

- Không bác ạ, cười không no được, nhưng ăn thì no ngay. Còn mười năm cơm buổi sáng mang đi, để làm gì nữa cho nặng khăn gói, thưa bác?

Trong phường có tài tử Tư Thiệp vào trạc tuổi Mơ. Bao giờ chàng cũng làm theo ý Mơ, bao giờ chàng cũng ân cần săn sóc đến Mơ. Chàng liền vì Mơ năn nỉ:

- Thưa bác chúng ta nên nghe lời chị Mơ, hãy dừng chân trên ngọn đồi để ăn lót dạ nắm cơm và tiện nhìn xem vùng quanh đây có làng nào trù phú, ta đến xin hát.

Cất giọng tự phụ, bác Hai quay lại bảo anh em phường bạn:

- Các chú mới theo nghề được năm ba năm nay, chứ tôi, tôi đã già một đời khắp trên các con đường trong nước. Tôi cần gì trèo lên ngọn đồi mới biết đâu có làng trù phú. Anh em cứ đi, chỉ nửa thôi nữa là đến ấp Đông Hà, thế nào cũng có cơm ăn chiếu ngủ.

Mơ vẫn thích trêu ghẹo cha nuôi, ỡm ờ hỏi:

- Bác thông thuộc thế thì sao từ sáng đến giờ tới bao nhiêu nơi xin hát đều không đất?

Câu hỏi của Mơ làm cho bác Hai phải buồn rầu nghĩ ngợi. Nay đã gần hết tháng ba hội hè ở các làng đã gần tàn đám, hèn chi mà phường bác đi từ sáng đến giờ không gặp một nơi giữ hát.

Kể thì cái nhan sắc của Mơ cũng đã khiến họ mời mọc ân cần. Song bọn kỳ mục hủ lậu, biển lận kia còn bao giờ biết ngắm nghĩa cái đẹp, biết thưởng thức cái tài.

Bác Hai lẩm bẫm:

- Phải rồi! Chính phải rồi! Chỉ vì thế.

Rồi bác quay lại bảo anh em bạn hát. Lời đồng dục quả quyết như hô binh của một ông tướng có oai quyền:

- Chúng ta lên đồi!

Mơ thích chí cười như nắc nẻ. Bỗng thoáng nhìn thấy cặp mắt nghiêm khắc của bác Hai, Mơ im bật, lặng lẽ đi theo.

Tới ngọn đồi, mọi người nghỉ chân, ai nấy mở lấy cơm nắm, muối vừng ra ăn.

Bác Hai thăm bảo Mơ:

- Ăn ít chút, con ạ.

Mơ cười:

- Nhưng cháu đói, mà ở đây có gió mát, cháu ăn càng ngon miệng.

- Tùy ý, nhưng để bụng chốc nữa ăn cơm nóng, canh ngọt vẫn hơn. Bây giờ Mơ nên nghe lời bác, mở hòm lấy phấn sáp, lược gương ra điểm trang cho thực đẹp.

Mơ ngơ ngác ngậy thơ nhìn chủ:

- Đã hát đâu mà bác bảo sắm vai trò.

Bác Hai vẫn giữ vẻ mặt nghiêm nghị:

- Không, bác không bảo cháu đóng trò. Bác chỉ bảo cháu trang sức mà thôi. Cả chị Liên cũng vậy.

Ngoan ngoãn, Mơ vâng lời, lấy gương lược phấn sáp ra chải chuốt tô điểm. Trông vào gương thấy dung nhan mình tiều tụy, Mơ giật mình vì cùng một cảm tưởng như cha nuôi. Dầm mưa, dãi nắng, cái nước da trắng mát tự nhiên của nàng đã xám đen với gió bụi dọc đường. Mơ ngắm nghĩ: "Thảo nào! Mà ta có ngờ đâu!".

Mười phút sau, mọi người xúm xít chung quanh cô đào hát, khen ngợi không dứt lời. Vì trang điểm xong, Mơ vẫn còn giữ được cái nhan sắc mọi khi, với tấm thân uốn lượn nhịp nhàng trong chiếc quần lĩnh và chiếc áo the mùa võ xó. Cảm động hơn hết là chàng Tư Thiệp. Chàng ngây người, đứng ngắm không chớp mắt.

\*\*\*

Gánh hát của bác Hai Truyện nấn ná ở lại ấp Đông Hà đã gần một tuần lễ. Chủ ấp là một trang thiếu niên lỏi lạc, ưa chơi các thứ thi, họa, cầm ca. Mà cái thú coi diễn chèo hình như chàng lại thích hơn. Chàng đánh rất xinh, các điệu hát chàng rất thành thạo.

Vì thế đôi bên có chiều lưu luyến lẫn nhau. Chủ ấp muốn được nghe đủ các điệu hay, trùm phường được người sành nghề thưởng thức, cũng không vội ngỏ lời từ biệt xin đi. Song dẫu sao cái cơ hiển nhiên rõ rệt mà không ai muốn thú nhận... là đào Mơ. Ngay hôm theo ban hát tới ấp Đông Hà, nàng đã được khách đa tình chú ý. Tối hôm ấy phường hát bắt đầu diễn tích Kim Nham, và Mơ sắm vai Vân Đại. Dưới ánh đèn măng xông, đôi mắt long lanh hoạt động, cặp môi đỏ thắm nhuần nụ cười ngây thơ, bàn tay mềm mại xòe mạnh cái quạt tàu xương trắng, tay vờ rung rung tháo đường chỉ viền tà áo, hai chân thoăn thoắt khi tiến khi lui, khi bắt chước con gái bơi nước té bèo, bao điệu bộ, bao ám hiệu khuôn sáo để tả một cô gái diên đã khiến Mơ trở nên muôn phần diễm lệ. Thế là lửa ái tình nhóm liền, bùng bùng ngùn ngụt. Hai người như đã hẹn hò nhau từ kiếp trước, để kiếp này gặp nhau. Một người trai trẻ chơi bời, một người đang tuổi đào thơ đã từng yêu và thương hảo những phường tục tử vô tri cùng mình thủ những vai tình chính. Nay thì không phải ái tình giả dối chốn sân khấu nữa, nhưng là ái tình nồng nàn, thành thực trong gian phòng ấm cúng thơm tho.

\*\*\*

Hôm nay bác trùm Hai Truyện lên chào ông chủ ấp để xin rời phường đi nơi khác. Tối giờ lên đường tìm đâu cũng không thấy Mơ. Đồng ý với chủ ấp nàng đã trốn núp ở nhà một điền hộ quanh vùng. Mọi người trong gánh hát còn đương lo sợ, ngờ ngác nhìn nhau thì một tên điền tốt đến đưa cho bác Hai một phong thư. Mở vội ra xem, bác chỉ thấy có năm chục bạc và mấy lời vắn tắt "Chúc anh em lên đường may mắn. Còn Mơ thì nay đã là vợ tôi rồi". Buồn rầu gánh hát ra đi. Gánh hát mất Mơ khác nào người mất linh hồn. Gánh hát mất Mơ? Không bao giờ bác Hai Truyện tưởng đến một sự vô lý như thế. Người ta chiếm mất Mơ của bác? Người ta cướp Mơ của bác? Cổ nén sự đau đớn, bác bỏ số tiền vào túi. Bỗng như điên cuồng, bác cười nói huyền thuyên rồi nghêu ngao cất tiếng hát vang trời trên con đường cát trắng. Bạn bè thấy bác vui vẻ thì tưởng rằng có lẽ bác mừng cho con nuôi đã lấy được chồng giàu có. Nhưng cặp mắt ướt mờ kia chứa bao nhiêu nỗi bi ai. Hôm ấy, đêm đã khuya. ở một làng bên hã còn tiếng trống chèo phường bác Hai Truyện. Trong khi bác cùng gánh hát uể oải, chậm chạp lang thang trên con đường chưa biết đi đâu thì, làng ấy đã khăn khăn ra đón mời. Thức giấc Mơ lắng tai nghe. Cái thời kỳ đăng đẵng Mơ lăn lóc với nghề đã cùng hồi trống đến làm rối loạn lòng nàng. Trước mắt Mơ lộn xộn hiện lên các vai chèo nhảy múa trên con đường trắng mịn mù xa tắp. Tiếng trống chèo đổ hồi càng thúc giục. Tiếng trống châu diêm thì thùng như mắng trách, gắt gỏng, đe nạt. Lẳng lặng, se se Mơ ngồi dậy. Tình nhân của Mơ ngủ vẫn mê man. Khoác vội tấm áo vào mình, quấn vội cái khăn lên mái tóc, Mơ nhẹ nhàng lướt như cái bóng, lén bước ra đi. Cảnh sáng trăng suông, các vật lờ mờ, Mơ tưởng tới tấm thân cô độc. Khi đến gần gánh hát Mơ thở dài, dừng bước đứng lại. Giữa lúc ấy, Tư Thiệp thổi khúc địch sầu thảm trong bản chèo Hạng Vũ bị vây nơi Cai Hạ. Tiếng địch véo von, rền rĩ làm rung động lòng Mơ, làm tiêu tan cả ái tình mới mẻ. Ngồi xệp xuống đất Mơ bưng mặt khóc hối hận. Tiếng địch vẫn sang sảng, khi lên bổng lúc xuống trầm như mĩa mai, như chế giễu kẻ lìa phường phản bội. Mơ đứng phắt dậy lau nước mắt hốt hoảng chạy một mạch vào trong rạp.

\*\*\*

Bản chèo vừa tan, gánh hát bác Hai đã vội vã lên đường, tuy bấy giờ mới gà gáy sáng. Rồi mặt trời mọc trên đỉnh đồi lại chiếu ánh nắng xuống mười người lang thang trên con đường cát trắng, hành lý chứa chắt trong bốn chiếc hòm vuông quang dầu, cũ kỹ.



Họ đi. Rồi họ lại đi.

Và Mơ, Mơ sẽ già đời là một tấm linh hồn phiêu lưu nay đây mai đó, như bị cái nghề lãng mạn tự do ác nghiệt, mọi rợ nó cám dỗ, nó chiếm đoạt, nó cưỡng bách, cái nghề mà hạnh phúc của ái tình, mãnh lực của kim tiền đều không thắng nổi.

Tận tụy với nghề, họ đi mãi trên con đường.

*Rút từ tập truyện ngắn Đọc đường gió bụi.*

*Nxb Đời nay, Hà Nội, 1936.*

## Hồn bướm mơ tiên, tác phẩm đầu tay của Khái Hưng Trọng Đạt

*Theo Nguyễn Phụng Thúy và Phạm Ngọc Lữ trong cuốn sách viết về Khái Hưng “Bóng Giai Nhân”, nhà văn cách mạng này đã bị Việt Minh thủ tiêu vào đêm Giao thừa Tết nguyên đán năm Đinh Hợi 21-1-1947. ....*

*Bài khảo luận dưới đây để tưởng niệm lần thứ 63 nhà văn Khái Hưng bị Việt Minh giết và ném xuống sông tại bến đò Cựa Gà, Nam Định.*

\* \* \*

Hồn Bướm Mơ Tiên là tác phẩm đầu tay của Khái Hưng viết năm 1933, và cũng là tác phẩm đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn. Mặc dù chỉ là truyện ngắn vốn vẹn chừng một trăm trang giấy, nhưng nó lại là tác phẩm nổi tiếng nhất của Khái Hưng, được nhiều người say mê, hâm mộ cũng được coi là tác phẩm thành công nhất của ông. Một truyện tình lãng mạn tuyệt vời, bay bướm y như các truyện ngắn của Ivan Tourgueniev, giá trị nghệ thuật rất cao, tâm lý nhân vật sâu sắc thể hiện sự tranh đấu giằng co giữa tình yêu và lòng mộ đạo ở nội tâm một người đệ tử xuất gia, nó cũng là một trong những tác phẩm giá trị nhất của nền văn học cận đại và hiện đại nước nhà.

Theo dư luận chung của độc giả và dư luận phê bình, Khái Hưng đã được coi như một trong những tác giả lớn nhất của nền chương Việt Nam, có người cho ông là cột trụ của Tự Lực Văn Đoàn. Ông tên thật là Trần Khánh Dư, sinh năm 1896 tại Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Dương, thuộc thành phần gia đình quan lại, cha là tuần phủ Phú Thọ, bố vợ là Tổng đốc Bắc Ninh, em ruột ông Trần tiêu, cũng là văn sĩ. Khái Hưng theo tây học trường Albert Sarraut, đậu tú tài ban cổ điển, ông cũng thâm Hán nho. Khái Hưng đã cùng Nhất Linh và Hoàng Đạo thành lập Tự Lực Văn Đoàn, mở một kỷ nguyên mới cho nền văn học nước nhà. Ông tham gia cách mạng, là đảng viên tích cực của Việt Nam Quốc Dân Đảng, bị Việt Minh thủ tiêu vào đêm Giao Thừa Tết Nguyên Đán Năm Đinh Hợi 1947 tại bến đò Cựa Gà, làng Ngọc Cục, Nam định.

Các tác phẩm tiêu biểu gồm: Hồn Bướm Mơ Tiên (1933), Nửa Chừng Xuân (1934), Trống Mái (1936), Tiêu Sơn Tráng Sĩ (viết 1940, theo Vũ Ngọc Phan).

Hồn Bướm Mơ Tiên là tác phẩm đầu tay của Khái Hưng nhưng nó thể hiện một bút pháp già dặn của một tác giả lành nghề, có phần già dặn hơn những tác phẩm mà ông viết sau này.

### Sơ lược cốt truyện.

“Tại chùa Long Giác, miền Trung du Bắc Việt, Ngọc một thanh niên Tây học về thăm bác là sư cụ trụ trì chùa. Chú tiểu Lan đẹp giai, thông minh dễ thương trở thành bạn thân của Ngọc, chàng hoài nghi cho rằng Lan là gái giả trai vì giọng nói nước da của chú có vẻ giống con gái nhiều hơn.

Ngọc ở chùa đã mười hôm và nguyện trong mười ngày phải tìm ra sự thật. Chàng được biết Lan ở nhà kho, tối ngủ cài then kỹ lưỡng càng sinh nghi. Chàng theo dõi Lan một buổi tối nọ ở

chùa trên khi chú cầu khẩn Đức Phật phù hộ cho chú đủ nghị lực xa lánh cõi trầm luân, chàng biết chú mặc cảm tội lỗi vì đã có cảm tình với mình, Ngọc hay bịa chuyện nói bóng nói gió với chú tiểu để dò xét chú, nào chàng có người yêu bỏ đi tu nên cứ đi các chùa để tìm cô ấy. Ngọc và Lan dần dần có thân tình vì gần nhau, chàng bèn viết một bức thư tỏ lộ lòng mình rồi lên vườn săn tìm Lan, Ngọc chưa kịp đưa thư thì Lan vội về chùa, chàng tức quá xé bức thư làm bốn, chàng quay về chùa thì Lan quay lại vườn săn vì bỏ quên con dao, Lan chấp bốn mảnh thư lại đọc và hiểu, Ngọc vẫn chưa biết Lan đã đọc thư mình.

Một hôm sư cụ sai chú tiểu Lan mang bánh sang tạ sư ông chùa Long Vân, Ngọc xin đi cùng. Tới chùa, hai người ăn cơm nước do sư ông đãi xong ra ngoài ánh trăng ngồi nói chuyện, Ngọc cầm tay Lan, chú dụi tay chạy, hai bên lúi kéo nhau, áo Lan tuột cúc trễ vạt ra, Ngọc thấy ngực Lan quần vải nâu.

Tối ấy Lan trốn đi vì Ngọc đã biết mình là gái, Ngọc đuổi theo hứa sẽ giữ bí mật và sẽ bỏ về Hà Nội, chàng cho biết đã yêu Lan từ lâu, Lan nói phải dừng lại ngay.

Hôm sau trở về chùa Long Giáng, Lan được biết vào lúc chiều tối, Ngọc đã về Hà Nội từ sáng, để lại mảnh giấy từ biệt. Lan khóc nhưng tự trấn tĩnh và dẹp bỏ được những cảm dỗ nhỏ nhen nơi dương thế.

Sáu tháng trôi qua, Lan trải qua sự buồn nhớ, mừng lo, dần dần ngày đêm vui đạo Phật lòng cũng nguôi đi. Có lần Ngọc đi xe đạp đến gần chùa, nghỉ ở quán rồi lại đi, Lan cho là trông lầm mà cũng vẫn cho đó là thực và mong nó là thực.

Rồi Ngọc trở lại thăm Lan, Lan trách Ngọc quên lời thề không trở lại nữa, Ngọc cho biết đến thăm Lan lần cuối và chào từ biệt, Lan khóc ràn rụa nước mắt, Ngọc muốn tiến tới, Lan đẩy ra, cô chỉ muốn có một giới hạn. Ngọc hứa chỉ yêu thương trong tâm hồn và lâu lâu khi chàng được nghỉ học sẽ về chùa thăm Lan.”

Mặc dù là tác phẩm đầu tay, Hồn Bướm Mơ Tiên cho thấy một bút pháp vững vàng của Khái Hưng. Đây là một tác phẩm cân đối và hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, hành văn lưu loát và sáng sủa, lối thuật chuyện của ông lôi cuốn và duyên dáng xây dựng bằng những tình tiết bất ngờ tạo nhiều hứng thú.

Độc giả như lạc vào một thế giới xa lạ, trong không khí yên tĩnh của danh lam thắng cảnh miền Bắc, với cảnh chùa chiền cổ kính qua nét bút miêu tả của Khái Hưng:

*... “Mấy nóc nhà rêu mốc chen lẫn trong đám cây rậm rạp, bốn góc, bốn gác chuông vượt lên trên từng lá xanh um.*

*Phía Tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng lấp loáng qua các khe đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lẫn cùng màu đất, cùng cây, cùng cỏ. Khoảnh khắc mấy bức tường và mấy cái cột gạch quét vôi chỉ còn lờ mờ in hình trong cái cảnh nhuộm đồng một màu tím thẫm.*

*Trong làn không khí yên tĩnh êm đềm, tiếng chuông thông thả ngân nga . . . như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt tha, bông lúa sột soạt như cảm tiếng gọi của Mâu Ni muốn theo về nơi hư không tịch mịch ”*

Độc giả cũng được nghe sự tích lý thú về ngôi chùa: Đồi Lý, Văn Khôi công chúa, nhan sắc diễm lệ, bỏ trốn cung điện đến chùa xin thụ pháp, nhà vua đón về, công chúa không nghe, Ngài cho phóng hỏa đốt chùa. Bỗng con rồng vàng phun nước tắt ngay nên gọi là chùa Long Giáng. Độc giả cũng được dự những ngày lễ lạc, làm chay cho vong linh người quá cố, lễ chạy đàn... tiếng kinh du dương, mùi trầm hương ngào ngạt, tiếng chuông chùa ngân nga như đưa ta vào một thế giới mộng ảo thần tiên.

Tác phẩm mở đầu bằng một hài kịch và kết thúc bằng một bi kịch, ở phần đầu lối thuật truyện duyên dáng trào phúng khiến cho độc giả chăm chú theo dõi, đôi khi phải bật cười vì những đoạn dí dỏm ngộ nghĩnh. Khi mới vào truyện, tác giả cho thấy cảnh sinh hoạt ở thôn quê thật vui tươi sống động:

*“Một cô thấy người lữ khách thì trở bảo bạn:*

*- Chị em ôi, nhà tôi đã về kia kia . . .*

*Mọi người cười rộ, một cô hát ví:*

*Hỡi anh đi đường cái quan,*

*Dừng chân đứng lại em than vại lờ.*

*Đi đâu vội mấy anh ôi,*

*Công việc đã có chị tôi ở nhà.*

*Các cô vỗ tay cười rữ rượi. Lữ khách như đã biết tiếng con gái ở vùng Bắc là đáo để, cầm đầu rảo bước trên đường không ngoảnh cổ lại. Thì cô thì cô hát ví lại đứng dậy như muốn chạy đuổi theo mà gọi.*

*- Này anh, anh đưa va li đây em xách hộ cho. Khốn nạn! Thương hại nhà tôi đi đường mệt nhọc, mồ hôi mồ kê thế kia kia!*

*Lữ khách đã đi xa, còn nghe văng vẳng sau lưng câu hát gheo:*

*“Anh về kéo tới anh ơi!*

*Kéo bác mẹ mắng rằng em dỡ gánh!”*

Ngọc vừa đến chùa một hôm đã có chiều thân mật với chú tiểu Lan, chàng ngờ chú là gái bèn bịa ra một truyện, chàng chiêm bao thấy đi với một nhà sư trẻ trên con đường quanh co, cây cối um tùm, một lúc tới cảnh bỗng lại, thế rồi nhà sư trẻ biến thành một giai nhân, người con gái ấy lại là chú Lan. Lan cũng nhanh trí lắm, chú bèn lấy sự tích nhà Phật ra thuyết giảng để đánh lạc hướng chàng nào kẻ đã xuất gia thì gái hay trai cũng vậy, đối với đàn bà sư tổ dạy phải lánh xa để khỏi mắc vào lưới dục tình.

Ngọc ở chùa mười hôm quyết điều tra bằng được sự bí mật ấy để xem chú tiểu Lan là trai hay gái. Có lần Ngọc đang vẽ tranh, Lan lại coi, chàng bèn nhờ chú làm mẫu vẽ, chàng vẽ chú mặc áo tứ thân con gái, chú tức quá phản đối:

*“Ông chế riếu tôi, ông coi tôi là một người con gái!”*

Ngọc cũng nhanh trí lắm bèn giảng giải vòng vo bức tranh chàng vẽ công chúa Văn Khôi tới chùa, tựa gốc cây nhìn về Thăng Long, cuộc đấu trí của hai người thông minh khôn ngoan tạo lên một sắc thái hài hước vui nhộn, lời cuốn linh động.

Có lần chú Lan lên gác chuông gặp con rắn sợ hết hồn chạy xuống, Ngọc lấy gậy lên đánh, chú cản lại:

*“- Thôi ông đừng đánh nó phải tội, ở nhà chùa không được sát sinh.*

*Ngọc hỏi:*

*- Thế nó cắn mình nó có phải tội không?”*

Câu hỏi vui tươi lại đầy ý nghĩa.

Một buổi tối nọ, Ngọc theo dõi Lan, thấy chú lên nhà chùa trên cầu khấn Phật Tổ phù hộ cho chú đủ nghị lực xa chốn trầm luân. Về sau Lan biết truyện này bèn bịa ra một truyện để đánh lạc hướng:

*“. . . Có một thiếu nữ . . . nhan sắc . . . cô chòng gheo tôi . . . viết thư gửi tôi . . . vì thế đêm khuya tôi thường lên chùa cầu nguyện Đức Thích Ca phù hộ . . . cho cô ta tỉnh ngộ buông tha kẻ tu hành này.”*

Đôi bạn trẻ thông minh, lanh lợi, cả hai cùng tìm đủ mảnh lời để dò xét và đánh lạc hướng nhau: Ngọc thì ra sức khám phá bí mật, Lan thì nghĩ đủ thứ truyện để hóa giải. Ngọc sành tâm lý lắm, nhân một buổi tối nhà chùa làm lễ chạy đàn, chàng vờ thân mật trò truyện với một cô gái quê để chọc tức chú Lan, Lan tỏ vẻ ghen tị mắng chàng:

*“- Tính ông trai lơ lảm . . . nhờ cụ biết cụ quở chết!  
Ngọc thấy Lan ghen tức, chàng đoán biết chú là gái giả trai rồi ”*

Một hôm sư cụ sai chú Lan sang chùa Long Vân để đem quà tạ ơn sư ông bên ấy, Ngọc đi theo, tối ấy tại chùa Long Vân Ngọc bèn vào vĩnh rủ chú Lan ngủ cùng giường:

*“- Đi có hai người ở nơi xa lạ, nằm cả một giường nói chuyện cho vui, ngủ ở ngoài muỗi nó tha đi!  
- Thưa ông không tiện, sư ông biết ngài quở chết”*

Phần hài kịch vui tươi dí dỏm chừng nào, sang phần bi kịch nó thể hiện nỗi khổ đau cay đắng của con người chừng nấy. Phần hài kịch chấm dứt tác giả chuyển sang bi kịch thật là đột ngột, phủ phàng y như một bản nhạc đại hoà tấu đang nhẹ nhàng thanh thoát, bỗng kèn trống ầm ầm nổi lên hoặc y như cảnh trời yên bể lặng bỗng gặp phong ba bão táp nổi dậy ào ào.

Trong cái đêm sáng trăng ấy, Ngọc cầm tay Lan, hai người xô kéo nhau, áo dài áo ngắn của Lan tuột cả ra, Ngọc kêu rú lên thấy ngực Lan quần vải nâu và biết đích xác cô là gái giả trai. Tối ấy Lan sợ quá bỏ trốn, Ngọc đuổi theo tới một ngọn đồi, Lan hoảng hốt ngã xuống gốc thông ngất xỉu, Ngọc đỡ Lan dậy hứa ngày mai sẽ từ biệt cô về Hà Nội và giữ bí mật mọi chuyện:

*“Lan lúc ấy đã tỉnh hẳn, ngồi dậy lau nước mắt mà rằng:  
- Vâng tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể lộ tâm can cùng ông được, chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khốn khổ này ra mà thôi”.*

Hài kịch ở phần đầu thật là có duyên, dí dỏm và bi kịch ở phần cuối khiến truyện lại nhuốm màu buồn thảm và Lan đã thành một nhân vật đáng thương.

Cô thuộc gia đình giòng dõi, thông minh, thuở nhỏ theo học chữ nho. Ông thầy là người mộ đạo thường giảng giáo lý nhà Phật cho cô, cô yêu mến cái đạo lý dịu dàng êm ái ấy, cha mẹ mất, Lan ở với chú, chú muốn ép gả cô vào nơi phú quý, linh hồn cô đã tìm kiếm những tư tưởng cao thượng cho đó là chuyện nhỏ nhen. Lan đã thề cùng mẹ khi bà hấp hối, cô bỏ nhà trốn đến qui y thụ giới tại chùa Long Giác, cô đã vờ bỏ lại nhiều tang vật trên bờ sông, người ta tưởng cô đã gieo mình giòng nước bạc quyền sinh.

Ở phần này người ta cảm thương cho cho Lan vì con đường xuất gia thoát tục của cô đang hanh thông bỗng nhiên gặp nhiều trắc trở.

*“Nương náu cửa từ bi hơn hai năm nay, được sư tổ quý mến truyền giáo đạo Phật, giấc lòng ngày đêm dùi mài kinh kệ, đã tưởng dứt bỏ được trần duyên ai ngờ . . . ”*

Cho tới khi kết thúc truyện, cô vẫn là một người chân tu đáng kính, mặc dù lòng trần chưa rũ sạch, rồi một mối tình đầu chớm nở, Lan vẫn còn đủ nghị lực để đẩy lui những sự cám dỗ ngọt ngào và vẫn dần thân trên con đường xuất gia thoát tục.

Mặc dù chỉ là tác phẩm đầu tay, nhưng kỹ thuật mô tả tâm lý nhân vật của Khải Hưng ở đây lại tỏ ra tế nhị thậm thùy hơn cả so với toàn bộ văn nghiệp của ông, có thể coi như một trong những tác phẩm sâu sắc nhất của nền văn chương Việt Nam, nó cũng gần giống như kỹ thuật trong các tác phẩm của Dostoievsky, một nhà văn hào cổ điển Nga. Dostoievsky là người đi tiên phong trong kỹ thuật mô tả tâm lý nhân vật tường tận, ông đã ảnh hưởng rất nhiều tới nền văn học mới trên văn đàn thế giới và có lẽ ông cũng đã ảnh hưởng đến Khải Hưng.

Ở Dostoievsky luận đề chính trong các tác phẩm là sự tranh đấu giữa thiện và ác ở nội tâm con người để làm chủ tâm hồn, ở Hồn Bướm Mơ Tiên là sự tranh đấu giằng co giữa tình yêu và chân lý, giữa bụi trần và lòng mộ đạo ở tâm hồn một cô gái trẻ đẹp đang trên đường tu hành

thoát tục.

Khi Ngọc đã ở chùa được hơn mười ngày, chàng và chú Lan ngày một gần gũi thân thiết. Thế rồi một mối tình chớm nở ở trái tim cô gái giả trai này, cô ý thức được đó là một điều tội lỗi và đã lên bàn thờ Phật khẩn nguyện:

*“ . . . Phù hộ cho đệ tử . . . có đủ nghị lực . . . xa lánh trầm luân . . . đệ tử đã giốc lòng tin mộ đạo, không ngờ nay mới biết lòng trần tục vẫn chưa giữ sạch. Nhưng đệ tử xin thề trước Đức Từ Bi . . . ”*

Trong đêm trăng tàn nhẫn ấy, Ngọc đã biết cái sự thực phũ phàng, chàng tượng trưng cho sự cám dỗ, chàng nói đã yêu Lan từ lúc mới gặp nhau, nào cô thông minh, xinh đẹp, chàng muốn hy sinh hết mọi sự, đến cả hạnh phúc, cả tấm ái tình tuyệt vọng của chàng.

*. . . “Tôi sung sướng quá. . . Hạnh phúc của tôi. . . nếu mục đích đời người là tìm hạnh phúc thì tôi đã tới mục đích rồi”*

Lan đã ngăn chặn Ngọc như sau:

*“- Nhưng đi tới rồi nên đứng lại, chớ bước thêm một bước nữa”*

Ngọc tưởng người đẹp đã siêu lòng, nhưng không, cô đẩy lui cám dỗ ngay:

*“- Mà nếu Đức Thích Ca xuất thế để tìm hạnh phúc cho nhân loại và đưa linh hồn chúng sinh tới cõi Niết Bàn, thì tôi xin dừng chân ở gốc cây thông này, chớ chẳng muốn đi tới Nát Bàn làm gì! Lan đừng phất dậy, nghiêm trang đáp lại.*

*- Người quân tử phải giữ lời, nhất là lời hứa ấy là một lời thề.”*

Ngọc cũng đứng dậy. Hai người nhìn nhau, bóng trăng khuyết rọi đầu cành. . . .

. . . . . giòng sông con thấp thoáng dưới bóng trăng như một giải lụa trắng rồi xa xa lẫn trong sương mù. Bỗng có tiếng gà gáy nửa đêm dưới xóm. Lan giật mình lắm bầm:

*“- Nếu gặp nhau hai năm trước . . .*

*- Và bây giờ muộn quá hay sao?*

*- Muộn quá rồi. Vì tôi đã thề trước Phật Tổ, thì đến chết tôi cũng giữ lời thề. Đời còn chả tiếc, tiếc gì một sự cón con, nhỏ nhen.*

*- Ái tình mà . . . chú cho là một sự nhỏ nhen?*

*- Nhỏ nhen nếu đem sánh với lòng bác ái. Vì lòng bác ái mà Phật Tổ xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ lang thang khắp bốn phương giới để tìm phương giải thoát cho nhân loại. Vậy xin ông cũng vì bác ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thi, như thế thì ông sẽ cứu sống được một linh hồn. Trên đời chỉ có lòng bác ái là đáng kể”*

Như đã thấy, trước sự cám dỗ dai dẳng ấy người ni cô vẫn đầy nghị lực, can đảm xua đuổi nó đi để không bị rơi vào chòng tội lỗi. Cô nói rằng đã trót thề trước Phật Tổ và giữ lời thề ấy đến chết thì đủ thấy ý chí của người nữ nhi mạnh mẽ là nhường nào.

Khi trở về chùa Long Giác cô vẫn khẩn nguyện để Đấng Từ Bi cứu vớt mình thoát cảnh trầm luân.

*. . . “Lan dăm dăm nhìn trời, lâm râm khẩn cùng Phật Tổ xin Ngài xuống cứu vớt tấm linh hồn sắp đắm đuối. Bỗng có tiếng động bên mình.... Con vánh khuyên đương lách tách nháy trên cành lá rậm. Lan mỉm cười ngắm nghía con chim xinh xắn lướt lông rồi giơ bàn tay ra vẫy. Con chim kinh sợ vụt bay”*

Tất cả những cám dỗ, những lời đường mật của chàng sinh viên trẻ, của mối tình chớm nở là hiện thân của thử thách đối với người đã xuất gia thoát tục như Lan. Cô đã vượt qua được

chặng đường thử thách nhưng vẫn run sợ vì nó có thể phá hoại hoàn toàn con đường học đạo của mình:

*“Lan liếc mắt ngắm phong cảnh quanh mình, lòng hoài nghi man mác đến cả cỏ cây mây nước. Cúi nhìn giòng nước bạc lấp lánh dưới chân đồi quanh co uốn khúc, rì rì lướt giữa dọc cát vàng. Trong cảnh êm đềm ấy biết đâu không ẩn núp những loài rắn độc hại người. Cho chí đám mây dịu dàng theo chiều gió thổi, làn khói lơ lờ bay, lẫn lá xanh, biết đâu không trở nên cái sức mạnh phá phách của con tạo vô tình . . .”*

Là người đã xuất gia nhưng cô cũng vẫn dạt dào tình cảm, khi biết tin Ngọc về Hà Nội, Lan hốt hoảng:

*“- Về lúc nào? . . . sao lại về Hà Nội? . . . Về Hà Nội rồi à?”*

Ngọc để lại bức thư vắn tắt:

*“Giữ lời hứa tối hôm qua, tôi xin kính chào chú ở lại tu hành cho thành chánh quả. . . chú còn tưởng nhớ tới tôi là người bạn khốn khổ này, thì xin chú cầu nguyện cho linh hồn tôi chóng được lên cõi Nát Bàn”*

Đọc thư xong mấy lần, Lan ngồi phịch xuống giường lấy tay bưng mặt khóc nức nở không ra tiếng, nỗi sầu khổ trong lòng theo hai hàng lệ tuôn rơi, đó là dấu hiệu của mối tình đầu chớm nở, nhưng ngay khi ấy lòng tin mộ đạo lại nhắc nhở cho cô biết rằng mình đã là kẻ xuất gia thoát tục, Lan như tỉnh cơn mơ:

*“Thôi ta điên mất rồi chẳng lẽ . . . Lan đứng phắt dậy, tắt đèn rồi lau nước mắt quả quyết đi lên chùa trên, vừa đi vừa lầm bầm: Quên! phải quên! Lời thề trước linh hồn mẹ ta hãy còn nhớ đĩnh ninh trong trí. Đó là cái bùa để trừ bỏ những sự cám dỗ của cái tình nhỏ nhen ở nơi dương thế”*

Người ni cô mặc cảm tội lỗi đang ra sức sũa đũa cám dỗ, người ta thấy cô vừa đáng thương, vừa đáng trọng:

*“Lan lầm bầm “ta rất có tội với đức Phật tổ”*

Lúc ấy Lan thoáng ngửi thấy mùi trầm. Thì ra lên tới chùa trên từ bao giờ mà Lan không biết vẫn tưởng còn ngồi trong buồng Ngọc. Ngước mắt trông lên thấy các tượng thấp thoáng trong bóng đèn tù mù dầu lạc. Tuy không nhìn rõ, nhưng Lan cũng tưởng tượng ra cái vẻ tươi cười, khoan dung mà lãnh đạm của những pho bụt. Từ từ Lan cúi mặt như người bị quở mắng, rồi rón rén tới bực gỗ quì xuống thì thềm khấn khứa.

Ngọc đi được ba bốn ngày, Lan buồn rầu chẳng thiết gì, một buổi chiều, Lan thơ thẩn bên vườn sán, cô thả hồn về phía xa, thờ dài buột miệng cõi Niết Bàn, chốn Bồng Lai. Cô mỉm cười lầm bầm thế nào cũng phải xa lánh nơi trần tục.

Khi ấy cô đã thu hết can đảm để chế ngự tội lỗi và lúc này lòng tin mộ đạo đang ưu thế tưởng như tình yêu, tội lỗi không bao giờ còn quay trở lại được.

*“Tiếng chuông đổ hồi như vui mừng cười reo vì đã giải thoát được linh hồn Lan”*

Dần dần ngày đêm vui đạo Phật, lòng đã nguôi đi, khi chiều tà gió thổi, trăng mọc đầu non, hình ảnh người bạn vẫn còn phảng phất, nhưng đạo từ bi vẫn thắng được mối tình chớm nở, Lan vui mừng vì đã qua được một bước khó khăn trên đường thoát tục.

Nhưng có ngờ đâu, cám dỗ lại trở về, Ngọc lại hiện ra, chàng cho biết lên thăm Lan như vậy có tội với sự tu hành của cô, nhưng vì chàng không thể nào quên được cô. Lan hốt hoảng:

*“Ông điên mất rồi . . . Ông nên cưỡi xe đạp trở về ngay”*

Ngọc có vẻ thất vọng, chàng nói chỉ thăm Lan lần cuối cùng, mai kia kẻ Bắc người Nam, sẽ không bao giờ còn gặp lại nữa. Lan nghe vậy bèn bùng mặt khóc, nước mắt ràn rụa ướt cả vạt áo, tình yêu tội lỗi lại xâm chiếm lấy tâm hồn cô . . . cảm dỗ lại nổi lên dữ dội:

*“Ngọc vội cúi xuống đỡ tay Lan kêu van:*

*- Ngọc xin lỗi Lan. Đấy Lan nghĩ xem Lan có thể không yêu Ngọc được đâu? cặp linh hồn ta như một điệu nhạc, không cảm động nhau sao được!”*

Ngọc tưởng đã nắm chắc phần thắng trong tay, nhưng sức mạnh của lòng mộ đạo ở như Lan vẫn còn mạnh lắm, nó đẩy lui cảm dỗ ngay:

*“Lan đứng phắt dậy sẽ đẩy bạn ra.*

*- Không bao giờ thế được!*

.....

*. . . . . Thôi ông đừng nói nữa, mỗi lời nói của ông như đốt như sé ruột kẻ tu hành này, ông nên về ngay đi.” . . .*

Cô cho biết sẽ bỏ chùa trốn lên tu ở miền thượng du, thế là Ngọc đành phải nhượng bộ, chàng chỉ xin lâu lâu ghé thăm bạn và thề rằng suốt đời chàng sẽ thờ phụng trong tâm trí cái linh hồn dịu dàng của Lan, sẽ sống mãi trong thế giới mộng ảo của tình yêu bất vọng bất diệt. Và sau cùng, trải qua bao nhiêu phần đấu cam go, Lan đã đủ nghị lực để xa lánh chốn trầm luân và lại dần bước trên con đường thoát tục. Đức Phật nói *“Ai tự thắng mình là người chiến sĩ dũng cảm nhất”*. Lan được coi như một chiến sĩ dũng cảm vì đã can đảm chống lại cảm dỗ của tình yêu tội lỗi. Dù trái tim đã rung động sóng sao vì mối tình đầu chớm nở của người thiếu nữ đang độ xuân thì, nhưng cuối cùng cô vẫn là người xuất gia thoát tục, đã giữ vẹn được lời thề trước Đấng Từ Bi. Cuộc phần đấu chấm dứt.

Qua ngọn bút mô tả của Khái Hưng, Ngọc và Lan thể hiện hai thế giới hoàn toàn khác biệt: Ngọc tiêu biểu cho người trần tục nghĩ rằng tình yêu mới là quan trọng vô biên, ở như chàng cũng đã diễn ra sự tranh đấu giằng co giữa lương tâm và tội lỗi, chàng cũng ý thức được rằng lấy tình yêu để cảm dỗ một người mộ đạo như Lan là điều tội lỗi, chàng có lòng quân tử nhưng bị Thần ái tình chế ngự, chàng đã không giữ được lời thề:

*. . . “Chỉ vì tôi không quên được nên tôi mới khổ tâm thế này . . . nếu tôi quên được hết thì đâu đến nỗi . . .”*

Lan tiêu biểu cho con người xuất thế, cô cho rằng tình yêu chỉ là ảo tưởng của hạnh phúc, sự thể hiện của chốn trầm luân, nó chỉ là một sự nhỏ nhen so với lòng bác ái của Đấng Từ Bi.

*“Trên đời chỉ có lòng bác ái mới là đáng kể”*

Phần kết thúc Ngọc có nói rằng:

*“. . . Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình tôi là . . . hai linh hồn đôi ta, ẩn núp dưới bóng từ bi Phật tổ”*

Và như vậy tình yêu của Lan và Ngọc chỉ là một phần tử nhỏ nhen của lòng bác ái bao la, vì lòng bác ái mà Phật Tổ đã lang thang khắp bốn phương trời để tìm phương giải thoát cho nhân loại.

Hồn Bướm Mơ Tiên, tác phẩm của tình yêu, nó thể hiện một tình yêu rộng rãi bao la:

đó là Tình Yêu Nhân Loại.

## Người vợ mù

Tôi được biết vợ chồng người ấy cũng là nhờ có một sự ngẫu nhiên: họ dùng cửa nhà tôi làm nơi hội họp.

Hồi đó tôi ở Ninh Giang, một phủ lỵ khá lớn, một bến tàu thủy khá sầm uất trên con sông Tranh. Cách tiêu khiển của tôi là chiều tối ra bờ sông xem tàu tới, tàu đi, giữa một cảnh náo nhiệt với những tiếng ồn ào gào thét của bọn bán bánh giò và bọn mời khách trọ, với những lời đe dọa hách dịch của mấy chú lính tuần cảnh, lính thương chính đến hỏi thẻ và khám soát hành lý.

Nhưng từ ngày tôi để ý đến vợ chồng người mù, thì ở Ninh Giang, đối với tôi, không còn sự tiêu khiển nào thú hơn là được ngắm đôi uyên ương ấy chuyện trò với nhau: một cảnh tượng cảm động, thân mật và rất nên thơ.

Tôi không rõ cửa nhà tôi được họ chọn làm nơi hò hẹn từ bao giờ, và vì sao họ lại chọn cửa nhà tôi. Nhưng một buổi sáng mùa đông dậy sớm, ra hiên gác tỳ tay lên lan can nhìn xuống, tôi thấy hai cái bóng đen đen đứng trên hè đường, dưới làn mưa phùn giá rét. Một lát sau, người đàn ông bảo người đàn bà:

-- Mười hai giờ bà chờ tôi ở đây nhé!

Lời nói đống dạc trang nghiêm như giọng hạng người sống trong những xã hội cao quý. Rồi mỗi người đi một ngã. Văng vẳng tôi nghe rao câu rất quen tai:

-- Ai muối mua!

Và tôi nhớ ngay ra ông lão bán muối mà tôi vẫn thường gặp lang thang trong các phố.

Mười ba giờ trưa khi chuyến ô-tô hàng chạy Hải Dương bắt đầu mở máy, quả nhiên một người đàn bà già và mù, áo sổng gọn gàng và sạch sẽ, tay cầm cái rá, rờ lần các cửa xe, rờ rạc xin tiền.

Tôi nghĩ thầm:

"Không phải ăn mày lạnh nghề."

Xe đi khỏi thì người bán muối buổi sáng cũng vừa đến nơi. Và tôi hiểu vì sao họ chọn giờ ấy làm giờ họp mặt: giờ ô-tô.

Luôn một tuần lễ như thế hôm nào cũng đúng sáu giờ sáng và mười hai giờ trưa là hai vợ chồng người mù tới cửa nhà tôi nói chuyện. Họ không hề sai hẹn. Và tôi tò mò lưu ý đến họ, để tai nghe những câu chuyện của họ, vì họ nói rất to, như chẳng cần gì ai, hơn nữa như coi nơi hè đường là chốn phòng riêng của họ.

Họ có nhà riêng hay không, và nếu có, thì nhà riêng họ ở đâu, tôi không rõ. Nhưng nghe chuyện họ, tôi biết rằng gia đình họ chỉ có hai vợ chồng: chồng làm nghề bán muối, vợ theo nghề ăn xin.



Gặp nhau, họ vui vẻ mỉm cười hỏi thăm tin tức nhau, như hai người bạn thân xa vắng lâu ngày, và mong nhớ nhau từng phút từng giây. Lần nào người chồng cũng bắt đầu:

-- Bà đây à? Thế nào, bà làm ăn có khá không?

Người vợ trả lời chẳng qua mấy câu này: "Cũng khá ông ạ" hay "Hôm nay làm ăn chẳng ra gì."

Rồi bà lão thuật cho ông chồng nghe hết những việc đã xảy ra trong mấy giờ đồng hồ đi "làm ăn". Bà ta kể chuyện rất vui vẻ, thỉnh thoảng lại chêm một câu bình phẩm, một câu khôi hài, khiến người chồng khúc khích cười, chừng cốt để làm đẹp lòng vợ.

-- Ông ạ, con mẹ Phúc Hòa Đường nó lại nhieéc tôi sao không kiếm việc mà làm, đi ăn mày thế này không biết nhục à?

-- Con mẹ Phúc Hòa Đường ở phố Ninh Lãng có phải không bà?

-- Phải đấy ông ạ. Nó thử mù như tôi xem.

-- Thế nó có cho bà đồng nào không?

-- Nó cho mà nó nhieéc thì đã cam.

-- Nó giàu nhất phố đấy, bà ạ.

-- Giàu thế thì giàu làm gì? Giàu mà không biết thương kẻ đói khó, mù lòa. Cũng chả bền được đâu, ông nhỉ?

-- Giá giới cho vợ chồng mình giàu như họ thì mình ăn ở rõ ra người giàu, có phải không ông?

-- Phải, mình để cửa làm gì? Để cửa cho con nó phá né? Bà có biết không, thằng con nhà ấy nó phá chẳng mấy nổi mà hết cơ nghiệp. Thôi thì đủ, bà ạ, cờ bạc, bợm đi, hút sách.

-- Thế à ông?

Câu chuyện cứ thế kéo dài, âu yếm như chuyện hai vợ chồng trẻ, đứng đắn như chuyện hai người có giáo dục, một điều ông ạ, hai điều bà nhỉ, và có tính cách thông tin tức như một tờ báo hàng ngày.

-- Ông ạ, tôi nghe nhà bà thông Đoan nói chuyện xe Ninh Thái bị bắt thuốc phiện, đâu những bốn, năm cân dứa. Chắc bị phạt khá tiền đấy nhỉ? Hay đi đêm, thế nào chả có ngày gặp ma, ông nhỉ?

Tiếp chuyện bắt thuốc phiện, bà lão kể đến chuyện gia đình nhà ông đội Nhất: Vợ chồng ông đội chẳng ngày nào là không cãi nhau. Bà lão nhắc lại từng câu mắng nhiếc chửi rủa tục tằn của hai người, rồi bình phẩm:

-- Cứ nghèo như vợ chồng mình lại êm thắm, nhỉ ông nhỉ?

Ông lão bán muối cười rất có duyên, và có vẻ tự phụ nữa.

Hôm nào người vợ phàn nàn không xin được một trinh nhỏ, thì người chồng tìm hết lời an ủi:

-- Thôi bà ạ, cần gì. Hôm nay tôi làm ăn nhờ giờ khá lắm. Chúng mình chỉ mong kiếm đủ ăn, chứ có cần để dành tiền như họ đâu. Vậy bà về nhà mà nghỉ nhé. Tôi đã đóng một hào gạo, mua một xu rau muống, một xu tương rồi đấy. Bà về thổi cơm, tôi bán hết chỗ này cũng về ngay đây.

Họ từ biệt nhau, cho tới sáu giờ sáng hôm sau lại vui mừng cùng nhau nói chuyện.

Nửa năm ròng, tôi tò mò đi sâu mãi vào cái đời đường hoàng và thân mật của cặp vợ chồng khốn khó. Có hôm tôi cố theo họ xem họ trú ngụ nơi đâu, nhưng họ như đôi chuồn chuồn sống nhớn nhỡ không tổ trên mặt nước ao tù.

Một dạo tôi thấy vắng bóng đôi uyên ương già ở trước cửa nhà tôi. Tôi đoán chừng họ đã chọn một phố khác yên tĩnh hơn làm nơi gặp chuyện hàng ngày.

Nhưng một buổi chiều đi chơi mát, tôi rẽ vào xem đèn Tranh thì gặp ông lão lòa đương lom khom quét lá khô ở sân. Tôi vui mừng hỏi:

-- Kia ông bán muối. Hàng họ có khá không. Sao độ rầy tôi không gặp ông?

Người kia đứng thẳng lên, hấp háy cố nhìn tôi bằng cặp mắt gần tàn ánh sáng như ngọn đèn cạn dầu bập bùng chực tắt. Tôi hỏi luôn:

-- Còn bà lão, vợ ông, lâu nay đi đâu?

Hai hàng lệ chảy ràn rụa trên đôi gò má răn reo. Tôi hiểu ngay rằng ông lão khốn nạn đương mang nặng trong lòng một nỗi thống khổ lớn lao.

Và tôi nghĩ ngay đến sự từ biệt...

-- Ông buồn lắm phải không?

-- Vâng, tôi không thiết sống nữa, thầy ạ. Bà lão nhà tôi, bà ấy bỏ tôi bà ấy đi rồi...

Tôi kinh ngạc.

-- Bà ấy bỏ ông?

-- Vâng, bà ấy chết rồi còn đâu!

Người ấy cúi xuống quét sân, nói tiếp:

-- Hơn bốn mươi năm giờ ăn ở với nhau, chả có điều tiếng gì... bây giờ bà ấy bỏ bà ấy đi một mình.

Lúc từ biệt tôi đái ông lão khổ sở một hào nhưng ông ta lắc đầu xua tay:

-- Tôi lấy tiền làm gì nữa. Ngày có vợ có chồng, tôi mới phải vất vả làm ăn. Chứ bây giờ còn một thân một mình, thì tôi chỉ nhờ cửa thánh ngày hai bữa cơm thừa canh cặn đủ no... để chờ ngày được gặp mặt bà lão tôi ở nơi suối vàng.

Dù cảm động đến đâu tôi cũng không thể giấu nổi cái mỉm cười: tôi nhận thấy ngôn ngữ ông lão bán muối vẫn còn đứng đắn và kiểu cách như xưa, khi ngồi trò chuyện với người vợ mù ở trước cửa nhà tôi.

## Bảy vì tinh tú Đặng Trần Huân

Chỉ mới thành lập năm 1933 mà tổ chức Tự Lực Văn Đoàn tưởng như đã xa xưa lắm vì cho tới nay có lẽ vẫn chưa có ai trả lời ngay được là văn đoàn này gồm có những ai? Về sau có thêm bớt ai không? Những người liên quan tới TLVĐ có một số còn sống nhưng mỗi người nói một cách có khi mâu thuẫn nhau chẳng biết đâu mà tin. Một văn đoàn có tác phẩm để đời quá nhiều ảnh hưởng sâu đậm tới văn hóa Việt Nam, thế mà thành phần nhân sự của nó tới nay vẫn mù mờ như huyền thoại. Độc giả giữ sách báo cũ hay một vài hồi ký ra để tìm hiểu thì càng mung lung hơn và bắt đầu đi vào mê lộ.

Điều mà ta biết chắc chắn là TLVĐ chính thức thành lập khi tôn chỉ đường lối hoạt động được công bố trên báo Phong Hóa số 87 ra ngày 2. 3. 1933 và căn cứ trên dòng chữ Trong Tự Lực Văn Đoàn dưới tên tác giả mỗi cuốn sách, độc giả đếm thấy TLVĐ gồm có sáu người là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Sau 30. 4. 1975 nhiều người Việt chạy ra hải ngoại nhưng sách báo không mang theo được bao nhiêu, tài liệu ít ỏi, trí nhớ suy mòn nên khi viết về TLVĐ có những tác giả tự ý cho thêm nhiều tên vào danh sách theo ý thích của mình.

Trong cuốn Việt Nam Niên Biểu III: Nhân Vật Chí do nhà Văn Hóa xuất bản tại Houston, Texas năm 1993, tác giả Chính Đạo (bút hiệu khác của Nguyễn Vũ tức tiến sĩ sử học Vũ Ngự Chiêu) viết rằng TLVĐ có cả ông Lý Đông A, lãnh tụ đảng Duy Dân (339).

Trên tuần báo Saigon Times Rosemead, CA ngày 24. 9. 1995 trong bài giới thiệu tác phẩm Trên Sông Hồng Cuốn Cuộn của Nguyễn Tường Bách, giáo sư Lưu Trung Khảo viết TLVĐ có 12 thành viên kể cả Nguyễn Gia Trí, Trần Tiêu, Nhật Tiến. Và ông đề nghị thêm Nguyễn Tường Bách. Không thấy ông đề nghị bỏ bớt ai?

Trong bộ 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975 - 1995 do Trương Đình Nho chủ trương, nhà xuất bản Đại Nam, Glendale, CA in năm 1995 về Nguyễn Thị Vinh sách ghi "Sinh ngày 15. 7. 1924 . . . Đầu thập niên 30 được chính thức kết nạp vào Tự Lực Văn Đoàn" (cuốn II, trang 1467 )

Nguyệt san Làng Văn (Canada) số 137 - tháng 1. 1996 viết TLVĐ có 11 người vì có thêm Xuân Diệu, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng.

Trong cuốn sách có cái tên dài của bà Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh, tái bản tại Cali cuối năm 1996, Hồi Ký Về Gia Đình Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam tác giả viết về TLVĐ rằng: về sau có thêm họa sĩ Nguyễn Cát Tường tức họa sĩ Le Mur (117)

Tạp chí Con Ong Texas, ở Houston, số 65 ra ngày 11. 6. 99, trong bài viết về Đoàn Phú Tứ, nhà báo Đông Ngân không hiểu theo tài liệu nào mà viết Phạm Văn Hạnh cũng là đoàn viên Tự Lực Văn Đoàn.

Trong cuốn Tác Giả Tác Phẩm của Trần Tuấn Kiệt in từ thời VNCH có tái bản ở hải ngoại còn ghi thêm một người cháu khác của Nhất Linh là Thế Uyên cũng là thành viên TLVĐ.

Trong khu rừng sách báo hải ngoại và quốc nội mà chúng tôi không thể theo dõi hết chắc chắn còn nhiều tác giả khác viết về TLVĐ cũng ghi thêm những thành viên cho TLVĐ như đã dẫn trên đây.

Để truy nguyên những danh sách huyền thoại này, ta hãy tìm một số sách biên khảo văn học trong thời gian Nhất Linh còn sống xem các tác giả cùng thời viết ra sao? Bộ Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan không nói tới thành phần TLVĐ, Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm thì chỉ kể tên bốn người là Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ rồi thôi.

Hãy tạm tham khảo bộ sách mới hơn, khá công phu Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn xuất bản năm 1962 - 1965. Bộ sách gồm ba cuốn được nhà Đại Nam ở Hoa Kỳ in lại. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết TLVĐ công bố ra mắt, đường lối hoạt động và dấu hiệu Con Ó trên báo Phong Hóa nhưng không công bố thành phần. Sau này trong tiểu thuyết Những Ngày Vui, Khái Hưng viết khi đó nhóm định thành lập văn đoàn như một Pleiades gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí (433).

Tìm đọc lại Những Ngày Vui, dò từng giòng nhưng không thấy đoạn nào nói tới chuyện Pleiades cả. Hơn nữa Những Ngày Vui chỉ là tiểu thuyết thì ta có nên coi là một tài liệu tham khảo nghiêm chỉnh không? Theo thiên văn và thần thoại thì Pleiades là bảy người con gái của thiên thần Atlas biến thành bảy vì sao nhưng chỉ có sáu vì là có thể trông thấy bằng mắt trần mà thôi. Có nên tán ra rằng Nguyễn Gia Trí chỉ là ngôi sao không thấy trong thất tinh, ẩn hiện, mờ ảo và vì là họa sĩ không thể để dòng chữ Trong TLVĐ dưới chữ ký trên mỗi họa phẩm, mỗi tranh trang trí cho bài nên chuyện hội viên của ông trở thành nghi vấn.

Trong bài Nhiệm Vụ Của Người Cầm Bút của nhà biên khảo Trần Bích San đăng Sài Gòn Nhỏ, số Xuân Đinh Sửu 1997 cũng viết TLVĐ gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí. Nhưng khi đọc ở cuối bài thì mới biết Trần Bích San đã tham chiếu nơi trang 433 Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên.

Thực ra câu chuyện Pleiades được kể trong cuốn Chân Dung Nhất Linh của Nhật Thịnh chứ không phải trong tiểu thuyết Khái Hưng. Chân Dung Nhất Linh do nhà Sống Mới in tại Sài Gòn trước 1975 và nhà Đại Nam ở Cali in lại và cũng chỉ là bản chụp của nhà Sống Mới vì thế coi bản Đại Nam cũng như coi bản Sống Mới vậy.

Trong Chân Dung Nhất Linh in tại Mỹ ở trang 127 và 130 Nhật Thịnh tả cuộc đi chơi Lạng Sơn đầu năm 1932 của Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ và trong cuộc đi chơi này họ bàn chuyện thành lập TLVĐ gồm có bảy người. Khi Thế Lữ cãi lại chỉ có sáu thôi thì Nhất Linh nói:

"Các cậu quên Nguyễn Gia Trí rồi à ? Thiếu hẳn thì bọn mình bắt trí hết". Nhưng ở trang 129 Nhật Thịnh lại viết: Nguyễn Gia Trí biết Nhất Linh năm 1933 (một năm sau chuyến đi chơi Lạng Sơn). Như vậy làm sao Nhất Linh đề nghị một họa sĩ vào tổ chức của các nhà văn, nhà thơ nhất là khi ông cũng chưa quen biết để phục tài họa sĩ này. Hơn nữa câu chuyện Pleiades của Nhật Thịnh cũng có vẻ hư cấu như một tiểu thuyết mà thôi. Ấy là không kể ngay trong cuốn Chân Dung Nhất Linh cũng có những sai lầm nhỏ mà quan trọng chẳng hạn như nêu tên các họa sĩ Tô Ngọc Vân (hai lần), Lê Thị Liệu, Trần Đình Lộc ở trang 36 mà thực ra tên các vị này là Tô Ngọc Vân, Lê Thị Lựu và Trần Bình Lộc.

\*\*\*

Trong cuốn Nhất Linh Trong Tiến Trình Hiện Đại Hóa Văn Học (Nxb Văn Hóa, Hà Nội), Vu Gia viết theo cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ thì TLVD bổ sung thêm hai người để trở thành bát tú. Mới đây ca sĩ Duy Trác cho mượn cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ của Nxb Hội Nhà Văn in năm 1993 thấy ở trang 30 ghi TLVD có tám người. Nhưng ở nhiều trang kế tiếp chính Tú Mỡ viết năm 1939 cái thất tinh hội ấy bắt đầu lu mờ (37), thất tinh hội TLVD tan tác (44), thất tinh hội rơi rụng mất ba (45). Thì ra Tú Mỡ khi về già trí nhớ cũng phần nào thiếu minh mẫn.

Hơn nữa ngay trong cuốn NLTTHĐHVH cũng có những sai lầm khiến mức chính xác của cuốn sách làm ta ngờ vực. Chẳng hạn khi nói tới báo Phong Hóa, Vu Gia viết báo này do Phạm Xuân Ninh chủ trương (137). Thực ra người sáng lập báo Phong Hóa là Phạm Hữu Ninh, giám đốc trường tư thục Thăng Long mà Nhất Linh và Khái Hưng là giáo sư; còn Phạm Xuân Ninh là trung tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà làm thơ với bút hiệu Hà Thượng Nhân không liên quan gì với TLVD.

Có lần chúng tôi điện thoại hỏi bác sĩ Nguyễn Tường Bách về vai trò của Nguyễn Gia Trí và Xuân Diệu thì bác sĩ Bách nói TLVD có Xuân Diệu nhưng không có Nguyễn Gia Trí.

Nữ thi sĩ Cao My Nhân trong loạt bài Chốn Bụi Hồng ít ra đã hai lần nói rằng khi bà còn ở Việt Nam bà đã gặp nữ sĩ Anh Thơ và được coi tận mắt quyết định trao giải thưởng cho tập thơ Bức Tranh Quê của nữ sĩ Anh Thơ có chữ ký của ba nhà thơ Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu. Sự kiện này cũng không chứng minh được Xuân Diệu là đoàn viên TLVD. Để chấm giải thơ, ngoài hai thi sĩ đoàn viên, TLVD vẫn có thể mời thêm một thi sĩ thân hữu vào trong ban giám khảo lâm chữ. Xưa nay thiếu gì những giải thưởng mà ban tổ chức mời thêm người ngoài vào thành phần giám khảo, có khi cả những người thuộc khuynh hướng không giống nhau, cho giải thêm vô tư và giá trị hơn. Trường hợp Anh Thơ, trên giấy chứng nhận tặng giải cho Bức Tranh Quê cũng không có chữ ký của các đoàn viên TLVD khác.

Trên bán nguyệt san Kiến Thức Ngày Nay số 193 đề ngày 1. 12. 95 xuất bản tại thành Hồ (nay phát hành 10 ngày một số) nữ sĩ Mộng Tuyết - hiện sống ở Hà Tiên - có xuất trình lời khen của TLVD tặng cho bà về tập thơ Phấn Hương Rừng bà gửi dự Giải Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn 1939. Lời khen tặng đề ngày 11. 6. 1940 có chữ ký sáu thành viên TLVD là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Không thấy tên Xuân Diệu và Nguyễn Gia Trí trong tài liệu này. Năm 1938 khi nhà xuất bản Đời Nay của TLVD in Thơ Thơ và đoàn văn Phấn Thông Vàng không biết đã có dòng chữ Trong TLVD ghi dưới tên tác giả Xuân Diệu chưa? Còn thời gian sau này Xuân Diệu phản tình hay bị cưỡng ép phản tình, phủ nhận dĩ vãng văn nghệ của mình khi đi theo cộng sản thì không kể.

Về chuyện họa sĩ Nguyễn Cát Tường được mời vào TLVD cũng là một điều mà trước nay có lẽ ít độc giả nào nghe thấy. Có giống trường hợp lãnh tụ Lý Đông A chẳng? Bà Nguyễn Thị Thế có làm lộn không? Ngay trong bài cảm nghĩ của Nguyễn Tường Bách (em ruột bà Thế) in trong cuốn sách tái bản của bà Thế, ông Bách cũng nhận xét là: Với vị thế của tác giả, nhiều dữ kiện về các nhân vật trong gia đình về phương diện văn hóa, xã hội, đấu tranh chị không biết rõ.

Hơn nữa Nguyễn Cát Tường cũng chỉ là họa sĩ có công vẽ kiêu áo tân thời cho phụ nữ. Nếu kể những họa sĩ có công với TLVD thì Tô Ngọc Vân còn sáng giá hơn nhiều, để ở đâu? Và nếu muốn tri ân những nghệ sĩ có công trong phong trào xây nhà Ánh Sáng cũng do TLVD chủ xướng thì không thể bỏ quên kiến trúc sư Võ Đức Diên. Còn nếu cứ thấy tên tuổi nào nổi danh thì kéo vào TLVD cho đông vui bất kể bộ môn thì có nên ghi thêm Lê Thương, Hoàng Thi Thơ,

Nguyễn Thanh Thu, Kiều Chinh, Kim Chung, Thanh Thúy, Tạ Duy Hiền cho trăm hoa đua nở.

\*\*\*

Qua cái mốc 1940 với Giải Thường TLVĐ mà nữ sĩ Mộng Tuyết còn tài liệu chính thức, ta có thể nhảy vọt một đoạn đường 17 năm tới bài khai bút của Nhất Linh đăng trên nguyệt san Văn Hóa Ngày Nay, Sài Gòn, số xuân 1957 mặc dầu bài này ông viết từ ngày mùng một Tết năm Quý Tỵ (14. 2. 1953). Trong bài này có câu:

Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng là nhân viên TLVĐ và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ bỏ phiếu bầu khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và Duy Lam.

Như vậy lời Nhất Linh chỉ có giá trị như một lời dặn dò, lời dặn dò khá thận trọng rằng "khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác" chứ không phải là một quyết định vì TLVĐ không phải là một văn đoàn cha truyền con nối kiểu như thời vua chúa. Viện Hàn Lâm Pháp, văn đoàn Goncourt v. v . . . khi có một đoàn viên chết hay vắng mặt vĩnh viễn vì lý do nào đó sẽ được những đoàn viên còn lại biểu quyết tuyển chọn đoàn viên mới. TLVĐ hẳn cũng làm việc không ra ngoài khuôn mẫu đó nghĩa là khi thân nhận đoàn viên mới phải do kết quả bầu phiếu của đa số thành viên. Khi Nhất Linh công bố lời khai bút thì Hoàng Đạo, Khải Hưng, Thạch Lam đã mất. Ở miền Nam, Nhất Linh chỉ có một mình, ở miền Bắc thì Tú Mỡ, Thế Lữ đã khước từ dĩ vãng, hai phía không chính thức liên lạc với nhau cho tới ngày Nhất Linh qua đời.

Trong số người mà Nhất Linh đề nghị thân nhận vào TLVĐ chỉ có Nguyễn Thị Vinh là người ngoài còn Duy Lam và Tường Hùng là hai người cháu gọi Nhất Linh bằng bác ruột. Nếu chỉ kể sáu hội viên nguyên thủy thì một nửa thành phần đã là ba anh em ruột Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam.

Cuốn 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975 - 1995 ghi Nguyễn Thị Vinh là thành viên chính thức của TLVĐ từ đầu thập niên 30 có thể là sự làm lộn về ấn loát. Vì đầu thập niên 30 (1933) TLVĐ mới thành lập Nguyễn Thị Vinh mới lên chín tuổi và năm 1953 Nhất Linh mới đề nghị Nguyễn Thị Vinh mà thôi. Sự thực năm 1995 khi xuất bản cuốn Na Uy Và Tôi ở hải ngoại, Nguyễn Thị Vinh chính thức nhận là đoàn viên TLVĐ khi tuyên bố rằng bà làm như vậy vì thấy chủ trương của TLVĐ hay (Phụ Nữ Diễn Đàn số 132 - tháng 2. 1995). Khi in các tác phẩm Hai Chị Em (1953), Thương Yêu (1955) bà đã cộng tác với TLVĐ mà bà chưa thấy hay mãi hơn bốn chục năm sau bà mới nhận ra điều đó.

Trường hợp Duy Lam sau khi sang Mỹ tái bản các tác phẩm cũ và in tác phẩm mới đều ghi thuộc TLVĐ cũng là căn cứ trên lời nhắn gửi của Nhất Linh trong bài khai bút mà nay đã trở thành di chúc.

Trường hợp Tường Hùng chỉ xuất bản hai cuốn Gió Mát (1959) và Bướm Lạ (1966) rồi không thấy tên ông xuất hiện trên văn đàn nữa, hoặc có viết nhưng quá ít, không nổi tiếng hoặc dùng một bút hiệu khác mà chỉ có Nhất Linh và một số ít người biết mà thôi. Mãi tới năm 1996 khi Duy Lam cho tái bản Gia Đình Tôi mới thấy mấy tranh vẽ của Tường Hùng minh họa đệm cho cuốn tiểu thuyết này, những tranh còn quá non tay có lẽ chỉ là những tranh vẽ đã in trong Gia Đình Tôi từ mấy chục năm về trước nay được Duy Lam cho in lại.

Trong bài khai bút Nhất Linh viết ông tin Đỗ Đức Thu đồng ý với đề nghị của ông. Vậy nhà văn Đỗ Đức Thu đóng vai trò gì trong TLVĐ, là một tổng thư ký thường trực nhưng không là đoàn

viên? Hay nếu Đỗ Đức Thu đã là đoàn viên thì được tuyển chọn bao giờ, theo thể thức nào? Cuốn Vỡ Lòng của Đỗ Đức Thu do nhà Đồi Nay của TLVĐ in năm 1940, nhưng tới Bốc Đồng và Nhà Bên Kia thì do hai nhà Nguyễn Du và Cộng Lực xuất bản năm 1942 không liên quan gì với TLVĐ nữa. Theo nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, TLVĐ có mời Đỗ Đức Thu gia nhập nhưng khi đó ông Thu không có mặt ở Hà Nội mà đang làm việc tại Sở Thiên Văn, thành phố Quảng Châu, Trung Hoa nên kể như không có chân trong TLVĐ ( Về Những Kỷ Niệm Quê Hương, Phương Hoàng, CA xuất bản năm 1996, trang 38 ).

Trong một loạt bài viết về Nguyễn Gia Trí của Duy Lam khởi đăng báo tháng 8. 1997, thì vào những năm 44 - 45 khi Đồi Nay xuất bản tuyển tập truyện ngắn Đứa Con thời với sự đồng thuận của các thành viên, dưới tên bác Đỗ Đức Thu đã có ghi Tự Lực Văn Đoàn (Saigon Times 5. 9. 1997). Nhưng đó chỉ là theo ký ức của Duy Lam. Riêng chúng tôi thì chưa được thấy cuốn nào của Đỗ Đức Thu có in dòng chữ Trong TLVĐ cả. Ngày chủ nhật 7. 9. 97 trong buổi họp mặt thân hữu tại tòa soạn Saigon Times tôi có hỏi nhà văn Duy Lam có còn giữ được cuốn Đứa Con có ghi Đỗ Đức Thu là thành viên TLVĐ không thì ông nói ông không có nhưng chắc thư viện trong nước có giữ. Giờ đây thì cả hai nhà văn Đỗ Đức Thu và Nhất Linh đều không còn nữa và bí mật vẫn bao trùm.

Về vai trò Trần Tiêu ta có thể khẳng định rằng ông không hề là thành viên TLVĐ dù tác phẩm của ông rất có giá trị. Tiểu thuyết phong tục Con Trâu nhiều độc giả thích thú và say sưa khen hấp dẫn và gần gũi độc giả Việt Nam hơn những tiểu thuyết viết về phong tục Trung Hoa của Pearl S. Buck, nữ sĩ Mỹ trúng giải văn chương Nobel năm 1938. Từ Con Trâu và Chồng Con do nhà Đồi Nay xuất bản đến Năm Hạng, Truyện Quê, Sau Lũy Tre của Trần Tiêu đều không có tiêu đề Trong TLVĐ dưới tên ông, chẳng lẽ là đoàn viên mà ông lại khước từ danh hiệu đó. Mặc dầu văn tài của Trần Tiêu như vậy và dù ông là em ruột của Khái Hưng nhưng không có gì chứng tỏ Trần Tiêu thuộc TLVĐ.

Nhật Tiến thì đã trả lời rõ ràng trong bài phỏng vấn đăng trên báo Ngày Nay ở Kansas, số 25 - tháng 3. 1983 rằng dư luận nói ông thuộc TLVĐ là một chuyện sai lầm, không có.

Như vậy hiện nay chỉ có hai nhà văn thuộc TLVĐ là Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam, người trước ở Na Uy, người sau ở Hoa Kỳ. Trên Saigon Times ngày 5. 9. 97 Duy Lam nói ông là thành viên thế hệ hai của TLVĐ. Như vậy rồi ra có thể có thế hệ ba, thế hệ bốn. Không rõ đường xá xa xôi hai nhà văn Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam có thường xuyên họp mặt với nhau để bàn bạc, duy trì đường lối, tôn chỉ của văn đoàn không hay đều sinh hoạt độc lập.

Tháng 8. 1998, trên nguyệt san Hương Quê xuất bản tại Houston, TX, nhà văn Nguyễn Thị Vinh trả lời phỏng vấn của Anh Vân về TLVĐ, nói bà cũng có một số tài liệu về các thành viên TLVĐ nhưng không bảo đảm sự chính xác nên không dám phổ biến. Trong một câu khác bà Vinh nói cuốn Na Uy Và Tôi của bà là cuốn duy nhất bà ghi giòng chữ Trong TLVĐ dưới tên. Bà khẳng định: Trong tương lai, những cuốn sách tôi sắp in, sẽ như mọi cuốn khác của của tôi từ thập niên 50 tôi không ghi TLVĐ nữa. Tại sao? Để chứng tỏ rằng có chân trong TLVĐ hay không, chẳng phải là chuyện lớn lao đối với một người cầm bút. Quan điểm này phần đông các nhà văn đều có. Tôi yêu mến TLVĐ song lại thích "tự lập" hơn.

\*\*\*

Mặc dầu không phải văn tài của các nhà văn trong TLVĐ đều siêu việt bằng nhau, hễ gia nhập TLVĐ thì văn tài rạng rỡ thêm lên và không phải ngoài TLVĐ không có những văn hào lẫy lừng sự nghiệp, nhưng không ai phủ nhận được công lao to lớn của TLVĐ với văn học Việt Nam. Và vì lý do đó khi tìm hiểu chính xác về TLVĐ chúng ta chỉ có thể căn cứ trên những tài

liệu cụ thể đã công bố bởi sáu hay một trong sáu đoàn viên nguyên thủy mà mọi độc giả đều biết. Nếu chỉ dựa theo lời kể lại, nhớ theo ký ức e cũng mắc sai lầm. Dựa theo những sách biên khảo thì đã xảy ra chuyện cuốn biên khảo có giá trị đáng tin cậy nhưng vài chi tiết sai sót của nó mà được tham chiếu lại thì sai sót đó sẽ lớn dần và phổ biến rộng thêm như trường hợp Trần Bích San mà chúng tôi kể ở đoạn trên.

Những cuốn hồi ký cũng cũng giúp ích cho người sưu tầm tìm hiểu nhưng cần lựa chọn, cân nhắc thật thận trọng. Không thiếu gì những hồi ký đã xuất bản có những sai lầm có khi vô tình, có khi do cố tình của tác giả.

Cộng sản Việt Nam khi chiếm trọn miền Bắc năm 1954 đã lên án TLVĐ là phản động cấm đoán các tác phẩm của văn đoàn này, mãi những năm gần đây mới một phần phục hồi giá trị của họ. Với chủ trương đốt sách kiểu Tần Thủy Hoàng như vậy việc kiếm được những tài liệu chính thức về TLVĐ không dễ dàng gì ngay cả phía chính quyền.

Chúng ta chỉ còn hy vọng vào những tài liệu mà các cá nhân còn cất giữ, lọt lưới cộng sản như tài liệu của thi sĩ Mộng Tuyết. Chẳng hạn tìm hỏi những nhà văn khác đã trúng giải văn chương TLVĐ hay thân nhân họ như Mạnh Phú Tư (Làm Lễ), Hàn Thế Du (Bóng Mây Chiều), Nguyễn Khắc Mẫn (Nỗi Lòng) v. v . . . Hoặc may ra một vài tài liệu còn lưu trữ ở thư viện các nước tự do. Nếu có được những tài liệu này thì mới có câu trả lời chính xác rằng TLVĐ có những vị nào?

\*\*\*

Tài liệu chính xác nhất hiện nay về thành viên TLVĐ có thể nói là phác thảo hồi ký của Nhất Linh được công bố trên nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật số 3 phát hành tháng 7. 1985 do Võ Phiến làm chủ nhiệm và Lê Tất Điều chủ bút. Số báo này là số đặc biệt về Nhất Linh. Ngoài những bài nhận định, truyện, thơ của nhiều tác giả phần tài liệu là những bài của chính văn hào Nhất Linh.

Đáng nói là hai trang đăng bài Đồi Làm Báo của Nhất Linh mà có in vài giòng bút tích của Nhất Linh. Võ Phiến đã cho tôi xem hai trang phóng ảnh trọn vẹn bài viết tay của Nhất Linh mà ông nói do anh Nguyễn Tường Thiết, con trai út của nhà văn Nhất Linh đã trao cho ông.

Chúng tôi phân tách kỹ hai tờ phóng ảnh: đây chỉ mới là bản phác thảo một cuốn hồi ký chứ chưa phải là những trang đầu của cuốn hồi ký dự định. Chữ của Nhất Linh không đẹp, không rõ ràng lắm và dập xóa, sửa chữa nhiều chỗ nhưng là một tài liệu quý giá.

Theo bản thảo, Nhất Linh chia những người cộng tác với nhà xuất bản Đồi Này và hai tờ Phong Hóa, Ngày Nay thành từng nhóm rõ rệt. Nhóm chủ lực thuộc tòa soạn hai tờ báo gồm tám người mà Nhất Linh ghi rõ sáu người A có chân trong TLVĐ A là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ và Thế Lữ.

Nhóm thứ hai Nhất Linh ghi là những người không có tên trong tòa soạn nhưng cộng tác và có bài đăng trên hai tờ báo gồm mười lăm người trong đó có cả Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Đinh Hùng, Nguyễn Khắc Hiếu, Đỗ Đức Thu, Xuân Diệu.

Nhóm thứ ba ghi tên các vị đã từng vẽ giúp cho TLVĐ có sáu họa sĩ trong đó có Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường . . .

Trong số những nhà văn, nhà thơ, họa sĩ mà Nhất Linh ghi trong nhóm thứ hai và thứ ba, đằng sau tên Xuân Diệu ông ghi rõ Acó chân trong TLVĐ (thơ mới)A. Đằng sau tên các ông Nguyễn



Gia Trí, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Cát Tường không ghi thuộc TLVĐ.

Xem xét phóng ảnh hai trang di cảo của Nhất Linh chúng tôi có hai thắc mắc nhỏ.

Thứ nhất là trong nhóm đầu Nhất Linh ghi tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ. Ghi xong, nghĩ sao ông đã xóa đi cả mấy tên Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Đình Lễ... Để rồi ông viết lại những giòng sau vẫn những vị nói trên và lại giữ nguyên tên Nguyễn Đình Lễ tức Thế Lữ, Lê Ta.

Cho tới nay hầu như ai ai cũng nghĩ rằng bút hiệu Thế Lữ là nói lái hai chữ Thứ Lễ trong tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ, giống như trường hợp đảo hai chữ Khánh Giu thành Khải Hưng vậy. Trong Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan và hầu hết những tài liệu đã xuất bản đều ghi tên thật ông là Nguyễn Thứ Lễ. Nhà văn Xuân Vũ cho biết con trai Thế Lữ là một đạo diễn kịch tại miền Bắc cũng mang tên đệm là Thứ, ông Nguyễn Thứ Nghi. Chúng tôi chỉ thấy thêm giáo sư Lê Kim Ngân ghi tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ trong đoạn nói về tiểu sử nhà thơ này trong cuốn sách giáo khoa Văn Học Việt Nam Thế Kỷ Thứ XX (phần kim văn) do nhà xuất bản Văn Hiệp, Sài Gòn in năm 1960 (288). Tuy nhiên ngay chính trong cuốn sách giáo khoa này ở phần nói về TLVĐ, giáo sư Lê Kim Ngân lại ghi tên thật Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ. Và cũng trong phần này có quá nhiều lầm lẫn như ghi tên Khải Hưng là Dư với chữ D và về thành phần TLVĐ thì sau sáu đoàn viên nguyên thủy còn ghi thêm luôn cả ba họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường cho tiện việc, rồi tiếp theo là những dấu chấm cuối giòng là ký hiệu để chỉ rằng còn rất nhiều nữa mà kể ra không hết. Như vậy tài liệu của giáo sư Lê Kim Ngân có nên coi là tài liệu chính xác đáng tin cậy không? Cũng có người nói rằng tên khai sinh của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ nhưng sau khi hoạt động báo chí ông mới đổi tên là Nguyễn Thứ Lễ.

Ở nhóm thứ ba trong di cảo Nhất Linh có ghi họa sĩ Trần Bình Lộc mà trong báo Văn Học Nghệ Thuật in là Trần Vinh Lộc. Như đã nói ở trên chữ Nhất Linh không đẹp, khó đọc và chữ Bình thiếu dấu huyền nên tòa soạn Văn Học Nghệ Thuật đã in lộn là Trần Vinh Lộc. Thực ra Nhất Linh muốn viết là Trần Bình Lộc, một họa sĩ cộng tác với nhóm Đời Nay lâu năm và nhiều người còn rất thích thú bức tranh Trần Bình Lộc vẽ chú tiểu Lan trong Hồn Bướm Mơ Tiên (Khải Hưng) đã từng được chọn làm phụ bản cho một kỳ báo Ngày Nay số Tết.

Ngoài hai chi tiết nhỏ kể trên thì những nét lớn về nhóm Đời Nay hẳn là Nhất Linh ghi đúng. Di cảo của Nhất Linh không ghi viết ngày nào nhưng có thể nói chắc là ông viết trong thời gian sống dưới chế độ cộng hòa ở miền Nam, vào lúc sự nghiệp của ông đã rạng rỡ chứ không lẽ định viết hồi ký từ khi mới vào nghề thì đã có gì đâu mà nhớ lại.

Trở lại vai trò của Xuân Diệu ta tự hỏi nhà thơ trữ tình ấy được kết nạp vào TLVĐ bao giờ? Năm 1940 số thành viên ký vào giấy khen tập thơ của nữ sĩ Mộng Tuyết chưa có tên Xuân Diệu. Thế nhưng trong bức thư đề ngày 25. 6. 98 của Huy Cận gửi cho một người bạn ở Sài Gòn, mà chúng tôi có phóng ảnh, ông viết rằng Xuân Diệu là thành viên chính thức của TLVĐ từ 1938. Ở trang đầu quyển Thơ Thơ (của XD) xuất bản 1938 có in rõ "Xuân Diệu trong TLVĐA. Tại sao lại trang đầu mà không ở ngoài bìa? Huy Cận là bạn thân của Xuân Diệu, Mộng Tuyết còn giấy trắng mực đen, người nào đúng?

Năm 1944 khi cho in thi phẩm Trường Ca, không rõ dưới tên Xuân Diệu có giòng chữ Trong TLVĐ không nhưng năm 1945 Xuân Diệu cho in hai tập thơ Ngọn Quốc Kỳ và Hội Nghị Non Sông để làm thành tích với mặt trận Việt Minh (tức cộng sản khi đó) chắc chắn là ông đã chối bỏ tư cách thành viên TLVĐ rồi.

Như vậy còn hai chi tiết về tên thật của Thế Lữ và ngày Xuân Diệu gia nhập TLVĐ vẫn chưa được sáng tỏ. Quý vị nào có tài liệu chính xác về hai chi tiết trên xin vui lòng cho chúng tôi mượn để làm sáng tỏ hai chuyện nhỏ nhưng cần thiết để tránh những sai lầm về sau.

Về thành phần TLVĐ chúng tôi nghĩ di sản của nhà văn Nhất Linh là tài liệu khả tín nhất, không thể bàn cãi nữa vì không ai có thẩm quyền hơn người đứng đầu văn đoàn.

Với tài liệu đó bây giờ ta có thể kết luận thành viên TLVĐ có sáu vị nguyên thủy khi thành lập năm 1933 là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ và một nhà thơ kết nạp sau là Xuân Diệu. Với những công lao của họ đóng góp cho văn học Việt Nam, các thành viên Tự Lực Văn Đoàn xứng đáng là thất tinh dù rằng trên bình diện văn học ngôi sao Hoàng Đạo chưa sáng lắm.

Tới đây cũng cần ghi thêm là để phục hồi danh dự TLVĐ, nhà xuất bản Hội Nhà Văn tại Hà Nội năm 1999 cho in bộ Tuyển Tập Tự Lực Văn Đoàn gồm ba cuốn nhưng lại khá lơ mơ về văn đoàn này. Trong bài Lời Nói Đầu in ở đầu cuốn thứ nhất ngoài những thành viên đúng của TLVĐ họ còn ghi thêm Trần Tiêu, nhà thơ Tân Việt và họa sĩ Đông Sơn vì họ không biết Đông Sơn và Tân Việt chỉ là hai biệt hiệu khác của Nhất Linh mà thôi.

Một hội nhà văn gần cả ngàn hội viên mà làm ăn như thế thì cũng “ưu việt” thật!

## Papa tòa báo Trần Khánh Triệu

Trần Khánh Triệu là con đẻ của nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), và là con nuôi của nhà văn Khái Hưng (Trần Khánh Giu). Bài viết kể về những kỷ niệm với Khái Hưng và những ngày cuối trước khi ông bị Việt Minh bắt và đưa đi thủ tiêu.

\*\*\*

*Mây vẫn lộng lộng một trời  
Đáng xưa hiu hắt... tháng ngày phôi pha.*

Nào hãy thử nhắm mắt lại thả hồn trôi về dĩ vãng... tưởng tượng vào một ngày xa xưa nào đó ta trở về Hà Nội, cái thành phố đầy ắp kỷ niệm thời tiền chiến mơ màng trong ký ức. Rồi hãy tưởng tượng tiếp ngày nào đó, ta được về tới vùng mây trời quê hương lãng đãng... Hải Phòng rồi Hải Dương... con đường số 5 hai bên ruộng lúa ngút ngàn... Cẩm Giàng rồi Gia Lâm và kia, cây cầu Paul Doumer vắt ngang sông Hồng phù sa cuộn cuộn. Lẩn khuất trong sương mù Yên Phụ... cột đồng hồ... tới tận bảo tàng, phà đen... Hà Nội đó, nơi ngàn năm văn vật đất Thăng Long.

Rời khỏi bờ sông lộng gió, dốc Hàng Đậu thoai thoải... tòa nhà tròn chứa nước ba tầng bằng đá xám bề thế chắn ngang, con đường tàu điện từ chợ Đồng Xuân qua ngã tư Hàng Than rẽ về phía Quan Thánh rợp lá bàng xanh... Vườn hoa Hàng Đậu, bên kia là phố Carnot, thành lính tây bát ngát, bên này đường, gần phía nhà thương khách... phòng trồng răng Đông Nam Mỹ rồi tiếp đó... dancing Rialtoz đêm đêm tiếng nhạc rập rình, hiệu Phúc Hưng Lâu với món phở sào dòn ăn miếng nhớ đời... kế bên, hăng chè tàu Phúc Kiến và quá chút nữa góc Hàng Bún. Quan Thánh... Đây rồi! Ngay đối diện với hiệu thực phẩm Hạp Ký của người Tàu là căn nhà số 80. Vâng, căn nhà 80 Quan Thánh mà tôi đã sống cùng cha mẹ nuôi tôi cả một thời thơ ấu với

bao buồn vui kỷ niệm. Nơi đây, cha nuôi tôi, nhà văn Khái Hưng đã sống, đã viết bao nhiêu tác phẩm để đời trong khoảng thời gian 1934, tới năm 1946 nghĩa là cách đây đã hơn 50 năm rồi!

### **Tòa báo: 80 Avenue du Grand Bouddha**

Tòa báo có hai mặt, mặt chính trông ra phố Quan Thánh, hồi trước 45 có cái tên tây là Avenue du Grand Bouddha, mặt kia số 55 quay về phía Hàng Bún tức Rue des Vermicelles, nhà này nguyên của một bà đầm cho papa tôi thuê (ấy theo thói quen tôi vẫn thừa với cha nuôi tôi là papa hay rõ hơn “papa tòa báo” để phân biệt với cha đẻ tôi — ông cụ ở Hàng Bè nên tôi vẫn dùng những chữ “cậu Hàng Bè” cho tiện).

Mặt trông ra phía Quan Thánh bước vào là một cái cổng nhỏ, hàng rào thấp, có cây leo rậm rạp quanh năm. Mặt phía Hàng Bún, cổng sắt hai cánh rộng hơn, xe ô tô đi lọt, vườn hoa bao bọc xanh tốt bốn mùa. Những luống hồng nhung mọc giữa dãy cỏ tóc tiên mượt mà, vài cây phượng nở hoa đỏ rực, cây lá móng ngựa hoa màu lam dịu, lại có cả một bụi tre già cao chót vót, những ngày gió mạnh lá cọ vào nhau nghe cọt kẹt. Dưới vòm tre xanh tốt một bàn ping pong được kê ngay ngắn, lâu lâu papa lại đưa bạn bè xuống đánh vài ván, tiếng bóng nhựa nảy trên bàn ròn rã. Những buổi trưa hè oi ả sau bữa ăn trưa papa thường nằm trên ghế xích đu hút píp, mẹ ngồi thêu áo kế bên, tôi thì khoai nhất được leo lên cây ngâu già gần đó, thò tay chụp đuôi con mèo xiêm đang nằm lim dim suy tư nghiền ngẫm trên cành.

Từ vườn bước lên năm sáu bậc thêm vào nhà, hàng hiên trước khá rộng... phòng lớn đặt máy in cùng chỗ sắp chữ, phòng bên phải nhỏ hơn nơi làm việc của ban trị sự tờ Ngày Nay, nhà xuất bản Đồi Nay và sau này là tờ Việt Nam cơ quan tranh đấu của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đi lên gác, hàng hiên lát gạch men tàu ngăn chia bên này là dãy buồng kho, nhà tắm... bên kia phòng lớn quét vôi màu xanh lơ thoáng mát. Phòng bên trái trông ra bụi tre được ngăn đôi: Buồng ăn và buồng ngủ của riêng gia đình tôi. Phòng giữa nơi làm việc của Papa và tòa soạn kê hai bàn lớn đầu vào nhau, đầu bàn được khắc dấu hiệu Tự Lực văn đoàn, trên tường treo mấy bức tranh sơn dầu vẽ phong cảnh của họa sĩ Trần Bình Lộc và Nguyễn Gia Trí. Phía bên phải là phòng khách kê một bộ salon nhỏ, một bàn làm việc, còn cái tủ sách lớn sát tường thì xếp toàn sách quý của nhà xuất bản Đồi Nay, bìa da chữ mạ vàng óng ánh. Đứng bên cửa sổ nhìn ra phía Hàng Bún, hàng cây bàng xanh ngắt, xé một chút gần nhà bác sĩ Hào, những con tàu điện từ Bưởi xuống hay từ Bạch Mai lên dừng đón khách ở ngã tư Quan Thánh lại đóng lên vài tiếng leng keng uể oải chậm chạp. Từng đợt ve sàu kêu ran, lan man đâu từ phía vườn hoa Hàng Đậu ủa tới rồi tản mát xuống tí mãi cuối phố khúc gần cửa Bắc, xa dần rồi mất hẳn. Những lúc ấy tôi cảm thấy thời gian sao dài quá! Cứ cái ngữ này không biết bao giờ mới tới được bữa cơm chiều đây!

### **“Papa tòa báo” viết văn**

Mỗi buổi sáng khi thức giấc, trong cái cơn ngái ngủ mơ màng tôi đã cảm thấy bao trùm một mùi cà phê thơm dịu. Papa đang ngồi đọc sách, chốc chốc lại nhấc tách lên nhấp một ngụm, khói thuốc *mélie* quyện tỏa khắp phòng. Cái đèn còn đun nước kêu sè sè đưa ra một vòng lửa xanh lam, lâu lâu papa đứng lên xoay chặt lại cái phin rồi đổ thêm nước sôi. Tôi trở dậy kéo ghế ngồi cạnh, tần mẩn nhìn từng giọt cà phê tí tách rơi xuống. Papa từ tốn dở từng trang sách chữ Hán nhỏ li ti vừa đọc vừa gật gù thỉnh thoảng lại cầm kính lúp lên soi. Đôi khi ông cụ còn mài miết chơi ô chữ trong tờ báo *La Volonté Indochinoise* xuất bản ở Hà Nội thời đó. Khi tìm được chữ nào đắc ý papa xoa nhẹ lên đầu tôi, ca se sẽ một bài hát quen thuộc của đoàn Ánh Sáng... “Rồi đây anh em chúng ta cùng nhau kết đoàn...”

Sau đó là bữa điểm tâm, thường thường trên mâm chỉ có cháo hoa với đường cát vàng hoặc cơm nắm muối vừng, hôm nào sang mới có xôi lúa mua của bà hàng quen. Bánh cuốn hay phở, những món sao mà ngon thế, thì buồn thay... năm thì mười họa chỉ khi nào có khách mới được bung lên. Hồi ấy gia đình tôi cũng không được dư giả cho lắm, bữa ăn sáng thường đạm

bạc như vậy. Nghe me kể lại lương nhà báo của papa ít lắm may bà ngoại có cho me ít ruộng ở vùng Quế Phương, Hải Hậu nên nhờ vào đó mới đủ chi dùng. Ông nội tôi tuy làm quan nhưng khi ông mất tài sản tứ tán đi cả, papa cũng chẳng được hưởng gì. Còn nhớ khi viết xong cuốn sách hồng, hình như “Cái ấm đất” thì phải, tiền bản quyền chỉ đủ mua một cái áo đi mưa cho papa ở Hàng Đào và một đôi giày Bata cho tôi. À quên, tôi còn được cây súng lục Euraka, bằng đạn đũa dài đầu bịt cao su, bách phát bách trúng... ghê chưa? Khoảng những năm 44, 45, vì tiền nhuận bút sách báo thiếu hụt, me có chung với cô em mở một hiệu tạp hóa nhỏ ở Hàng Trống, cửa hàng thuê của nhà in Thụy Ký. Tuy vậy, đôi khi tôi tới chơi thấy vắng khách, me ngồi sau quầy tư lự thờ dài... “Hàng họ lúc này khó khăn quá!”

Rồi khi mặt trời đã lên cao, ánh nắng chiếu vào nhà, papa đứng lên vươn vai sang phòng làm việc. Trong cái không khí vắng lặng êm ả, papa say sưa viết trên những trang giấy trắng rời không kẻ hàng bằng cây bút máy waterman ngòi vàng mềm mại, nét chữ đứng ngay ngắn rõ ràng. Có lúc viết xong một đoạn bỗng ngừng lại, papa nhắm mắt nhìn lên trần, tay gõ nhịp lên bàn, sau đó thế nào trên giấy cũng có thêm những hình loằng ngoằng như xoắn ốc kéo dài mãi ra. Đôi khi con mèo xiêm lách cửa đi vào nhảy tót lên bàn nằm chình ình một đống, tự nhiên như không... papa lấy tay khẽ vuốt ve, nưng niu con vật, miệng se se hát câu chèo quen thuộc “Đất ngài đây... thanh lịch... đất có hữu tình...”

Chiều và tối thì phòng giữa nhộn nhịp hẳn lên, khói thuốc tỏa lan khắp nơi. Bác Thế Lữ lúc nào cũng ngồi đối diện với papa, người hao hao gầy, đôi mắt sắc sảo, dáng điệu trông lúc nào cũng đầy vẻ bí mật. Có lần tôi thấy bác lấy trong túi ra một khẩu súng lục rất xinh đặt ngay trước mặt rồi chăm chú viết, đôi lúc lại gật gù nhìn khẩu súng. Sợ nhất là có lần bác mang về một cái sọ người, không biết thật hay giả, đặt ngay trên thành lò sưởi, nghe răng cười với hai lỗ mắt sâu thẳm thẳm ghê hồn! Chú Hoàng Đạo và “cậu Hàng Bè” của tôi thì làm việc bên phòng khách có khi tới khuya cũng chưa ra về. Hai người lúc nghỉ ngơi thường bày cờ ra đánh, mỗi lần chiếu tướng chú lại đập mạnh quân cờ cười ha hả. Papa lâu lâu cũng tới góp nước, hoặc mở đàn tam thập lục ra dạo một bản, tiếng trong trẻo rộn ràng.

Những ngày tòa soạn làm việc như vậy tôi thích nhất được xem chú Gia Trí vẽ tranh. Chấm mực đen chú vẽ Lý Toét rất gọn, rất ngon lành, hình Xã Xệ chỉ đưa vài nét là xong, bao giờ cái tóc xoắn như lò so của ông Xã cũng được vẽ sau chót. Có một dạo bác Tô Ngọc Vân thay thế chú Trí. Hình như bác mới ở bên Xiêm về, bác vừa vẽ vừa kể cho tôi nghe nhiều chuyện bên đó. Đôi khi bác còn cho tôi vài viên kẹo gôm tằm đường nhưng kẹo không ngon và nhiều như loại Toffee chú Trí vẫn cho, bởi vậy hồi đó tôi thấy bác vẽ Lý Toét, Xã Xệ sao không được đẹp bằng chú Trí của tôi!

Thỉnh thoảng bác Tú Mỡ từ Láng cỡi bình bịch tới tòa báo thăm anh em, người gầy gầy nhưng tiếng cười rộn rã đi đến đâu cũng nhộn nhịp tới đó. Thấy bác đến là tôi mừng rơn, vì thường thường sau khi công việc xong thế nào cả tòa soạn cũng cùng bác sang ăn phở xào dòn, phở áp chảo của hiệu Phúc Hưng Lâu gần đó, hay ít ra cũng là một châu bia, nước ngọt, bánh trái bên hiệu Hạp Ký trước cửa. Dĩ nhiên trong những trường hợp hy hữu đó bắt buộc tôi phải đi theo hầu papa rồi!

Ngược hẳn với bác Tú Mỡ, chú Thạch Lam của tôi đi tới đâu cũng yên lặng như một cái bóng, chú thường mặc áo dài the thâm, dáng người điềm đạm, ánh mắt sâu thẳm thẳm. Chú Huy Cận thì thân với tôi hơn, còn nhớ có lần ở Trung ra chú cho tôi một củ khoai to tướng, gấp ba bốn lần khoai thường. Tôi thích quá, nhất định không ăn, để dành mãi dưới gầm giường. Sau đó ít lâu papa với về trang trọng đưa cho tôi tập Lửa Thiêng và nói chú có tặng tôi một bài thơ trong đó, tôi lật trang giấy rồi lẩm bẫm đánh vần:

TỰU TRƯỜNG

Tặng em Triệu

Một bài thơ chú tặng cho tôi, ờ, giá chú Huy Cận của tôi cho tôi thêm một củ khoai như hôm nọ có hơn không?

### **Sầm Sơn – Villa des pins**

Những ngày tuyệt diệu nhất trong đời tôi, đó là những ngày nghỉ hè tắm biển ở Sầm Sơn. Kỳ niệm thật êm đẹp, mỗi lần hồi tưởng còn thấy gợn gợn trong tâm tư một niềm vui rào rạt. Buổi sáng hè còn dẫm hơi sương, tuy ngái ngủ nhưng lòng tôi sao quá rộn ràng trong chuyến đi xa... Chiếc xe tay ven theo vườn hoa Hàng Đậu, băng ngang qua trại lính tây đường thành vắng ngắt, mùi hương của hoa sữa thoang thoảng đâu đây. Rồi nhà ga Hàng Cỏ, đường sắt chỉ chít, con tàu xinh xịch chạy... Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình... Cầu Hàm Rồng và sau cùng là Thanh Hóa. Lên chiếc xe ca ì ạch tới Sầm Sơn thì trời cũng đã về chiều.

Villa des Pins là một biệt thự kiểu xưa ở vào dãy thứ tư tính từ biển trở vào. Bà ngoại tôi mua đã từ lâu dành cho con cháu ra nghỉ mát. Tới nơi, papa lập ngay một chương trình rõ ràng. Sáng sớm ra biển tập thể thao, coi kéo lưới rồi nhảy xuống tắm. Ngày nào mưa gió thì ở nhà, khi đó papa sẽ vừa viết văn vừa kèm tôi học. Tối đến tung tăng ở rừng phi lao hay trên bãi cát, hôm nào nhóm “Lo cho trẻ em đi nghỉ mát” có tổ chức lửa trại, diễn kịch gần hotel Renaud (?) thì cả nhà lại được đi coi giải trí không mất tiền. Những ngày đẹp đi chơi xa thăm hòn Độc Cước, hòn Trống Mái, hoặc ven theo rừng phi lao tới tận cửa sông Mã. Thích nhất là những hôm lên vùng “Sầm Sơn le haut” đường xe lên dốc ngoằn ngoèo, papa mặc quần soọc đi xăng đan xách theo giỏ bánh mì, cơm nắm, hăng hái tiến trước, tôi thờ hồn hển theo sau. Hai bên là rừng phi lao bát ngát, những biệt thự ẩn hiện đẹp như mơ. Lên hết dốc tới một vùng quang đãng... hòn Trống Mái với hai phiến đá đè lên nhau, gần đó bước lên ít bậc thang, đỉnh Belvédère có cái mái tròn xây xi măng, tôi leo lên đó đứng nhìn bao quát một vùng núi đồi, biển cả. Papa lấy tay chỉ ra khơi... xa tí ngoài kia là hòn Mê, phải đi theo mảng đánh cá đi lâu lắm mới tới được. Tôi ước gì được phăng phăng lướt sóng thám hiểm vùng xa xôi ấy, nhưng nay còn bé quá, biết đến bao giờ mới tới được hòn Mê!

Chơi chán rồi papa dẫn tôi tới gần một biệt thự cách đó không xa. Ngôi nhà này là của tây xây cất đã lâu mà hình như không có ai ở, mấy cửa ra vào đóng im ỉm. Chúng tôi ngồi xuống bậc thềm đá hoa mát dịu, lấy cơm nắm ra ăn dưới tàng cây xum xuê, gió lồng lộng thổi. No nê rồi papa châm thuốc hút lấy giấy ra viết văn, còn tôi thì chạy tung tăng hái hoa mọc len với cỏ rồi tựa lưng vào gốc thông già làm một giấc dài.

Trên đường về, những hôm nào viết được nhiều, papa vui vẻ nói chuyện luôn miệng, mua dừa tươi cho tôi uống, dẫn tôi đi len vào rừng chơi ú tim. Khi xuống tới vùng “Sầm Sơn le bas,” chúng tôi đi qua những biệt thự quen thuộc: Villa des Flamboyants, villa des Roses, villa Hương Ký, villa Ngọc Lan... tất cả đều như rộn ràng trong nắng chiều.

Về tới nhà đã mệt nhoài, bữa ăn sữa soạn xong, mẹ tôi sỏi cơm, dịu dàng lắng lặng nhìn hai cha con ăn ngon lành, mỉm nụ cười rạng rỡ.

### **Tây bắt papa rồi!**

Lần cuối cùng đi nghỉ mát ở Sầm Sơn, lúc trở về Hà Nội, tôi còn nhớ các đầu đường đã bắt đầu gắn những bảng nhỏ có mũi tên chỉ “Abri – Hàm trú ẩn.” Không khí như nghiêm trọng hẳn lên, nghe nói sắp có bom, ban đêm đèn phòng thủ thụ động chiếu lờ mờ ghê rợn. Đạo này papa ít khi có mặt ở nhà, từ Ngày Nay bị kiểm duyệt gắt gao, nhiều cột bỏ trống. Có lần đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, mẹ lo lắng thì thầm với tôi “Có thằng mặt thám con ạ, nó canh ngoài cửa.” Tôi không hiểu chuyện gì nhưng cảm thấy có một cái gì ghê gớm lắm sắp xảy tới!

Thế rồi sang hôm đó, khi tôi còn đang ngủ tôi bỗng choàng tỉnh dậy khi nghe tiếng khóc của mẹ tôi, chạy sang phòng ăn, thấy mẹ tôi đang gục đầu xuống bàn nức nở “Triệu ơi! Tây nó bắt papa rồi!” Tôi sửng sờ và không biết gì hơn là ngơ ngác nhìn mẹ tôi, muốn nói một lời mà sao chân cứ như chôn chặt xuống đất.

Mẹ tôi tiếp: “Con lên kêu cô Tú Thái, nói cô tới ngay!” Cô Thái là em ruột của mẹ tôi cũng ở phố Quan Thánh khúc gần cửa Bắc, cách tòa báo không xa. Tôi không hiểu sao mẹ lại cần gặp cô

Tú trong lúc này. Nhưng khi cô Tú tới trò chuyện một lúc, tôi thấy mẹ tôi không khóc nữa, hình như cơn đau buồn đã dịu đi phần nào. Tôi cũng đã hiểu vì sao mẹ tôi lại cần có người thân trong lúc này như vậy.

Ít ngày sau, tôi được theo mẹ vào thăm papa ở sở Liêm Phóng gần Đẩu Xảo. Tôi vác theo một bị đồ ăn tiếp tế cho papa, mẹ thì mang quần áo. Cửa phòng xích mở, một ông tây lai đưa papa ra nói một tràng tiếng tây. Tôi chưa hiểu ắt giáp gì thì papa đã kéo mẹ con tôi ngồi xuống cái băng gần đó dịu dàng nói: “Kệ nó, được phép 15 phút nhưng mình hơn cũng chẳng sao.” Mặc bộ pi-da-ma màu xanh đã nhàu nát nhưng dáng điệu không đến nỗi tiêu tụy lắm, papa tóm tắt kể cho biết chuyện từ ngày bị bắt: – Chú Long và chú Gia Trí bị trước, tây nó đánh đau lắm, những gì phải khai hai người đã nói hết papa vào sau cứ theo đó mà khai nên chỉ bị sơ sơ thôi. Tôi chợt rùng mình nghĩ tới cái cảnh đánh đập rợn ở sở mật thám mà tôi vẫn được nghe những người lớn kể lại.

Chỉ ba bốn tháng sau papa được chuyển lên trại An Trí tại Vụ Bản, vùng Nho Quan, Hòa Bình. Ngày ra đi, tôi không được đưa tiễn, nhưng nghe mẹ nghẹn ngào kể lại: papa bị mang còng sổ, còng tay lúc lên đường.

Lúc này, tòa báo vắng vẻ lắm, “cậu Hàng Bè” nghe nói đã trốn sang Tàu, chú Thạch Lam mới mất ở nhà cây liễu Yên Phụ, mẹ rầu rĩ suốt ngày, còn tôi nhìn vào phòng làm việc của papa thấy trống trơn, trong lòng thấy bùi ngùi làm sao!

Rồi ít lâu sau được phép của sở Liêm Phóng, tôi cùng mẹ, thím Long và Tường Ánh con trai thím lên Vụ Bản. Đường từ Nho Quan trở ra thật cheo leo, cảnh hoang sơ mà hùng vĩ, con đường đất đỏ dài hun hút, đến chiều mới tới nơi. Chúng tôi phải vào trú ngụ một đêm tại chủng viện, căn nhà do các bà sơ trông nom, hôm sau qua sông mới tới được trại trên đồi cao.

Papa hồi này da rám nắng, trông khỏe mạnh. Chúng tôi được phép vào một căn phòng, tự do nói chuyện nửa ngày trời. Được biết chú Long, chú Trí phải đẩy xe nước và vào rừng lấy củi, papa may mắn vì yếu đuối được phụ việc ở nhà thương, công việc nhẹ nhàng, mẹ tôi cũng yên chí phần nào. Papa cũng cho biết cái thằng tây trưởng đồn, người đảo corse, hồi đầu rất hách dịch, nay dần dần cũng bớt rồi, lâu lâu lại có anh em trẻ nghịch ngợm dám nhạo cả cái giọng nói nặng nề của hắn nữa.

Khi chúng tôi trở về, papa được phép tiễn đến bến đò. Qua sông nước chảy xiết, giòng sông mênh mông, tôi thấy lòng se lại khi thấy hình dáng papa nhỏ dần, nhỏ dần. Trời lúc ấy thật thấp... thật nặng nề!

### **Bà nội Cổ Am mất**

Bị an trí một năm, papa được tha về Hà Nội. Tuy vậy, cứ mỗi tháng papa lại phải đem một cuốn sổ bìa xanh (papa gọi là sổ đoạn trường) lên sở Liêm Phóng đóng dấu kiểm soát.

Tòa báo dạo này ít người lai vắng, “cậu Hàng Bè” vẫn biệt vô âm tín, chú Long Hoàng Đạo kẹt ở Vụ Bản, Bác Thế Lữ xoay sang diễn kịch, chú Trí vẫn mãi mê với tranh sơn mài trên đường Quần Ngựa... tờ Ngày Nay đóng cửa đã lâu. Papa thì trầm ngâm ít nói, loay hoay tỉa xén cây cảnh trên hòn non bộ nhỏ, đặt trong cái chậu sứ men tàu.

Rồi trong một buổi chiều cuối năm, trong lúc mọi người nhộn nhịp đón giao thừa thì bất chợt nhận được giấy thép báo tin bà nội ở Cổ Am bệnh nặng. Thế là cả nhà sáng mòng một tức tốc về quê. Gần trưa tàu hỏa tới Hải Dương, chuyển xe ca đi Ninh Giang qua Vĩnh Bảo về tới làng thì đã xế chiều. Bước vào nhà, chú Trần Tiêu chạy ra mếu máo nói bà đã nhập quan từ ngày 30. Mẹ òa khóc thảm thiết, papa lặng lẽ tới gần cổ áo quan, khẽ rờ tay lên làn gỗ vàng tâm, nói với tôi mà y như nói một mình:

“Thế là bà đã nằm đây rồi, con ạ!”

Vì bà mất vào dịp tết nên mùng sáu mới phát tang và tới ngoài rằm mới an táng. Trong thời gian này tôi sùng sính trong bộ áo trắng dài tay sột soạt màu hồ đi “thăm hiêm” khắp nơi cùng

vài chú em họ trong làng. Bây giờ tôi mới được rõ Cổ Am rộng lắm, chia làm bốn thôn: thôn Thượng, thôn Tràng, thôn Am và thôn Phần là chỗ nhà tôi ở. Khắp nơi, đâu đâu cũng thấy trồng thuốc lào xanh ngắt, nghe nói đến mùa hái thuốc cả làng nhộn nhịp vui lắm. Tôi còn được sang thăm mộ phần của ông nội tôi ngay sát bên nhà, xây toàn bằng đá đắp lên nhau như một trái núi nhỏ, bề cao để gần bằng căn nhà hai tầng, từ đỉnh trở xuống cây cỏ mọc um tùm chen lẫn những tượng nhỏ hình quái dị, xuyên vào lòng núi là nơi thờ tự, cảnh trí âm u, trầm hương tỏa ngát: kế bên mộ phần, một ngôi chùa nhỏ được ông tôi xây cất xưa kia... chùa Đông A nổi tiếng vì có một vị sư già nhiều pháp thuật, trụ trì. Tôi còn được biết thêm ông nội xưa làm tuần phủ Thái Bình có những năm bà tất cả, nên lúc mất đi con cháu đông đảo lắm. Bà nội tôi là cả sinh được bốn người con, trước hết là bác Trần Xuân làm Thương tá nhưng chẳng may mất sớm, rồi đến papa, kế đó là chú Trần Tiêu và cuối cùng là cô Ngọc. Riêng bà thứ năm chỉ sinh được một cô con gái được ông nội tôi quý nhất cho rất nhiều của cải nhà cửa ở Ninh Giang, Hà Nội. Bà tôi tuy là cả nhưng lạnh lắm, không ham thích những nơi quan quyền chỉ an nhàn sống nơi quê làng nên ai cũng mến thương.

Thấm thoát cũng đã gần đến ngày an táng, trước nhà dựng rạp lớn, cỗ bàn ăn uống linh đình theo tục lệ. Các chú, các cô ở xa cũng dần dần về đông đủ. Tôi còn nhớ bà Năm cũng từ Ninh Giang về chịu tang, bà khóc to lắm, có vẻ như rất lấy làm đau xót, làm tôi ngạc nhiên hỏi papa: “Bà có khóc thật không papa, bà không ưa bà mình cơ mà?” Yên lặng một lúc papa mới khẽ nói với tôi “Bà khóc thật đó con ạ! Bà mình lúc sống hiền lành quá có làm hại ai đâu, chắc bây giờ bà Ninh Giang đã thương bà Cổ Am rồi con ạ!”

Rồi đám tang nhộn nhịp linh đình diễn ra, cỗ áo quan được đưa lên kiệu sơn son thiếp vàng được đưa từ nhà đi vòng mấy thôn trong làng rồi mới trở về hạ huyệt cạnh mộ ông tôi ngay kế bên nhà. Sau thời gian này papa còn ở lại Cổ Am vài tuần, lâu lâu sang chùa Đông A niệm Phật cầu siêu cho bà. tay gõ mõ, nhịp chuông đều đặn, papa tụng kinh tiếng trong và ấm, tay lần giở những trang kinh Phật bằng chữ Hán, hương trầm tỏa ngát, không khí dịu dàng hiền hòa.

### **Biến cố dồn dập**

Tôi trở về Hà Nội và tiếp tục đi học cho tới ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, súng nổ vang trời, cả nhà phải chui xuống buồng kho gài cầu thang để tránh đạn cả đêm. Sáng hôm sau nhìn ra ngoài hai ba xác chết nằm bên kia đường ngay trước hiệu Hạp Ký, ghê quá! Rồi truyền đơn của Nhật trải xuống Hà Nội... Việt Nam độc lập... Toàn quyền Đại Nhật Bản thay toàn quyền Đờ-cu... người ta bắt đầu chết đói như rạ. Khẩu phần ăn nhà tôi bị hạn chế, cơm bữa nào cũng hôi sặc sụa mùi bao tải, lại còn phải dành một phần đưa cho đoàn khát thực cứu đói. Có lần đi qua chợ Đồng Xuân, papa mua cho tôi một bắp ngô nướng nóng hổi, đang lấy tay lăn lăn sửa soạn ăn, thì một bàn tay gầy guộc giật mạnh lấy, ức quá tôi định chạy theo nhưng papa giữ lại, lắc đầu buồn rầu nói: “Thôi con, người ta đói quá, khổ quá rồi!” Hần học, tôi đi theo papa, từ đó cho tới lúc về nhà, tôi không thấy ông cụ nói thêm một lời nào nữa.

Đạo ấy papa cũng rất bận rộn, hết lo cho tờ Bình Minh lại tới tờ Ngày Nay kỷ nguyên mới. Tuy vậy những ngày yên ổn vì khỏi lo mật thám Tây bắt bớ không kéo dài được lâu. Một hôm đi học về... nhà thấy vắng vẻ quá, me đáng điệu bí mật kéo tôi lại gần nói nhỏ “Papa lánh mặt rồi, ai có hỏi nói về quê ít ngày.” Chúng tôi sống trong hồi hộp... rồi vào một buổi sáng Hiến binh Nhật ủa tới khám xét tòa báo, bao nhiêu sách trong nhà kho bị lục tung nhưng hình như không kiếm được gì khả nghi, chúng bỏ đi... Hú hồn!

Rồi Nhật đầu hàng, Việt Minh cướp chính quyền, Quốc dân đảng đóng ở tòa báo, tờ Việt Nam ra đời, Việt Quốc, Việt Cách chống Việt Minh, Pháp lăm le trở lại, chính phủ liên hiệp thành lập. Lúc này papa viết cho tờ *Việt Nam*, tờ *Chính Nghĩa* và lâu lâu luôn cả tờ *Thiết Thực* nữa.

Tiếp đó Hiệp định sơ bộ 6-3 ra đời, Pháp đổ bộ Hải Phòng... Hội nghị Đà Lạt tan vỡ. “Cậu Hàng Bè” từ chức bộ trưởng rồi sang Tàu lẩn nấp... Các trụ sở Việt Quốc lần lượt bị tảo thanh.

Công an xung phong đột nhập tòa báo lục soát, bắt bớ. Các đảng viên cao cấp như bác Hề, bác Đóa, Trí, Dị... bị đem đi biệt tích. Tờ *Việt Nam* đình bản... Tòa báo ngoài papa chỉ còn lèo tèo vài đồng chí lai vãng: anh Bằng, Kính, anh Cống, bác Thắng...

Rồi tình hình giữa Việt và Pháp ngày càng căng thẳng, tự vệ thành xung đột với lính Pháp, hầm hố đào khắp nơi, dân chúng lũ lượt tản cư. Bất chợt một buổi sáng, Pháp tung quân tảo thanh Hàng Bún, xông vào tòa báo, bắt hết mọi người ra sân lục soát. Sau đó, với dáng điệu đảng đảng sát khí chúng áp giải, kẻ thì đi bộ, người bị lừa lên xe GMC chạy thẳng vào thành, giam trong những sà lim hôi hám. Súng nổ cả đêm, tôi bị giam chung với một số anh em thợ nhà in và lẫn lộn cả với mấy ông bà già cư ngụ cùng phố. Hoang mang không biết số phận papa, me và các bác, các chú trong tòa soạn ra sao!

Sáng hôm sau may nhờ ủy ban Liêm Kiểm can thiệp mọi người được tha. Gặp lại papa, me mừng quá sức, hàn huyên đủ chuyện. Thấy tình thế không thể ở lại Hà Nội, papa quyết định tản cư về quê ngoại. Ngay chiều hôm sau chúng tôi xuống phà đen lên tàu thủy xuôi Nam Định. Hôm ấy là ngày 19-12-1946.

### **Papa bị Việt Minh bắt**

Tàu chạy được ít lâu thì thấy rục rủa phía Hà Nội, mọi người xôn xao bàn tán, chắc là đánh nhau to rồi! Mờ sáng hôm sau tàu giạt vào bờ bến Mễ vì sợ tàu bay bắn phá. Chúng tôi phải tạm ngụ ở làng ven sông rồi sau thuê xe tay đi về quê.

Hai ngày sau mới về tới Dịch Diệp, quê me tôi, cách tỉnh lỵ Nam Định chừng 20 cây số, một làng rất trù phú, nhà gạch san sát, tiếng khung cửa dật khấn mặt lách cách khắp nơi. Sắc mặt papa có vẻ vui hơn, không còn đăm chiêu như mấy ngày ở Hà Nội nữa. Thoát được thẳng Tây là đỡ rồi, từ nay cũng tạm yên.

Vài hôm sau, một chiều hai thanh niên mặt lạ tới “mời” papa lên huyện. Cả nhà thất sắc nhưng papa chỉ vào cái phù hiệu của Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam do chính tay Trần Huy Liệu tặng còn gắn ở ve áo, bình tĩnh nói “Chắc không có chuyện gì đâu, để tôi đi xem sao, bây giờ kháng Pháp là lúc cần đoàn kết, đâu có chuyện bắt bớ bậy bạ!”

Băng đi vài ngày không thấy tăm hơi gì, me tôi cho người đi dò la tin tức trên huyện Trực Ninh thì được biết papa đã bị giam và sắp bị giải đi nơi khác. Tôi cùng một người nhà vợ lên Cổ Lễ rồi đi dọc theo đường cái tới huyện. May mắn thay trên đường đi lại gặp một đám người lẫn lộn trong đó hình như có papa. Anh người nhà kêu lớn:

“Ông Tú!”

Đúng papa tôi rồi, tôi chạy vội lên:

“Papa, con đây!”.

Khuôn mặt vỡ vàng, mắt như sâu lại dưới gò má, tôi để ý, trên ve áo cái phù hiệu của Trần Huy Liệu tặng ngày nào không còn nữa!

Papa dừng chân lại: “Triệu, con về đi. Me con cuốc đất trồng rau sống qua ngày. Papa đi lần này không biết ra sao!”

Tôi run lẩy bẩy nắm lấy cánh tay gầy guộc của papa, nhưng một thanh niên, ý chừng là công an sẵn giọng: “Đi ngay, đường còn xa!”... Tôi lặng người nhìn theo bóng papa xa dần rồi khuất hẳn sau những ụ đất phá hoại trên đường liên tỉnh.

Trở về nhà báo tin, cả nhà bồn chồn lo lắng. Tình hình chiến sự lan rộng, tàu chiến Pháp đi dọc theo sông Hồng bắn phá làng mạc hai bên bờ đê, tàu bay bà già vùn vùn lâu lâu lại tuôn ra một loạt đạn vu vơ. Trong thời gian này, me cho người đi dò la khắp nơi tìm tin tức papa, lại viết rất nhiều đơn lên ủy ban Hành kháng tỉnh để xin cứu xét. Nhưng tất cả đều như chìm sâu trong sương mù vô vọng.



Rồi tết Đinh Hợi qua đi trong chán nản, kinh hoàng. Sau tết một thời gian tàu Pháp chạy dọc theo sông Hồng bắn phá dữ dội, trong làng đang rục rịch tản cư thì bắt chợt, papa trở về. Một công an mang phù hiệu “Công an Thành Nam Định” hẳn hoi đi kèm.

Trong lúc chờ nhà sửa soạn bữa cơm papa cho biết: “Bị bắt lên Trục Ninh, sau giải sang Lạc Quần, bị giam ở đó sợ lắm vì mỗi lần báo động oanh tạc chúng chạy hết còn tù thì xích chân lại cho trong đồn, cố ý mượn tay thằng Tây giết mình. Có lần tàu bay bắn phá may mà không sao. Hôm nay có lệnh giải đi nơi khác vì vùng này mất an ninh, nhưng không biết đi đâu.” Rồi papa hạ giọng: “Hôm trước nó hỏi về thằng Triệu con anh Tam, tôi có khai là nuôi nó từ bé, nó không biết anh Tam là ai cả.”

Trong lúc papa ngồi ăn vội vã, tên công an vẫn lảo đảo ngoài hiên lừ lừ nhìn mọi người. Thấy mẹ khóc nức nở hẳn đến gần nói mấy câu: “Cứ yên tâm, sẽ có ngày về, chính sách chính phủ bao giờ cũng đại đoàn kết để kháng Pháp.”

Ăn xong lên đường, tên Công An còn ngoảnh lại nói như máy:

“Đến nơi sẽ có tin về nhà ngay, không sao cả, cứ yên tâm!”

Khi papa ra đã tới gần đầu ngõ, mẹ tôi chợt nhớ vội gói mấy quả cam đường vào tờ kinh cứu khổ rồi bảo tôi: “Con chạy theo đưa papa mau lên, nói papa nhớ tụng kinh luôn, lạy trời phật cho tai qua nạn khỏi.”

Tôi chạy theo đưa papa nói vội:

“Cam đường papa nhớ ăn, kinh cứu khổ papa nhớ tụng!”

Tôi đi theo đến đầu làng, dáng papa thất thểu vác tay nải mệt nhọc đi trước, tên công an vạm vỡ đi theo sau. Đi mãi, đi mãi rồi khuất hẳn sau dãy tre, chắc là đi về phía sông Hồng xa lắc đằng kia.

Tôi bàng hoàng trở về nhà, miệng còn lẩm bẩm:

“Tôi nghiệp, không biết papa mình có nhớ ăn cam đường và tụng kinh cứu khổ không?”

...

Từ cái ngày đó về sau, tôi không còn được gặp lại “papa tòa báo” nữa.

\*\*\*

### Phụ đính :



### Đào mơ

Thời ấy, ở một huyện lỵ buồn tẻ, tôi sống như bị chôn giữa bốn bức hàng rào dày, qua đó tôi trông ra đồng rộng mênh mông như qua then lồng, con chim non nhìn quãng trời xanh lá biếc. Rất ngắn ngủi những giờ giải trí của tôi, sau những giờ học dài đằng đẵng.

Ngày nay đã có lần tôi trở về thăm nơi kỷ niệm cũ. Tôi thấy nó nhỏ hẹp quá. Thời xưa đối với tôi, nó rộng như một thế giới. Cái hồ sen mà cặp giò nhỏ xíu của tôi không mấy khi chạy nổi

một vòng, bây giờ tôi thấy chỉ như cái bể nước đựng núi non bộ, tròn trĩnh, nhẵn nhụi, hàng giậu dâm bụt vây chung quanh cắt xén bằng chần chặn. Hai cái nhà tây - tây là vì nó có hiên, có trần và có nền cao - đứng đối nhau hai bên công đường, tôi thấy giống như thứ đồ chơi trẻ con. Trong một nếp nhà ấy, tôi đã sống bao ngày bằng phẳng, đều đều, với quyển sách chữ nho, với cái bút lông tô đậm nét son của một ông thầy học nghiêm khắc; với những buổi chiều hè vang động tiếng sáo diều trên không, và, trong yên lặng hoàn toàn, với những buổi trưa chán nản kéo dài tiếng cút kít giống một cửa chiếc xe lộn trên con đường thiên lý.

Trong cái thế giới buồn tẻ ấy, thỉnh thoảng một bọn hát chèo lại đem đến cho mấy anh em chúng tôi một ít màu tươi của sự thay đổi: một hai tối, có khi luôn một tuần lễ, cái sân huyện trở nên một nơi hội hè om xòm, tiếng cười của dân phố huyện đến xem chen với giọng ca của cô đào, tiếng thét của ông tướng mặt xanh mặt đỏ, câu pha trò của vai hề quê mùa vừa nhạt nhẽo vừa tục tằn.

Rồi gánh hát từ giã ra đi, cái huyện nhỏ lại rơi vào trong yên lặng buồn tẻ.

Phần nhiều những phường chèo ấy, tôi còn nhớ tên phường "Kha lý", phường "Quốc nhơn", phường "Quốc con". Nhưng cái phường, khi ra đi làm cho tôi ngao ngán, khổ sở nhất, thì tôi lại không biết tên là gì. Chừng vì đó cũng là một bọn hát tầm thường. Tôi chỉ theo ông thầy học tôi và những người lớn mà gọi là phường Mơ, vì trong số ba cô đào, một cô tên là Mơ.

Mơ là một cô gái quê chừng mười tám tuổi. Thân hình uyển chuyển của Mơ càng uyển chuyển khi Mơ đóng những vai đào lẳng như Vân Đại, Thị Màu hay Vợ quý. Và mặt trái xoan đều đặn của Mơ dưới lớp phấn chèo trông lộng lẫy như trong bức tranh tiên. Hoạt động nhất là hai con mắt đen láy của Mơ, hai con mắt bao giờ cũng cười trước khi cặp môi hé mở hàm răng hạt huyền.

Năm năm, cứ sang xuân, trong thời còn nghỉ học, tôi lại mong nhớ Mơ, sự mong nhớ âm thầm, buồn bã của một tâm hồn ngây thơ. Quả nhiên, trong hai tháng sau tết, các phường chèo kế tiếp nhau đến, tựa bầy chim én trở về cùng với những ngày quang đặng, ấm áp, vui tươi.

Tim tôi hồi hộp khi tôi thấy những gánh hò vuông sơn đen, sơn đỏ qua cổng huyện, tiến vào trong sân. Và tôi thất vọng nếu phường xin hát không phải là phường Mơ. Nay nhớ lại, tôi còn cảm thấy sự thất vọng của tôi mệnh mang không biết đến đâu tuy chỉ là một sự thất vọng trong phút chốc. Rồi tiếng trống chèo rung đồ hồi lại đem vui cười vào lòng tôi ngay.

Nhưng thế nào, sớm muộn, phường Mơ cũng đến, ít ra mỗi năm một lần, trong mùa xuân. Gặp Mơ, tôi cảm động nghẹn ngào ngây người đứng nhìn. Mơ cũng yêu tôi lắm. Nàng chạy vội đến bế bồng tôi lên mà hôn chùn chụt ở hai bên má tôi, khiến tôi sung sướng nóng bừng cả mặt.

Rồi nàng thỏ thẻ bảo tôi:

- Cậu lên xin phép thầy cho chúng tôi hát nhé?

Tôi cho câu ấy là thừa, vì cũng như tôi, những người lớn đều thích phường Mơ cả, bắt đầu từ thầy học của tôi. Chỉ trông cánh tay ông giơ cao roi chầu, ra sức vụt mạnh vào tang trống, khi Mơ múa hát, cũng đủ biết ông yêu Mơ đến bậc nào. Lúc không cầm chầu thì ông trở mắt nhìn Mơ, và lớn tiếng thốt những câu bình phẩm sỗ sàng để chòng ghẹo Mơ, làm cho Mơ phải mỉm cười dù lúc Mơ đóng vai pho tượng như tượng đức Phật Quan Âm.

Rồi sau một, hai hay ba hôm, Mơ lại theo phường bạn rời đi nơi khác. Chẳng bao giờ tôi cảm thấy tôi trở trời bằng lúc ấy. Tôi ngờ ngẩn như người mất linh hồn. Anh tôi thấy thế cười, bảo tôi:

- Dễ Linh nó ốm tương tự cái Mơ đấy.

Tôi xấu hổ, cười gượng, rồi trốn vào xó tối đứng sụt sùi khóc.

\*\*\*

Từ khi ra tỉnh theo học chữ Pháp, không một lần nào tôi gặp Mơ nữa. Nhưng mỗi năm, sau những ngày rét mướt, gió ấm mùa xuân lại thổi vào tâm hồn tôi sự mong ước nhớ nhung không cố rề. Phải chăng đó là vết tích mối tình thơ ấu của những ngày sống giữa sự lạnh lẽo nặng nề?

Cách độ hơn mười năm, một hôm tôi gặp một người kếp hát trong một rạp chèo ở một tỉnh nhỏ. Người ấy nhận được tôi, nói vì tôi không thay đổi mấy. Kỳ thực, người ấy đã hỏi dò lai lịch tôi. Khi biết bác kếp trước cùng ở một phường với Mơ, tôi vội vàng hỏi thăm tin tức cô đào hát. Bác ta cười bảo tôi:

- Chị ấy nay đi cầu bơ cầu bắt hát chẳng rõ ở đâu.

Rồi kể cho tôi nghe cái đời khổ sở của Mơ, Mơ lấy lẽ một ông chủ đồn điền. Vợ cả ghen, ông này đưa Mơ về Hà Nội thuê nhà cho ở. Nàng đã sinh được một trai. Một tối ông ta cùng Mơ đi xem chèo. Mơ nhớ đến nghề xưa liền bỏ chồng con xin nhập bọn rạp hát. Chẳng bao lâu Mơ được chủ rạp yêu quý. Nhưng Mơ đã "quen nét hư" chẳng giữ tình chuyên nhất với một ai, nay đi với người này, mai ở với người khác. Nhất Mơ lại phóng đảng thái quá nên mất cả giọng, tàn cả nhan sắc.

Tôi hỏi:

- Mơ hát không còn hay như xưa nữa?

Anh kếp ngoác cái miệng rộng ra cười:

- Ầy, ông cũng còn nhớ đấy: chị Mơ hát hay lắm, có lẽ hay nhất "Bắc cò". Mà chị ấy cũng đẹp hơn hết các cô đào hát "Bắc cò".

- Thế bây giờ chị ấy đâu?

- Bây giờ chị ấy bệ rạc, đói rách lắm, ông ạ, cùng người chồng mù đi lang thang khắp đó đây hát gõ kiếm ăn.

Tôi kinh ngạc:

- Chị ấy lấy sẫm?

Người kếp buồn rầu:

- Thưa ông cũng không hẳn là sẫm.

Rồi đột ngột hỏi tôi:

- Ông có nhớ anh Thiếp không nhỉ?

Tôi ngấm nghĩ đáp:

- Không.

- Vâng, ông nhớ sao được, ngày ấy ông mới lên bảy, lên tám. Anh Thiếp trước ở cùng phường với chị Mơ, với tôi. Anh ấy có tài thổi sáo, kéo nhị. Ấy, chị Mơ đã một dạo mê anh ta về tiếng sáo réo rất.

Người kếp ngừng lại một giây rồi lắc lư cái đầu búi tóc, đọc hai câu Kiều:

Rõ thực:

*Có tài mà cậy chi tài.*

*Chữ tài liền với chữ tai một vần.*

Và kết luận:

- Ông coi, chẳng qua là duyên số cả, ngày xưa chị ấy đẹp thế, tưởng làm nên bà nọ bà kia, ai ngờ...

Tôi buồn rầu ngắt lời:

- Thì chị ấy chả làm nên bà chủ đồn điền trong một năm là gì!

Bác kếp thở dài:

- Thưa ông, giá cứ ở hẳn với ông chủ đồn điền thì nay cũng chả đến nỗi.

Bác ta cười sằng sặc nói tiếp như khi pha trò hề trên sân khấu:

- Giá ngày xưa mà ông đã lớn tuổi như bây giờ thì dễ thường ông cũng say mê chị ấy, đấy nhỉ?

Tôi nóng cả mặt và sợ người kếp hát nhận thấy bên lên, tôi đánh trống lảng cười theo đáp lại:

- Hẳn thế, chứ lì!

\*\*\*

Từ đó mỗi lần xuống phà hay qua hè phố, gặp một cặp vợ chồng, chồng kéo nhị vợ hát chèo, tôi lại tưởng nhận được tiếng Mơ. Và tôi miên man nghĩ đến những con chim sơn ca cùng mùa xuân, đem cái vui tới nơi thôn dã.

Và buồn rầu tôi thấy hiện ra trong ký ức hình ảnh một cô gái quê xinh đẹp, hình ảnh vai Vân Đại lăng lờ, vai Thị Mầu nhí nhảnh, ái tình của cái tuổi thơ lạnh lùng trở lại.

*Rút từ tập truyện ngắn Đợi chờ  
Nxb Đồi nay, Hà nội, 1940.*

## Té Thành hoàng

Người ta đồn ông thành hoàng làng Tiên thiêng lắm. Mỗi lần rước ngài là một lần vất vả khổ sở cho dân ngài: nào ngài bay, nào ngài lùi, nào ngài quay, có khi ngài lại đứng ì ra nữa. Các quan viên tha hồ xuýt xoa van lạy, khẩn khứa ngài đủ các câu, ngài vẫn làm ngơ như không nghe thấy gì hết. Những lúc ấy nếu không đốt một tràng pháo thật dài để mừng ngài, thì khó lòng ngài chịu đi cho.

Thế mà năm nào ra giêng vào đám, vẫn hai lượt dân làng Tiên phải rước ngài, một lượt từ miếu ra đình để ngài chứng kiến việc hội họp ăn uống, và một lượt từ đình trở về miếu để ngài an nghỉ. Khó khăn nhất, mệt nhọc nhất cho bọn khiêng kiệu là quãng đường qua đình Tràng. Ngài nô giỡn, ngài chạy cuồng, ngài nhảy cẫng như vui thích khoái trá về một điều gì. Người ta nói vì đức thánh đình Tràng là một vị nữ thần mà ngài nghịch ngợm thích trêu ghẹo chơi. Dân làng Tiên cũng không ai phàn nàn về cái thiêng của ngài. Trái lại, người ta còn lấy làm hãnh diện được thờ một vị thần mà khắp vùng đều kính sợ. Không phải sợ bóng sợ vía, nhưng sợ những sự tác oai hiển hiện trước mắt. Một lần, một đứa trẻ chần trâu trèo lên cây muỗm trước miếu, đã bị ngài quật ngã chết tươi. Lại một lần một con bé bé em đi xem rước giờ tay chỉ trở kiệu ngài, bị ngài hành cho một trận ốm thập tử nhất sinh.

Người ta đua nhau thuật những phép thiêng của ngài. Câu chuyện mà người ta hay kể nhất, kể với một giọng rụt rè, kinh hãi, là câu chuyện ông tiên chỉ đương đứng đại bái tế ngài, bị ngài phạt ngã gục xuống bất tỉnh. Người thì bảo vì ông tiên chỉ vô ý hôm trước đã ăn mấy miếng thịt "cây". Người thì bảo đồ lễ sấm không được tinh khiết. Có người lại quả quyết rằng vì ông tiên chỉ đã đem rượu ty lên dâng ngài, nên ngài hành phạt cho tỉnh ngộ để từ rầy phải dùng rượu ngang vào việc cúng tế.

Nhưng đó toàn là những lời phỏng đoán. Và đều không đúng sự thực. Vì sự thực tôi đã được chính ông tiên chỉ đại bái thuật cho nghe, trong một tiệc rượu. Cố nhiên ông ta say khướt. Không say để ai đã dám bắt kính đối với một ông thần, một ông thần linh nữa. Vì đây chính là một câu chuyện bất kính. Với lại cũng tại mấy chị đầu quê: các chị ấy có duyên quá! Và bỗng đùa và nhí nhảnh nói tục luôn miệng khiến ông tiên chỉ cũng vui câu chuyện, không kịp nghĩ ngợi suy tính kỹ càng. Trong một bàn tiệc có gái, thì điều gì mà người ta không kể, quý hồ gọi được tiếng cười của cử tọa, nhất là của gái.

Hôm ấy đã khuya, có lẽ quá nửa đêm. Chúng tôi đánh tổ tôm ở nhà ông chánh Bá làng Cầm. Trong số năm chân có ông tiên chỉ làng Tiên.

Bổng chủ nhân cao hứng cho gọi "nhà trò".

Gặp mùa các đình vào đám, làng Cầm có tới ngót chục cô đầu quê. Và lúc ấy hát hầu thánh đã xong, các cô rỗi, tìm hảnh thế nào cũng đến ngay.

Quả nhiên chỉ mười lăm phút sau, đã dẫn đến hai cô, y phục nửa tỉnh nửa quê, cái áo lụa trắng kiểu mới che gần kín cái quần lĩnh thâm. Một cô lại có cả mái tóc vấn trần làm nổi hảnh cái mặt tuy hơi khô nhưng rất cân đối dễ thương. Đứng bên hai cô, anh kép, mắt ngái ngủ, hai tay ôm đàn, mồm há hoác ngáp lấy ngáp để.

Chủ nhân nhờ người cầm bài để xuống nhà giục đồ nhắm và cháo gà. Nhưng một ông khách có nhã ý xin tan cuộc tổ tôm, tiền góp còn bao nhiêu sẽ chi tất cả cho cô đầu. Tôi nhìn đồng hào trong khay và đếm nhẩm: có lẽ tới được ngoài ba đồng. Đối với cô đầu quê, chi như thế cũng đã hậu.

Tiếng trống, tiếng đàn chen tiếng phách. Hết bắc phách sang thét nhạc, hát nói. Rồi mâm rượu bưng lên.

Đến tỳ bà thì ai nấy đã chũnh choáng men, tiếng nói che lấp tiếng ca. Một người chừng cấp hát cô đầu tỉnh, ép chị Tửu hãm nhà báo một câu.

Chuyện bắt đầu nồng nàn, và số sàng, và tục tĩu. Quan viên nói tục, cô đầu nói tục. Họ quanh quẩn, vui thú trong những ý tưởng dâm đãng. Hết chuyện người, họ nói đến chuyện thần, chuyện dâm thần.

Tôi chợt nhớ tới ông thần thiêng làng Tiên. Và tôi hỏi ông tiên chỉ:

- Nghe nói đức thánh xã nhà thiêng lắm, phải không?

Gặp lúc tỉnh, chào ông chỉ - tiếng gọi tắt chức tiên chỉ - đã trở trẻ ca tụng "đức thánh". Nhưng hiện ông ta say, say túy lúy càn khôn, nên chẳng kịp giữ gìn nữa, buột miệng đáp liền:

- Vâng, ngài thiêng lắm. Nhưng bảo ngài thiêng mà quật tôi ngã giữa lúc tôi đứng đại bái thì ...

Ông chỉ chưa nói dứt câu đã cười thét lên, vừa cười vừa đập tay đôm đốp xuống đùi chị Tửu ngồi kề bên. Tửu nhích lùi ra nói:

- Dễ thường thánh ộp vào ông hay sao mà ông hành em thế?

Ông chỉ cười càng to:

- ừ, thần nhập vào ta rồi đấy.

Tôi tò mò nhìn ông ta và thấy ông ta đổi khác hẳn. Mọi khi ông ta hiền lành, lù đù nữa, thế mà lúc này mắt ông ta long lanh sáng, miệng ông ta cười rất có duyên. Ông ta bứt cái khăn xếp vứt ra giường - vì chúng tôi phải uống rượu ở sàn gác, - để lộ cái trán cao và bóng, cái trán có vẻ thông minh lắm.

Và tôi đoán chừng có nhiều điều hay hay trong câu chuyện tế thần. Cố giữ nghiêm trang, tôi hỏi:

- Vậy ra không phải thánh ngài phạt ông?

Ông chỉ vẫn cười:

- Khô ... ông!

Tửu láu lĩnh tiếp luôn:

- Lại còn không. Hôm ấy em cũng có đấy, em trông thấy cả, em còn lạ gì. Đây này...

Ông chỉ cãi:

- Không phải... thực ra...

Nhưng một người gạt phắt:

- Thì hãy để chị Tửu nói đã nào. Chị trông thấy những gì, chị Tửu?

Tửu kể:

- Lúc ấy dẫn rượu. Em với chị Miện bắt bài. Em thấy ông chỉ đứng đại bái bống khom khom cong người lại, rồi đến lúc xướng "tựa vị" thì ông chỉ ngã vật ra bất tỉnh nhân sự. Thế mà còn bảo không phải ngài phạt.

Mọi người cười om. Ông chỉ ung dung đáp:

- Thế mà không phải ngài phạt, mới chết chứ. Vì tại sao ngài lại phạt tôi? ừ, tôi hãy hỏi chị, tại sao ngài lại phạt tôi? Hay trước khi vào tế tôi có nghịch ngợm chị nên... ւế tạp...

Tửu cũng chẳng vừa, nhí nhảnh:

- Chính thế!

Tiếng cười càng vui. Tôi nóng nảy muốn biết ngay câu chuyện, liền chêm:

- Nếu không phải đức thánh phạt, thì xin ông cho biết sự thực.

- Vâng, và tôi xin kể có đầu có đuôi cho câu chuyện thêm.. hứng thú...

Nói chuyện có đầu có đuôi vẫn là một đức tính của các ông kỳ lý. Tôi biết có ông kể đến đoạn hay còn ngừng lại, thông thả châm đóm hút thuốc để người nghe phải đợi một lúc lâu. Và tôi háp tấp hỏi đón trước để chóng được biết kết cục:

- Chừng ông ngộ cảm ngất đi chứ gì?

- Không, nếu ngộ cảm ngất đi đã chẳng có chuyện. Đàng này không ngộ cảm ngộ kiếc gì cả cơ chứ!

Rồi ông chỉ kể luôn:

- Năm ấy tôi đại bá. Tôi còn nhớ ông hương Bích với ông khán Nhuệ đứng bồi tể. Tôi sốt ruột nghĩ thầm: "Không biết những ông bồi tể ấy có liên can gì đến câu chuyện "thánh phạt", mà phải dềnh dàng liệt tên. Không khéo ông ta sẽ lôi ra một tràng quan viên cho mà xem". Quả nhiên, ông chỉ kê khai đủ cả, nào ông đọc chúc, các ông thông xướng, các ông chước tửu. Rồi tiếp:

- Tới tuần rượu thứ hai, tôi thấy... thế nào ấy ở ngang thắt lưng, như tự nhiên bụng thóp lại, dẹp lại, làm cho cặp quần rộng ra không sát liền với da bụng nữa. Tôi kinh hoảng đứng im, không nhúc nhích, vì tôi mang máng sợ...

Ông chỉ dừng lại để cười. Tửu tò mò hỏi:

- Ông mang máng sợ cái gì?

- Sợ tụt nút buộc cặp quần.

Tiếng cười lại âm ỉ, và ai nấy nhao nhao lên hỏi:

- Thế có tụt thật không?

- Lại chả thật!

Rồi chờ cho im lặng trở lại, ông ta kể tiếp:

- Tôi vẫn hy vọng rằng tôi tưởng nhầm. Nhưng mắt tôi cũng rời cái hốt để nhìn qua xuống hia. Thì ... chết chửa! Hai ống quần đã lủng thủng cộn lại ở phía dưới. Tôi lo lắng, sợ hãi, run lên, và giờ tuy rét mà mồ hôi tôi toát ra ướt cả áo lót. Tôi nghĩ ngợi tìm mưu kế. Chẳng nhẽ cho hai tay vào trong áo xốc quần lên để buộc lại cặp! Làm như thế còn gì là thể thống? Mà nếu bị lảng bắt lỗi thì còn gì là thể diện ông tiên chỉ đại bá. Tôi càng luống cuống khi thấy ông Nghệ, ông Khôi dẫn rượu vào hậu cung đã trở ra, và ông Thuận sắp xướng: "tựa vị" để mình đi vòng mép chiếu về đứng chỗ cũ. Làm thế nào bây giờ? Mình chỉ biết hai đùi, hai gối khếp chặt lại nhau cho cái quần khỏi tụt hẳn. Nhưng lúc đi thì còn khếp làm sao? Chẳng nhẽ nhảy hai chân mà đi...

Cử tọa lắng tai chú ý nghe, đến đây như không giữ được nữa, ai nấy vỗ tay, vỗ đùi cười ngất. Nhưng ông chỉ vẫn thần nhiên kể tiếp:

- Đầu tôi nóng bừng. Mồ hôi trán chảy từng giọt xuống chiếu. Vài giây nữa, chỉ vài giây nữa nếu không quả quyết, nếu không nghĩ ra mưu gì thì thực... mất hết danh giá. Hai tay tôi mấy lần định thò vào trong bọc, rồi lại ngập ngừng thôi, như có người giữ ghì lại không cho làm cái việc bất kính...

Tiếng cười lại nổi. Một người nói:

- Ngài giữ tay ông đấy.

- Thế về sau ông làm thế nào? Đành buộc lại cặp quần chứ?

- Khô... ông. Nếu buộc lại thì đã không có chuyện... Lúc bấy giờ óc tôi rối loạn. Như có trăm nghìn tiếng xui giục bên tai... Bỗng tôi mê man tưởng thoáng nghe thấy câu thì thầm: "giả tảng ngất đi!" Thế là tôi ngồi ngay xuống rồi ngã vật ra, mồm ú ớ kêu... tôi cũng chả nhớ là đã kêu những gì...

Cái gác hẹp của ông chánh Bá vang lên những tiếng cười thét và những tiếng giậm chân vỗ tay.

*Xuân 1939*

*Rút từ tập truyện ngắn Cái Ve.*

*Nxb Đồi nay, 1944.*

## Điên

Tôi đổi về Thái Bình đã hơn hai năm, mà chưa có dịp nào trở lại thăm nơi làm việc cũ. Lễ Phục sinh mới rồi, nhân được nghỉ bắc cầu thêm một ngày, tôi lên chơi Hà Nội, tình cờ gặp anh Thanh, người bạn trước cùng làm buồng giấy với tôi ở Vĩnh Yên. Anh em mừng ôn lại chuyện cũ, những cuộc chơi xưa.

Hỏi thăm những người quen biết, khi tôi nhắc đến tên anh Mã, anh tham Mã, thì bạn thờ dài bảo tôi:

- Tội nghiệp! Nó điên đã sáu tháng nay.

Tôi kinh ngạc:

- Điên? Anh Mã điên?

Bạn tôi vẫn điềm tĩnh, nói tiếp:

- Từ ngày người bạn thân của anh ấy chết đi và anh ấy định tự tử chết theo không được là bệnh điên phát ra liền. Hình như vì trông thấy máu chảy, nên anh ấy bị một định kiến ám ảnh: anh ấy mơ màng thấy mình đã giết bạn, gặp ai cũng kể việc ám sát tưởng tượng một cách rất có thứ tự, nghe như thực vậy. May mà người ta biết anh ấy điên, nếu không có lẽ anh ấy ngồi tù.

Tôi sửng sốt hỏi:

- Là nhĩ? Nhưng người chết là ai thế?

- Anh Hùng. Anh Hùng chủ đồn điền mà chúng mình đã cùng anh Mã về chơi mấy lần, anh có nhớ không?

- Tôi nhớ lắm, tôi nhớ cái tính tình hào phóng của anh Hùng; nhớ cả người vợ rất đẹp của anh, một thiếu phụ trẻ tuổi, có học vấn, có nền giáo dục thức thời.

Nghe bạn nhắc đến tên Hùng; thốt nhiên tôi thấy hiện ngay ra hình ảnh tươi cười và dáng điệu nhanh nhẹn của người đàn bà ấy. Tôi hỏi:

- Anh Hùng, người khỏe mạnh, sung sướng như thế mà chết. Chết về bệnh gì?

- Tự tử.

- Tự tử! Vô lý!

- Chẳng một mình anh cho là vô lý, mà ông thầy thuốc khám tử thi cũng nói như vậy. Cho đến cả các báo cũng nhao lên về cái chết khả nghi ấy. Nhưng may mà anh ấy tự tử thật, chúng có hiển nhiên còn đó...

Rồi anh Thanh lại đem kể cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện:

- Cách đây sáu tháng, một hôm vào buổi giữa trưa, bỗng nghe có tiếng súng nổ ở nhà Hùng. Người ta chạy đến coi thấy anh Hùng nằm trên giường ngủ, áo lót mình và khăn giải nệm hơi vấy máu, bên cạnh có một cây súng bắn chim. Bên giường, vợ Hùng gục đầu xuống khóc. Ngồi ở một cái ghế gần đấy, Mã, người bạn rất thân của Hùng, hai bàn tay ôm đầu có vẻ buồn rầu đau đớn.

Tài xế của Hùng lên ngay tỉnh báo tin và gọi điện thoại cho thân phụ người chết.

Hai giờ sau ông thầy thuốc cùng ông án sát ở tỉnh về khám xét tử thi. Thi lạ quá, cứ theo đường đi của viên đạn, người chết bị giết chứ không phải tự tử; không phải tự tay người chết bóp cò được, phát súng phải ở tay người khác bắn và đứng cách xa một quãng ít ra là vài thước. Ông án tậm xướng lên cái thuyết: người chết để súng nằm trên bụng và dùng ngón chân cái ấn cò, rồi tiếng nổ giật mạnh quá văng súng ra một bên.

Hỏi người vợ xem có lấy cây súng ở trên thân người chết ra không, thì nàng nói nghe tiếng nổ, mới hoảng hốt ở buồng bên chạy sang, và vẫn thấy các vật y nguyên như thế.

Còn Mã, người bạn chí thân của Hùng, chàng chỉ ngồi khóc và ấp úng trả lời viên thám phán rằng chẳng biết vì lẽ gì Hùng lại tự tử.

Hình như chàng buồn quá nên quẩn cả trí nghĩ. Đến lượt người tài xế và người bếp, họ đều khai như nhau rằng khi tới buồng chủ, thấy chủ ngất ngoài sắp chết, đương thì thăm dạn dò bà Hùng và ông Mã những gì mà họ không nghe rõ.

Người vợ có nhận là đúng, và khai thêm rằng người sắp chết xin lỗi họ, và một mảnh giấy người chết cầm trong tay trái cũng chứng thực điều đó. Mảnh giấy có mấy hàng ngò ngoè sau đây:

*"Tôi xin cha tôi, vợ tôi và bạn tôi thân nhất trên đời của tôi tha lỗi cho tôi. Vì mắc bệnh đau tim, tôi đã hèn nhất trốn nợ đời"*

Hùng

Chữ viết chính là chữ Hùng, tuy lệch lạc, dòng lên dòng xuống như chữ người ốm nặng. Nhưng có thể cho rằng người ta lúc sắp tự tử, cảm động quá không có can đảm để trấn tĩnh mà viết được như thường. Chữ tên ký thì thực là nét chữ Hùng. Các nhà giám định đã thẩm tra kỹ lưỡng và đều công nhận như thế.

Chiều hôm ấy, thân phụ người chết ở Hà Nội đi ô tô lên. Bấy giờ ông án và ông thầy thuốc sắp sửa mổ tử thi khám nghiệm, nhưng ông cụ không muốn người ta phạm đến xác thịt con mình, cố nài xin thôi để khám liệm, mai táng. Ông nói cứ tin ở bức thư tuyệt mệnh của người chết cũng đủ.

Thế rồi sáng hôm sau cất đám. Trong bọn đi đưa, người ta lưu ý nhất đến Mã. Chàng khóc lóc thảm thiết. Không ai ngờ tình bằng hữu lại thân mật được đến như thế.

Khi chôn xong, Mã thì thảm khấn khứa rất lâu rồi vì thương quá, ngất đi ở trên mộ. Người nhà Hùng phải khiêng về ấp. Thế là Mã lên cơn sốt, bất tỉnh nhân sự. Ba hôm sau bệnh Mã lui thì bỗng người ta lại nghe có tiếng súng nổ. Tiếng súng thứ hai này cách tiếng súng trước đúng bốn ngày. Có lẽ Mã lên cơn sốt làm mê mẩn, nên đã vớ lấy súng bắn chim tự chĩa vào ngực bóp cò. May mà tay người ốm còn yếu, cầm súng không được vững, nên viên đạn đi lệch, chỉ sượt trái tim.

Từ đó, Mã mắc bệnh điên.

\*\*\*

Tôi nghe câu chuyện, dăm dăm ngẫm nghĩ, trong lòng nảy mối ngờ vực vẫn vơ. Tôi hỏi:

- Thế bây giờ anh Mã ở đâu?

- Tôi vừa đến thăm. Anh ấy xin phép sáu tháng ăn nửa lương về nghỉ tại Hà Nội. Nhà ở phố B... Số tám.

Tính tò mò của tôi đã lên tới cực điểm. Tôi giơ tay bắt tay Thanh rồi vội vã lại phố B... thăm bạn cũ.

Tôi tuy làm cùng sở với Mã trong mấy năm, chúng tôi lại hợp tính nhau lắm, nhưng tôi vẫn không biết gia thế anh ấy ra sao, mãi khi đến nhà, tôi mới rõ anh ấy là con nhà giàu có và hình như được cha mẹ chiều chuộng lắm thì phải.

Lúc bấy giờ, ông thân Mã đi chơi vắng. Tôi chỉ gặp có một mình bà mẹ. Bà cụ ôn tồn mời tôi ngồi chơi rồi buồn rầu bảo tôi:

- Đã năm, sáu hôm nay, em nó không hé răng nói một lời, suốt ngày chỉ ngồi nhìn qua cửa sổ như mơ mộng điều gì. Rõ khổ quá! Nhà tôi xưa nay có ai mắc bệnh điên như thế bao giờ đâu?

Sau khi thuật lại một cách rất tường tận bệnh trạng của con trong mấy tháng, bà cụ lại tiếp:

- Người ta mách tôi rằng ông lục sự Thanh Oai có bài thuốc chuyên môn chữa bệnh điên. Tôi đã mời đến chữa cho em; ông ta bảo điên mà hay nói thì rất nhẹ, chỉ sợ ngồi lì cả ngày không nói câu nào mà thôi. Vì thế, ít bữa nay tôi thấy em nó bỗng như câm bặt, không chuyện trò làm nhảm nữa mà tôi lo.

Tôi xin phép đến buồng bệnh nhân. Bà cụ bảo người nhà đưa tôi lên một gian phòng ở trên gác.

Mã đang ngồi xem quyển tiểu thuyết chữ Pháp, thấy tôi bước vào ngược mắt dăm nhìn.

Tôi đứng dừng lại, không vội tiến. Mã hát hàm như để hỏi tôi việc gì. Tôi ngả đầu chào và xưng tên. Anh liền mỉm cười, đứng dậy ra bắt tay tôi, rồi kéo tôi ngồi xuống ghế mà bảo tôi rằng:

- Được tiếp một người bạn ở Vĩnh Yên về chơi, tôi lấy làm sung sướng quá.

Tôi đương ngờ vực câu ấy có vẻ điên vì thấy Mã quên rằng tôi đã đổi về Thái Bình từ lâu rồi, thì anh lại tiếp luôn:

- ở đây, thấy mọi người họ đều cho tôi là điên, tôi nói gì họ cũng không tin, nên tức mình tôi giả câm, đã năm sáu hôm nay. Rồi anh sẽ rõ tôi điên hay lành.

Dứt lời, Mã đồng dục cất tiếng gọi người nhà bảo pha nước, dáng điệu khoan thai, giọng nói của một người không mất trí khôn.

Tôi đưa mắt ngắm quanh cái buồng có cửa sổ rào chắn song sắt và so sánh với một phòng nhốt người điên ở nhà thương Phủ Doãn. Khi ta đã có định kiến ấy, nó gọi ra trong trí ta biết



bao ý tưởng giống loại với nó. Đến nỗi quyền tiểu thuyết bạn tôi đang cầm ở tay, tôi cũng cho là phải điên rồi mới thích đọc được.

Tôi còn mãi mơ màng với những ý nghĩ viễn vông thì một câu hỏi của Mã làm tôi giật mình như người tỉnh ngủ:

- Anh còn nhớ anh Hùng không?

Tôi vờ:

- Anh Hùng nào?

- Anh Hùng chết năm, sáu tháng trước ấy mà!... Anh không xem nhật trình hay sao mà không biết chuyện anh Hùng tự tử ở một cái đồn điền thuộc tỉnh Vĩnh Yên? Thực ra anh ấy không tự tử đâu. Chính anh ấy bị ám sát mà kẻ ám sát chính là tôi.

- Không, đâu phải.

- Cả anh nữa, anh cũng không tin tôi nổi! Nhưng được, dù anh tin hay không tin tôi cũng xin anh hãy lắng tai nghe những lời tôi kể sau đây.

Rồi hình như vì thuật đi thuật lại nhiều lần, nên đã thuộc lòng câu chuyện, Mã nói trơn tru, lời văn gọn gàng và bóng bẩy (có lẽ đó là triệu chứng của bệnh điên chăng?):

"- Tôi là một người trọng danh dự như thế nào, anh và các anh em bạn tôi đã biết, nhất khi danh dự lại có dính líu đến một người đàn bà. Mà các anh cũng chẳng lạ rằng đối với bằng hữu tôi là một người rất tốt, rất trung thành, tận tâm tận lực. Anh đừng vội cười mà cho là tôi khoe khoang, muốn phô những nét tốt của mình ra. Không cần gì tôi phải khoe khoang, và tôi cũng không còn được phép khoe khoang nữa kia mà, vì tôi là một kẻ sát nhân.

"Vâng, tôi không khoe khoang. Tôi phô những đức tính kia ra nếu đó có thể gọi được là đức tính (Mã điểm một nụ cười chua chát) là chỉ cốt để tỏ cho anh hay rằng một người như thế mà khi mê muội, khi bị ái tình nhục thể huyền hoặc, mờ ám, cũng trở nên được một tên giết người tầm thường, đê tiện, hèn mạt.

"Trời ơi! Có thể như thế được không? Có thể yêu vợ bạn rồi giết chết bạn được không? Đó là ái tình ư? Không, đó là một tính cách cảm thú của bản năng con vật ẩn núp, lẩn quất trong linh hồn con người... Khốn nạn! Đồ khốn nạn! Sao không nhốt nó vào nhà pha! Mau! Tống cổ nó vào ngục thất mau!"

Mã lớn tiếng hét rồi hình như mất hết nghị lực, đưa hai bàn tay lên bụng mặt khóc rưng rức, lẩm bẩm nói những gì, tôi không rõ. Tôi đứng dậy, khép cái cửa ra cầu thang gác, sợ ở nhà ngoài, bà mẹ nghe tiếng kêu gào mà lên, thì tôi sẽ không được nghe chuyện.

Tiếng giày đi trên ván khiến Mã ngừng mặt lên, có lẽ tưởng tôi bỏ ra đi. Anh vội vàng chạy theo níu tôi ngồi xuống ghế, và mỉm cười - cái cười đầy nước mắt - bảo tôi:

- Anh phải nghe hết câu chuyện đã.

- Nhưng anh đừng hét nữa kia. Anh hét thế tôi sợ lắm, không dám ngồi gần anh đâu.

Mã lại mỉm cười:

- Oan khổ, anh coi tôi như một thằng bé con lên ba, lên bốn. Hoặc giả anh cho tôi là thằng điên thực. Nếu tôi điên sao không nhốt tôi vào nhà điên, lại để tôi tự do sống như một thằng lừa dối, một thằng phản bạn, một thằng giết người sống cái đời tự do, yên lặng của nó? Anh ạ, có lần tôi đã có làm cho điên thực, để họ nhốt vào nhà điên vì họ không muốn bỏ tù tôi, họ không muốn làm tội. Không những họ không tố giác tôi, họ lại còn không để tôi tự tố cáo tôi nữa. Đã mấy lần tôi định đến sở cảnh, đến tòa án, tự đưa tay vào xích, tự lặn mình vào lưới pháp luật, nhưng lần nào cũng bị người ta tóm được. Rồi người ta nhốt tôi vào cái buồng kín mít này nó cũng chẳng kém gì cái nhà tù. Họ còn dọa hễ tôi phá phách quá lắm để tìm lối trốn thoát, thì họ sẽ bỏ tôi vào cái cối sắt nữa kia. Ấy vì thế ít khi thả lỏng tôi thể này và cho tôi được phép tiếp bạn bè trong chốc lát. Rồi anh coi, họ sắp lên đuổi anh ra ngay bây giờ.

Tôi lo lắng nhìn cái cửa ra thang gác, nóng ruột muốn biết câu chuyện giết người của Mã, câu chuyện có lẽ chỉ những người ngu ngốc, đần độn, hay điên cuồng mới không tin là có thực.

"- Anh đã làm việc ở Vĩnh Yên, chắc anh cũng có biết anh Hùng. Một người hào hiệp, thẳng thắn như anh Hùng, ai mà không quen, ai mà không muốn gần gũi chơi bời.

"Tôi thì khác. Tôi thương mến anh Hùng ngay từ khi còn cùng nhau theo học lớp ba trường Hàng Vôi. Tình bằng hữu một ngày một thêm khăng khít. Rồi hai người cùng thi đậu bằng thành chung. Anh Hùng kế nghiệp cha, ra làm đồn điền, còn tôi theo đuổi việc học tại trường Pháp Chính. Chúng tôi mến nhau chẳng khác anh em ruột thịt. Hơn nữa, chúng tôi yêu nhau như một cặp tình nhân vậy.

"Nhưng khổ cho chúng tôi, không may cho tình bằng hữu thiêng liêng (anh ngừng lại một giây và gạch hai chữ thiêng liêng bằng một cái nhếch mép độc địa, cái nhếch mép nửa giống như cười, nửa giống như méu), không may cho tình bằng hữu thiêng liêng của chúng tôi, anh Hùng lấy vợ. Không may nữa, vợ anh là người... bậy bạ... lẳng lơ...

"- Trời ơi! Con thiếu phụ! Con ác phụ! Sao tôi không giết nó? Sao tôi lại giết bạn tôi?"

Tôi nhìn ra cửa ngắt lời:

- Nếu anh còn gào thét thì tôi xin về.

Mã dịu lời:

- "Nhiều lần đến thăm anh Hùng, tôi đã nhận thấy cặp mắt đa tình, cặp môi đa dục của nó. Tôi đoán chừng đối với anh Hùng, anh em đến chơi đồng, một phần vì anh có lòng mến khách thực, nhưng một phần cũng vì con mụ đàn bà kia. Cái dung nhan rực rỡ, cái cười tình đắm thắm của nó, cái thân thể nở nang, uốn éo của nó đã quyến rũ người ta, đã mê hoặc người ta.

"Anh Hùng vẫn chẳng biết gì hết. Anh yêu thương vợ anh. Anh mê mẩn vợ anh đến nỗi chẳng nhìn thấy gì hết.

"Nhưng tôi nhìn thấy. Tôi chỉ là bạn chồng nó chứ không phải là chồng nó. Tôi không nỡ để một người tốt như bạn tôi bị lừa dối. Tìm cách mở mắt cho người mù vì ái tình vẫn là một việc khó, khó hơn lấy lại ánh sáng cho một người mù thực, nhưng khó, tôi cũng không từ, không lui.

"Năm ngoái, nhân một dịp nghỉ lễ, tôi về chơi đồn điền anh Hùng. Cố nhiên tôi gặp một lũ bạn già dối, và trong số đó có thằng tình nhân khốn nạn của con đàn bà khốn nạn.

"Trời ơi! Sao tôi không bắn chết hai đứa thất phu, thất phụ ngay hôm chúng nó tư tình với nhau ở sau một đồng rạ sau đồng? Sao tôi lại để cho chúng nó thoát? Trời ơi! Nhưng tôi cũng chỉ là một thằng khốn nạn".

Lần thứ hai, tôi ngắt lời bạn:

- Kia! Anh lại thét. Thôi tôi không nghe nữa.

- "Xin lỗi anh, nhưng tôi khốn nạn lắm kia, Con dâm phụ thấy tôi biết chuyện bậy bạ của nó, thấy tôi rình mò, do thám nó, thì nó nghĩ ngay ra một quỷ kế, một kế mỹ nhân.

"Nó than, nó khóc, nó kể lể, nó phàn nàn nhiều điều về anh Hùng, nào anh ác nghiệt, cay độc, tình phụ nó, ruồng rẫy nó, hàng tháng, hàng năm không yêu thương nó, mà nó thì nó rất thèm khát sự yêu thương...

"Rồi không biết nó nói thực hay nói dối - còn ai hiểu được bụng nó - nó bảo ở trên này nó chỉ yêu có một người, nhưng nó không dám, nó không thể nói cho người ấy biết được. Nó đành chôn sâu trong trái tim, trong linh hồn khối tình tuyệt vọng.

"Thế là bắt đầu sự đê hèn của tôi! Vì tôi đã hơi tin nó. Trời ơi! Anh Hùng ơi! Sao tôi còn vác được cái mặt dày mà sống ở đời?"

Mã bưng mặt khóc, khóc nức nở...

Tôi chờ Mã, không thấy anh kể nốt, liền nhắc:

- Câu chuyện chỉ có thế?

Anh Mã vội vàng ngừng đầu lên, lau nước mắt trả lời:

- Nếu chỉ có thế thì còn nói gì? Nhưng nào chỉ có thế.

"Ngày tôi bắt đầu thương hại vợ bạn là ngày tôi sa chân xuống địa ngục. Vì từ thương hại cho tới thương yêu chỉ có một bước..."

"Mà bước ấy, tôi đã... qua. Anh Hùng ơi! Sao tôi khổ sở thế này?..."

"Trời ơi! Cái sắc đẹp! Cái sắc đẹp giết người!"

Tôi chau mày bảo Mã:

- Nếu anh không tinh tâm mà kể thì tôi hiểu sao được?

"- Phải. Tôi mê man trong ái tình, trong dục tình.

"Chiều thứ bảy nào tôi cũng phải mò về đồn điền bạn để tình tự với vợ bạn. Chúng tôi yêu nhau điên cuồng đến nỗi dám định cùng nhau đi trốn. Mà bạn tôi vẫn thẳng thắn, vẫn không ngờ vực mảy may.

"Thế rồi một buổi trưa chủ nhật..."

Mã như ghen lời không nói được nữa. Hai hàng nước mắt chảy ròng. Tôi rùng mình ghê sợ, toan bỏ ra về nhưng không sao đứng dậy được. Còn Mã thì ngồi đấy không hề ngó thẳng mắt tôi nữa, buồn rầu cúi gằm xuống mà kể tiếp:

"Một buổi trưa chủ nhật, ăn cơm sáng xong, Hùng rủ tôi đi săn. Tôi vờ nhức đầu ở lại nhà. Anh tất cũng hiểu tôi ở nhà để làm gì..."

"Bỗng một nửa giờ sau, bạn tôi hình như bỏ quên vật gì, trở về vào buồng giữa lúc bọn gian phu dâm phụ sắp phạm tội nhục thể..."

"Trời ơi! Tôi làm thế nào mà xóa bỏ trong trí nhớ cái cảnh tượng xấu xa, như nhục ấy?"

"Bạn tôi, xưa nay tính vẫn nóng nảy, chĩa súng về phía vợ ngồi, định bắn. Tôi nhảy phắt ngăn lại giật lấy súng; Hùng liền vớ ngay hai con dao treo bài trí trên tường, sấn lại chém vợ. Người vợ hình như mất hết cả can đảm, ngồi im để chờ chết. Hai lưỡi dao sáng loáng sắp bỏ xuống đầu người thiếu phụ, thì đứng trước mặt, tôi chẳng kịp nghĩ ngợi, giương súng... bóp cò... Bạn lăn ra đất.

"Nhưng độ mấy giây sau, bạn tôi lại ngồi dậy. Tôi tưởng anh không việc gì, vì thấy anh men lại giường, rồi bước lên nằm duỗi thẳng cẳng trên nệm. Tôi nhìn cái áo lót của anh có vết máu ở ngực. Anh sẽ gật, ra hiệu bảo tôi ghé lại gần. Lúc bấy giờ tôi, một người không hồn, làm theo những lời sai khiến của bạn như cái máy theo người vạ. Anh Hùng thì thào:

- Lấy mảnh giấy và cái bút chì mau!

"Rồi đặt lên trên một quyển sách có bìa cứng, anh viết mấy dòng sau này:

*Tôi xin cha tôi, vợ tôi và bạn thân nhất trên đời tôi (Mã đọc đến đây, nấc lên một tiếng, và phải ngừng lại mấy giây) tha lỗi cho tôi, vì mắc bệnh đau tim, tôi đã hèn nhất trốn nợ đời...*

"Nằm nghĩ ngợi một lát, anh lại bảo tôi nhặt hai con dao rơi ở mặt đất treo bên giường ngay bên cạnh mình.

"Người vợ, con đàn bà khốn nạn, từ nãy vẫn gục quỳ ngay bên cạnh và luôn luôn van lạy xin lỗi. Lúc đó có người nhà chạy lên, nhưng tôi chẳng hề để ý tới ai hết.

"Bạn tôi hiểu rằng mình còn sống trong giây phút, cố hết sức tàn se sẽ bảo tôi.

"Thế rồi bạn tôi tắt nghĩ..."

Có lẽ Mã đã ghi hết nghị lực để lấy giọng bình tĩnh kể đoạn chuyện sau cùng, vừa dứt lời, anh rú lên, văng từ ghế xuống gác, kêu rầm một tiếng. Bà mẹ ở dưới nhà tất tả chạy lên, hoảng hốt khóc lóc méu máu:

- Khổ quá! Con tôi đã lên cơn điên rồi!

Tôi cùng một người đầy tớ khiêng Mã lên giường rồi cáo từ bà cụ ra về, trong trí còn phảng phất lời nói mỉa mai của Mã:

"Chỉ những người ngu dốt, đần độn hay điên cuồng mới không tin là câu chuyện có thực".

*Rút từ tập truyện ngắn Đọc đường gió bụi.*

*Nxb Đời nay, Hà Nội, 1936.*

## Dưới ánh trăng

Trên bãi biển Sầm Sơn, Phát và Hoàn biết nhau, lưu ý đến nhau rồi thân mật với nhau.

Hoàn và mẹ thuê nhà nghỉ mát, thuộc dãy thứ sáu. Mỗi khi ra bãi biển, Hoàn phải qua một khách sạn nhỏ. Phát trọ ở đấy. Sáng nào, chiều nào chàng cũng đứng trên hiên gác đợi Hoàn đi tắm. Và chàng thả xuống những lời bốn cọt. Trước Hoàn còn mỉa mai đáp lại. Sau thấy anh

chàng trơ trên quá, nàng lặng thinh, hoặc mỉm cười khinh bỉ. Nhưng cái lặng thinh ấy, cái mỉm cười ấy, Phát không cho là có ý khinh bỉ. Trái lại, chàng nhất định tin rằng Hoàn ưng mình. Hoàn khó chịu, đi lối khác ra biển tuy lối này vừa dài hơn, vừa bẩn hơn, nhất những hôm trời mưa. Biết thóp, Phát đến đón ở gần cổng nhà Hoàn, để theo nàng đi tắm. Hoàn bật cười. Và chẳng giữ nổi vẻ lạnh lùng, nàng trả lời Phát một câu nhã nhặn. Thế là hai người bắt đầu làm quen nhau.

Từ đấy Hoàn lại theo con đường cũ. Mỗi lần qua khách sạn, nàng ngừng lên nhìn, và cố nhiên gặp Phát đứng vẫy rồi vội xuống để cùng ra bãi biển. Hoàn thấy Phát có duyên. Phát thấy Hoàn không nhạt cũng không rờm đời như phần nhiều thiếu nữ chàng đã gặp. Đó là, theo ý chàng, một hạnh kiểm rất hiếm ở một cô gái con nhà.

Nhờ làn không khí dễ dàng ở nơi tắm biển, hai người rất chóng thân mật, suồng sã với nhau nữa. Nghĩa là có những cử chỉ và ngôn ngữ mà ở Hà thành người ta sẽ cho là quá thân mật, suồng sã. ở đây, đó chỉ là những sự đã được coi thường, đã quen mắt lắm. ở đây, còn ai giữ gìn bên lén làm gì nữa, khi mà nam nữ gần trần truồng đứng nói chuyện với nhau hằng giờ rất tự nhiên và thẳng thắn. ở đây, chỉ những người giả đạo đức mới cho thế là lố lồ, là dơ dáy. Vì thế, không ai lưu ý đến Phát và Hoàn khi hai người cầm tay dắt nhau đi dưới nước, hay rúc rích cười nháy theo làn sóng trắng. Và khi Phát dạy Hoàn bơi, không những chị em bạn Hoàn không lấy làm chướng mắt mà còn nhờ Hoàn giới thiệu mình với Phát để được chàng dạy. Phát đã trở nên một thiếu niên được phái đẹp cưng chiều trên bãi biển. Chàng không lấy thế làm tự hào với đám phụ nữ vì ngoài Hoàn ra chàng không để mắt tới một ai. Chàng sung sướng rằng môn bơi lội của mình đã làm tôn giá trị mình ở trước mặt Hoàn. Còn Hoàn thì nàng tự phụ rằng đã quen trước các chị em một người có tài bơi lội - chỉ cái tài ấy là đáng kể ở nơi bãi biển - mà lại quen thân. Nhưng một hôm, chính nàng cũng không hiểu tại sao, nàng bỗng cảm thấy nàng ghen. Tính tình ấy vụt hiện ra trong tâm khảm nàng. Có lẽ thoát tiên đó chỉ là lòng ích kỷ không ưng người khác có cái mình có. Phát đã dạy nàng bơi, nàng muốn một mình nàng được hưởng cái đặc quyền ấy.

Rồi tính ghen thu hẹp lại trong phạm vi ái tình, Hoàn đau đớn nhìn Phát giữ trong tay những tấm thân màu nâu hồng, chắc nịch và khỏe khoắn.

Nàng đã bắt đầu yêu.

Phát thì mê man, ngây ngất trong giấc mộng mới nhóm. Chàng thấy Hoàn có đủ hết đức tính về hình thức và tinh thần. Một hôm chàng gọi đùa và nịnh: "Cô Hoàn toàn". Hoàn sung sướng đỏ mặt, nhưng vờ hỏi:

- Sao anh lại gọi tôi là Hoàn toàn?

Chàng mỉm cười đáp:

- Vì cô hoàn toàn đẹp cả người lẫn nét.

Mặt Hoàn càng đỏ, và nàng ngượng ngùng nhìn Phát:

- Anh cứ mỉa em!

Thế là tiếng "em" đột ngột lọt vào trong câu chuyện, rồi ở lại đấy; trước còn ngượng ngùng, sau trở nên tự nhiên và thân mật. Tới thời kỳ ấy, anh chị đã năng đến nhà nhau, hoặc Phát lại bà hàn rồi cùng bà và Hoàn ra bãi biển, hoặc Hoàn lúc qua khách sạn rẽ vào đó để đợi Phát thay *slip*. Những hôm bà hàn không đi tắm được, bà không quên dặn Phát:

- Ông đừng cho em ra xa quá nhé. Tôi nghĩ đến những người chết đuối mà tôi sợ... Mà ông cho em về sớm một tí.

Lần nào Hoàn cũng cười và có khi nũng nịu đáp lại mẹ:

- Mẹ làm như con mẹ lên năm lên ba không bằng!

Nếu con bà lên năm lên ba thì bà hàn đã chẳng lo sợ. Bà lo sợ chỉ vì Hoàn năm nay vừa mười tám. Nhưng bà đã kịp hỏi thăm tin tức về Phát rồi. Bà biết Phát là con nhà giàu sang lại sắp lên năm thứ ba trường Luật. Vì thế bà bằng lòng cho phép Hoàn gần gũi Phát tuy bà càng cần mật giữ gìn con gái hơn trước. Bà thầm mong Phát sẽ trở nên rể bà, nhưng bà vẫn ngại cho cái tính quá phóng túng, quá tự do của cô con cưng.

Trong khi ấy, Phát và Hoàn đi sâu mãi vào tính tình, vào tâm khảm nhau. Và một ngày một thêm kính trọng, yêu mến nhau hơn. Phát cho Hoàn là người vợ mình mơ ước bấy nay. Không một cái gì một người đàn bà cần phải có mà chàng không thấy Hoàn có. Về phần Hoàn, thì nàng mừng rằng nàng đã do dự chưa nhận lời lấy Phiên, người đến hỏi nàng đầu năm nay. So với Phát, Phiên còn đáng kể vào đâu!

Về Hà Nội, Phát vẫn chăm chỉ đến nhà Hoàn. Bây giờ, tuy chưa hỏi, hai người đã tôn nhau như vị hôn phu và vị hôn thê của nhau rồi. Trong đám bạn bè của hai nhà, có người lại tưởng như Phát và Hoàn đã lấy nhau.

Ở Hà Nội, làn không khí thân mật suông dã ngoài bãi biển đã nhường chỗ cho một làn không khí trang nghiêm và buồn tẻ nơi khách thính. Nhưng không vì thế mà đôi bên thấy kém lạc thú trong sự giao thiệp. Có buổi chiều, hàng giờ ngắm nghĩa Hoàn đan chiếc áo len ở bên cạnh bà mẹ ngồi chăm chú phá trận, Phát sung sướng hơn là được trò chuyện với Hoàn. Vì trong lúc yên lặng ngắm nghĩa Hoàn, chàng nghĩ đến cái sung sướng không cùng của chàng.

Nghỉ hè năm sau, Phát đã đỗ bằng cử nhân. Và trước khi vào Sầm Sơn, chàng đã hỏi Hoàn làm vợ. Đó là một việc không cần vội, theo ý Phát và Hoàn, nhưng trước sau cũng một lần, làm cho xong đi thì vẫn hơn. Vả hỏi rồi, hai người sẽ được tự do nói chuyện, sẽ được tự do đi chơi mát với nhau mà không sợ người ta dị nghị.

- Nhưng chỉ hỏi thôi đấy nhé? Còn cưới thì hãy thông thả.

Hoàn âu yếm bảo Phát thế. Và Phát cười ngắt trả lời:

- Vâng, xin tuân thượng lệnh.

Hoàn cảm động, giọng nói run run:

- Năm nay em mười chín, ước gì em được sống cái thời chưa cưới trong ba năm nữa.

- Bấy giờ em hăm hai và anh hăm sáu, vừa lắm. Thời chưa cưới càng dài mình càng sung sướng, phải không em?

Hoàn giọng nũng nịu:

- Chính thế. Với lại em sợ lúc cưới rồi, anh không yêu em bằng lúc chưa cưới.

Phát cười, trách:

- Em không tin bụng anh hay sao?

Hoàn vội vàng tạ lỗi.

Quả nhiên hai người xin được nhà cho hoãn việc cưới. Họ đều là con cưng, muốn sao cũng được cha mẹ chiều theo.

Năm nay ra biển, Hoàn thấy kém thú. Nàng cố tìm duyên cớ, và để dãi nàng cho ngay rằng Sầm Sơn buồn tẻ là vì số người ra nghỉ mát không đông. Sự thực thì chỉ tại năm trước nàng mới bắt đầu làm quen với Phát, nàng còn đương náo nức, bông bột. Năm nay lòng nàng đã trấn tĩnh lại. Và bên người chồng chưa cưới, nàng thấy cần phải giữ gìn hơn bên một người bạn trai. Với người bạn, nàng không sợ phật ý. Với người chồng chưa cưới, nàng chỉ lo làm phiền lòng vì một câu nói lỡ, hay vì một ý tứ kém thân yêu. Nàng trở nên thiếu thành thực đối với Phát và đối với mình. Không phải nàng không yêu Phát bằng năm ngoái, trái lại thế. Nhưng lúc nào nàng cũng phải cố biểu lộ tình yêu của nàng, đó có lẽ là cái cớ làm cho nàng lúc nào cũng áy náy không vui.

Còn Phát thì chàng thấy cử chỉ của chàng ngượng ngập, ngôn ngữ của chàng lúng túng.

Bọn phụ nữ quen chàng bảo nhau: "Phát làm sao ấy, không được như năm ngoái nữa". Quả thực, Phát kém thân mật, kém vui vẻ, kém cả tự nhiên đối với họ. Chàng đã nhận biết tình ghen của Hoàn. Chàng thầm cảm ơn Hoàn, cho tình ghen ấy là tình yêu. Và chàng cố cư xử sao cho Hoàn khỏi bức tức vì chàng: Chàng lạnh lùng với tất cả mọi người, trừ Hoàn ra. Chẳng bao lâu chàng trở nên một người cứng cõi, ít giao thiệp. Nguy hiểm cho chàng, Hoàn cũng nhận thấy thế.

Nhưng may mắn cho hai người, mùa nghỉ mát của họ kéo dài có đến đấy. Họ về Hà Nội và tình thế cứu vãn kịp. Vì ở Hà Nội hai người ít gặp nhau hơn ở Sầm Sơn, và nhờ đó, ít phải giữ gìn hơn. Bởi thế họ lại cảm thấy họ yêu nhau nồng nàn. Có xa nhau mới biết yêu nhau, mới nhận thấy tình yêu của nhau. Mà ở Hà Nội tuy gần nhau nhưng hai người vẫn xa nhau. Phát ngày hai

buổi bận dạy học ở một trường tư. Rồi lúc nào lại cấm cố học thêm để chờ thi tham tá lục sự, hay thương chánh hay một chân kiểm sát ngạch tây nào đó. Theo luồng tư tưởng mới trong đám trường giả mới, Hoàn rất ghét quan, lấy sự nói xấu quan trong khách thính làm hợp thời thế.

Hoàn cũng biết Phát chăm học lắm, và chăm học như thế là vì nàng. Nàng cảm động và yêu Phát hơn, mặc những lời chỉ trích của các chị em bạn. Họ bảo Hoàn:

"Anh cử nhà chị học lấy chết à?" - "Anh đồ của chị học mù người đi mất thôi." – "Bây giờ chả thấy mặt mũi anh chàng đâu nữa" - "Ghê quá! Hôm nọ gặp chàng ở Gôđa, trông người bây giờ lù dù tệ!"

Hoàn nghe những câu chế giễu đã chán cả tai. Nhưng một hôm nàng thấy Phát lù dù thật, nhất Phát lại đi bên cạnh một người bạn lực lưỡng, khỏe mạnh, đẹp đẽ bội phần. Phát giới thiệu bạn với vị hôn thê:

- Anh Huấn, một nhà quán quân quần vợt kiêm quán quân bơi lội, sinh viên trường thuốc.

Hoàn nhã nhặn đưa tay ra bắt.

Sang nghỉ hè năm thứ ba của thời chưa cưới. Đã có sự thay đổi: Phát vừa đỗ kiểm sát thương chánh và bà hàn vừa làm xong nếp nhà nghỉ mát ở Sầm Sơn. Bà mời Phát cùng đến ở với mẹ con bà, nhưng Phát từ tạ nói đã trót thuê nhà rồi. Sự thực, chàng giữ kẽ không muốn đến ở nhà vợ trước khi cưới, nhất chàng lại biết bà mẹ vợ rất khó tính và lắm điều.

Vui vẻ khỏe mạnh nay đã trở về với Phát. Những người quen thuộc đều nhận thấy anh Phát năm xưa, hồi còn theo học trường Luật. Nhưng Hoàn, trái lại, lúc nào cũng nghĩ ngợi, nét mặt buồn tẻ, lạnh lùng. Phát mãi đùa nghịch không hề lưu ý đến cái buồn, cái tẻ của nàng, làm nàng càng bực tức, khó chịu. Nàng khinh bỉ tự nhủ thầm:

"Lúc người ta lên thì người ta biến đổi đến thế đấy! Nhưng mới được thế mà đã cho là lên thì tầm thường quá!"

Và nàng thấy Phát tầm thường. Nhớ lại, nàng không tìm thấy một cái gì cao thượng ở Phát.

Nhưng nàng chép miệng tự an ủi: "Người ta tầm thường như thế cả, có gì mà mình phải bận lòng!"

Giữa lúc ấy Huấn vào Sầm Sơn, đến ở nhà Phát. Tính ngộ nghĩnh hay pha trò của Huấn khiến Hoàn quay về với vui vẻ được hơn một tuần lễ. Rồi sau khi Huấn ra Hà Nội, đâu lại vào đó. Một hôm nàng mỉm cười chua chát đứng nhìn Phát giữ cho một bạn gái của nàng tập nằm ngửa trên mặt nước. Phát quay lại, thoáng nhìn thấy cái mỉm cười ấy. Chàng không giữ nổi chau mày. Chàng nghĩ thầm: "Hoàn vô lý quá! Bạ ai cũng ghen". Tình ghen mà trước kia chàng cho là tình yêu, nay chỉ là một tính tình nhỏ nhen, khả ố. "Chưa cưới mà còn thế này, nữa là lúc đã cưới. Minh sẽ mất hết tự do". Chàng cũng không trang nghiêm nghĩ tới tương lai. Và ngay buổi chiều, chàng ngộ ý kiến với Hoàn về tình ghen. Chàng không muốn để bụng một điều gì. Hoàn xin lỗi chàng. Phát đã quen với tính mỉa mai của vị hôn thê. Chàng không biết lúc nào Hoàn thành thực, lúc nào nàng giểu cợt. Đối với Hoàn, chàng thường ngờ vực, và những lời xin lỗi của Hoàn, chàng không dám chắc rằng đó là những lời thành thực.

Giữa hai người như có một bức rào ngăn cản. Cả hai cùng cố phá bức rào ấy đi, nhưng phá một cách quá uể oải, nên một ngày nó một mọc dày hơn, bền vững hơn.

Chỉ còn những sự giả dối để che đậy. Cử chỉ dịu dàng, ngôn ngữ mềm mại, thân mật. Và ở ngoài bãi biển bao giờ hai người cũng đi liền với nhau. Họ khoác cánh nhau, vui cười trò chuyện với nhau. Nhưng đó là những lúc linh hồn họ xa nhau nhất. Hoàn bảo Phát: "Sáng mai chúng ta ra tắm sớm nhé?"

Và nàng nghĩ thầm: "Minh phải bảo Nga, Lan cùng đi tắm mới được, nếu không thì sẽ buồn chết". Phát cố giữ cái ngáp để trả lời: "Phải đấy Hoàn ạ, mai đi tắm sớm nhé!" Và chàng tự nhủ: "Để ngắm cái mặt buồn thiu của bà vị hôn thê! Rõ khổ!"

Họ đi sát cánh nhau. Họ nói chuyện để nghe thấy câu chuyện tẻ nhạt của nhau. Họ yên lặng để nghĩ đến, để nhớ đến cái xoàng, cái tầm thường của nhau, của gia đình nhau. Nay họ biết nhau, hiểu nhau như vợ chồng. Ba năm gần chung sống rồi còn gì! Cái mỉm cười của người

này, người kia nhận thấy hết nghĩa sâu kín. Câu khôi hài của người kia người này cố không nghe thấy vì đã nghe không biết lần thứ mấy rồi.

Họ hiểu nhau, để mà chán nhau, để mà khinh nhau. Nếu họ là vợ chồng rồi thì họ cứ chán nhau, cứ khinh nhau, không sao. Đàng này họ là vị hôn phu, vị hôn thê của nhau. Họ có can đảm chán, khinh nhau mãi để chờ ngày cưới không?

Phát cho việc hôn nhân của mình là một câu chuyện danh dự: Vì chàng gấn bó theo đuổi mà Hoàn trở nên vị hôn thê của chàng. Bây giờ còn biết nói sao? "Thôi thì cũng liều; vả lại lấy Hoàn vị tất đã khổ hơn lấy một người khác, bất cứ người nào... Về nhan sắc, thì Hoàn chẳng kém mấy ai. Có một người vợ đẹp kể cũng oai, cũng đáng tự hào với chúng bạn". Tư tưởng ấy làm Phát bật cười lên tiếng.

Hoàn thì cho việc hôn nhân của mình là do số mệnh. Nàng nghĩ đến, nàng nhớ lại những người định hỏi nàng và bị nàng lãnh đạm từ chối. Nàng thấy những người ấy đều hơn Phát. "Ít ra cũng không tầm thường bằng!" Vì mới quen, nàng không biết tính tình họ, nhưng nàng chắc rằng không đến nỗi xoàng xĩnh như tính tình Phát.

Kể nàng tìm có tuyệt giao thì cũng được, thì cũng chẳng khó khăn gì. Phiền một nỗi thời chưa cưới của nàng đã kéo dài quá. Ai ai cũng biết rằng nàng là vị hôn thê của Phát. Ai ai cũng nói đến. Hơn thế, người ta coi hai người như đã thành vợ chồng rồi. Chẳng lẽ bây giờ câu chuyện lấy nhau bỗng im bật đi! Như cái pháo tịt ngòi? Thế còn ê chề hơn là nhắm mắt lấy nhau vậy. Giá Phát xin thôi, thì đã đi một lẽ. ừ, giá Phát xin thôi...

Từ đó nàng hy vọng Phát xin thủ tiêu hôn ước. Và tính nết nàng càng khó chịu: nàng mong thắm rằng nhờ thế mà may ra nàng được Phát tuyệt giao.

\*\*\*

Hết hè, nhà Phát và nhà Hoàn nhộn nhịp sắm sửa. Đồi bên cha mẹ muốn lo xong việc hôn nhân cho con trước khi Phát được bổ vào Sài Gòn.

Và đám cưới linh đình, ồn ào, âm ỉ. Để che cái nhạt nhẽo, cái lạnh lùng của hai linh hồn sắp hòa hợp.

Tối nhập phòng, Phát bảo Hoàn:

- Giá chúng ta lấy nhau ngay mùa hè mới biết nhau ở Sầm Sơn...

Hoàn hiểu thấu tư tưởng của Phát, cau có hỏi:

- Sao anh lại nói thế?

Phát chữa:

- Thì có phải bây giờ đã có con rồi không?

Hoàn cười làm lạnh:

- ừ! Thì bây giờ may ra đã có con rồi.

Rút từ tập truyện *Hạnh*

*Nxb Đồi nay, Hà Nội, 1938.*

## Tổng tiền

Đêm khuya. Sau cuộc tổ tôm, bữa cháo gà thết khách đã hầu tàn.

Đồng hồ rè rè buông hai tiếng, rời rạc, mỗi một như hai cái ngáp dài. Một bà bé nhỏ, gầy gò, ngược nhìn, cặp mắt lộ sợ hãi:

- Chết chữa! Hai giờ!

Bà ta thuật cho mọi người nghe một vụ vào nhỏ ra to cách đây chỉ độ nửa tháng, thuật rành rọt có đầu có đuôi và tỉ mỉ từng li từng tí, làm như những người kia toàn là khách xa lạ mới tới, không ai biết chuyện gì trong cái thành phố nhỏ hẹp yên tĩnh của bà.

Tiếp lời người đàn bà, một ông rồi lại một ông kể sang những chuyện khác, toàn chuyện trộm cướp, tống tiền, báo thù. Chuyện quân gian phi đem thực nhiều pháo đến mừng tuổi Tết để lấp tiếng phá phách và tiếng kêu gào cầu cứu. Chuyện bọn cướp theo và chẹt cổ người đánh bạc về khuya giữa lúc người ấy ngủ gà ngủ vịt đứng đợi mở cổng. Chuyện người con dốt cướp về nhà cha mẹ vì không xin được tiền để chơi bời.

Mọi người như đều tỉnh hẳn ngủ. Riêng một bà từ nãy vẫn ngồi im chăm chú nghe chuyện. Mặt bà ta không hề đổi sắc, không tỏ vẻ kinh dị hay bức tức, hay thương hại. Bà ta đã nổi tiếng, trong khắp các phố, là một người lãnh đạm, ít nói, ít vui. Cặp mắt bà ta như không có tinh thần, cái miệng cười nhạt nhẽo, mái tóc điểm bạc đã trở nên màu chì, tuy năm nay bà mới trong vòng bốn mươi và người trông lại còn trẻ lắm. Hình như sau ngày chồng bà ta bị tống tiền hụt, bà ta sinh ra như thế: có lẽ vì bà ta sợ hãi quá.

Chồng bà ta, ông hàn Năm, là một nhà cự phú, nhờ về cho vay lãi hơn là nhờ về buôn bán mà trở nên có bạc vạn. ở vùng, ai ai cũng biết ông ta là một người keo bần, ít giao du. Ngoài cái thú làm giàu để ông ta không còn cái thú gì khác nữa.

Hai người lấy nhau không phải vì tình, điều ấy đã cố nhiên, nhưng cũng không phải vì môn đăng hộ đối: nhà chồng mấy đời theo nghề lái trâu, còn bà vợ là con một ông quan võ cuối thời vua Tự Đức, đã nhiều phen đương đầu chống cự với binh nước Pháp... Họ lấy nhau chỉ vì người bố chồng thấy ông đề đốc có nhiều tay môn hạ ăn chơi ở rải rác khắp vùng nên xin kết thân gia để đỡ mối lo sau này.

\*\*\*

Trong khi ai nấy đua nhau mắng nhiếc thằng con bất hiếu, bà hàn chỉ mỉm cười, cái mỉm cười bí mật và chua chát nữa. Rồi bà ta nói:

- Biết đâu trong câu chuyện dốt cướp ấy lại không có nhiều ủy khúc mà người ngoài không trông thấy, không đoán biết được. Phải, biết đâu không vì lòng hiếu thảo mà người con kia đã dốt cướp đến nhà cha mẹ?

Tiếng cười phá lên:

- Vì lòng hiếu thảo?

- Vâng, biết đâu!

Chờ cho im hẳn huyền não, bà hàn bình tĩnh, thản nhiên kể:

- Tôi biết một câu chuyện ly kỳ có lẽ chẳng kém gì chuyện người con dốt cướp về nhà cha mẹ. Chuyện có thực, vì chính tôi biết nó thực, vì vai chủ động trong truyện, là bạn tôi, một người bạn thân của tôi. Người bạn ấy không giấu giếm tôi một tý gì, thuật lòng đầu tuyệt vĩ câu chuyện cho tôi nghe. Trong bao năm tôi giữ bí mật những lời bạn thú với tôi - vì đó chính là những lời thú tội. Nhưng nay tôi có thể không cần phải giữ kín nữa. Người có liên can tới việc ấy nay đã... được tha về...

Bà hàn cúi mặt suy nghĩ. Mọi người lắng tai chờ nghe. Bà hàn thoát ngừng lên mỉm cười:

- Đây, câu chuyện thế này: vợ chồng người bạn tôi buôn bán ở một tỉnh nhỏ, nhà cửa vào bậc giàu có. Người chồng hơi chặt chẽ. Người vợ, trái hẳn, lại có tính rộng rãi. Nhưng quyền bính trong nhà ở cả người chồng. Người vợ chẳng được dúng tay vào một việc quan hệ: cần tiêu món gì phải xin người chồng chỉ cho từng đồng, từng hào. Vả bạn tôi cũng không thiết từng công việc làm giàu làm có, chỉ thích được nhàn rỗi mà đánh tổ tôm, cùng đọc truyện, truyện Tam quốc, truyện Chinh đông, Chinh tây và hầu hết những truyện Tàu đã dịch ra quốc ngữ.

"Một hôm, vào buổi chiều, bạn tôi thấy có người đến chơi ngồi nói chuyện với chồng. Người chồng từ chối, gắt gỏng luôn miệng, còn người khách thì có giọng van xin khẩn thiết.

"Sáng hôm sau, người ấy lại đến. Bạn tôi mới kịp nhận ra là ông chủ Giây thép.

"Buổi trưa, ông ta trở lại một lần cuối cùng. Hình như chồng bạn tôi có hứa với ông ta một câu vu vơ cho xong chuyện, vì hứa rồi bỏ đi xa liền, hẹn vợ mãi khuya mới về.

"Bạn tôi ngồi tiếp khách và biết rằng ông chủ Giây thép vì ham mê cờ bạc đã trót tiêu lạm mất năm trăm vào tiền "két". Sáng hôm sau, ông thanh tra về xét sổ sách, nếu thấy thiếu tiền trong quỹ thì ông chủ Giây thép không những bị mất việc mà chắc chắn còn bị tù tội nữa.



"Ông khách tìm những lời cảm động để làm chuyển lòng bạn tôi. Ông ta nói ông ta có một mẹ già, một vợ và bảy đứa con nhỏ. Một nhà gần mười miệng ăn chỉ trông vào ông ta, vào lương ông ta để sống, ông ta mà mất việc thì không biết cái gia đình ấy sẽ ra sao. Ông ta lại kể lễ ông ta chơi rất thân với chồng bạn tôi: hai người cùng học một lớp ở trường tiểu học, vì công việc phải xa cách nhau hơn mười năm bây giờ lại được cùng nhau ở cùng một tỉnh.

"Bạn tôi động lòng thương khách, và thâm trách chồng xử tàn nhẫn thế được với một người bạn thâm niên! Nhưng bà chỉ thờ dài bảo ông chủ Giây thép:

"- Thưa ông, nếu tôi có thể giúp được thì tôi giúp ông ngay, nhưng quả tôi không có cách gì.

"Thấy mắt khách rớm lệ - hai con mắt sâu hoắm trong cái mặt hốc hác - bạn tôi ngồi im. Hồi lâu mới hỏi:

"- Thế sáng nay nhà tôi dặn ông những gì?

"Ông kia đáp:

"- Ông dặn trưa nay lại, ông sẽ liệu.

"Bạn tôi không ngờ chồng lại ác được đến thế. Không cứu giúp người ta thì thôi, bảo thực cho người ta biết chứ sao lại nói dối người ta để nhờ việc người ta ra. Bà liền bảo khách:

"- Tôi nói câu này, ông đừng khinh tôi nhé, không hi vọng gì nhà tôi đâu, liệu đi vay chỗ khác, chẳng nữa không kịp mất.

"Khách buồn rầu đáp:

"- Thưa bà, tôi đã đi khắp mọi nơi, nhưng đều không ăn thua. ở cái tỉnh hẻo lánh này trừ ông bà ra còn có ai có nổi năm trăm bạc một lúc cho vay... Thưa bà, tôi xin làm văn tự cẩn thận tháng tháng xin trả góp cả vốn lẫn lãi. Lương tôi hơn một trăm làm gì không trả nổi...

"Bạn tôi ngắt lời:

"- Ông kể với tôi vô ích, vì tôi không thể làm gì được đâu mà.

"Ông chủ Giây thép thờ dài nói một mình:

"- Thế thì chỉ có việc...

"Lòng đầy trác ẩn, bạn tôi ngắm người đàn ông khổ sở, và càng căm tức chồng đã quá tàn nhẫn.

Khách lảo đảo đi ra, bà chợt nghĩ tới một điều, liền gọi lại:

"- Hay thế này... Thử liệu...

"Ông chủ Giây thép đứng đợi, hi vọng. Nhưng bạn tôi cũng chỉ nói có thế, rồi im lặng nhìn vợ vẫn ra sân, vẻ mặt lo lắng. Ông kia hỏi:

"- Thưa bà dạy thế nào ạ?

"Bạn tôi cố trấn tĩnh, ghé gần khách thì thào:

"- Hay thế này... Thử liệu xem... Nhà tôi nhất lắm cơ đấy... Tối nay ông cứ trá hình, bôi nhọ mặt đến ... đến tổng tiền xem. Tôi sẽ làm tay trong cho ông: Năm trăm bạc đối với nhà tôi có lẽ chẳng mùi mẫn gì, nhưng có thể cứu được cả gia đình ông... Vớ lại, rồi ông sẽ trả cơ mà".

Một người nghe chuyện phá lên cười:

- Bà bạn của bà ghê gớm quá!

Bà hàn vẫn thản nhiên kể:

"- Bạn tôi dặn đủ các mưu kế, rồi hai người hẹn nhau đúng một giờ đêm ra tay...

"Nhưng tối hôm ấy ông chủ Giây thép vừa trèo qua tường đã bị ngay lính cảnh sát tóm được.

Khám trong người ông ta, thấy một khẩu súng lục giả và một con dao nhọn..."

Bà hàn ngồi lặng, tâm hồn xúc động, một lát sau, bà kể tiếp:

"- Ngày ấy đương phong trào Quốc dân đảng nên ông chủ Giây thép bị nghi ngay là người đảng sai đi tổng tiền. Khám quỹ thấy thiếu năm trăm bạc, người ta càng tin chắc điều ấy lắm. Bị tra tấn, ông ta không dám thú sự thực, sợ liên lụy tới người đàn bà hào hiệp đã hết lòng cứu vớt mình. Ông đành nhận liền những tội mà người ta buộc cho ông, nghĩa là có chân trong hội kín, và thụt quỹ và đi tổng tiền để giúp hội.

"Bạn tôi ngày đêm buồn phiền và hối hận. Định làm ơn nhờ đâu lại gây nên tội vạ tày đình. Từ đó bạn tôi sống khổ sở, thiếu thốn, không dám tiêu phí một đồng nào, sửa chữa một thứ gì, chất bốp để dành rồi gửi đến cho vợ con người mắc tội oan. Bà ta thú với tôi rằng lúc ban đầu bà ta

đã toan ra tòa án nhận hết tội nhưng sau lại nhút nhát không dám. Vì các ông các bà tính bà ta cũng còn danh dự của bà ta. Một người đàn bà có chồng với năm mặt con. Nếu thú nhận thì nghiêm nhiên là tình nhân ông chủ Giây thép mát. Bà ta lại tiếp được một bức thư của ông này gửi đến xin bà đừng để lộ một điều gì..."

Bà hàn ngừng vài giây rồi mỉm cười kết luận:

"- Đó, câu chuyện của tôi. Các ông các bà có cho là thảm không? Câu chuyện ấy có lẽ không bao giờ tôi kể cho ai nghe, nếu người trong chuyện không vừa được ân xá mới rồi..."

Ai nấy ngỡ ngác nhìn nhau, và kinh dị nhìn người kể chuyện, như thăm hỏi:

- Chuyện ai thế?

*Rút từ tập truyện ngắn Đợi chờ  
Nxb Đà Nẵng, Hà Nội, 1940.*

## Ai mua hành tâu

Ngày xưa ba anh em nhà kia, nghèo quá, nghèo đến nỗi bố chết, không góp đủ tiền mua nổi chiếc áo quan cỡ tạp.

Ba anh em phải bó di-hải bố vào trong một cái chiếu cũ rồi chờ tối khuya mới dám đốt đuốc vác mai khiêng bố ra đồng, vì chôn ban ngày ban mặt sợ làng xóm trông thấy người ta chê cười.

Tha-ma thì xa, mà ba anh em thì cùng đói cơm, gầy còm, ốm yếu nên đi được một quãng lại phải đặt bố xuống để thở.

Một lát sau, anh Cả khiêng đằng đầu vui mừng bảo anh Hai và anh Ba:

- Thầy linh thiêng quá, hai chú ạ, thầy thấy chúng ta yếu đuối nên nhẹ bổng hẳn đi, tôi tưởng như khiêng chiếu không thôi, chú ạ.

Anh Hai khiêng đằng chân cũng cười, nói:

- Ờ nhỉ, như không có gì nữa, bác ạ.

Còn người em út cảm được thì chẳng nói gì, cứ việc nhẩn nha rọi đường cho hai anh đi.

Kỳ thực thì không phải vì người chết linh thiêng mà vì cái thầy đã rơi tụt xuống đất từ lúc nào, nhưng hai người khiêng mệt nhọc quá nên chẳng biết gì cả.

Thế rồi ba anh em đi đến tha ma đào huyết chôn bố nghĩa là chôn cái chiếu không có xác bố nằm trong.

Lúc trở về, một cơn gió mạnh làm tắt mất đuốc. Nhưng không sao, đường trong làng ba anh em đã quen thuộc lắm, lần mò mà đi cũng được. Bỗng người em út vấp phải một vật rắn rần, bèn cúi xuống sờ soạng rồi kêu to bảo hai anh:

- Cái thầy ma hai anh ạ. Lạnh quá đi mất thôi.

Hai anh cùng xuống rờ:

- Uø, cái thầy ma thực?

Giá đuoác không tất thì ba người đã nhận thấy cái thầy ma đó chính là bố mình.

Anh Cả ngậm ngùi bảo hai em:

- Chả biết ai mà lại chết đường chết xá thế này nhỉ!

Anh Hai cũng buồn rầu nói:

- Chắc người ta ngộ gió, xa cửa xa nhà nên mới chết bỏ xác ở giữa đường như thế này.

Anh Ba bàn:

- Thương hại quá nhỉ! Hay anh em ta chôn làm phúc?

- Phải đấy! Chôn làm phúc.

Tức thì ba anh em xúm lại khiêng cái tử thi, rồi chôn vùi ở một cái gò nhỏ bên đường.

Chiều hôm sau ba anh em ra đồng viếng mộ thấy mả bố vẫn dẹt dẹt, còn mả của ai bên đường không biết thì mới xông đùn lên cao ụ. Ba người cũng không ngờ rằng đó là mả mình chôn làm phúc tối hôm trước vì đêm khuya không đèn không đóm chôn vùi chôn vàng thì sáng ra còn nhớ chỗ nào vào chỗ nào nữa...

Đêm hôm ấy anh Cả thấy con rồng vàng về báo mộng rằng:

-“ Ông Cả ơi! Ông để nhầm mả bố ông vào chính giữa hàm tôi, làm tôi đau lắm không chịu được. Tôi van ông, ông chạy đi nơi khác cho. Tôi có bao nhiêu vàng bạc xin biếu ông tuốt, để đền ơn ông.

Sáng dậy anh Cả thấy gian nhà chật hẹp của mình đầy ních những thỏi vàng, thỏi bạc sáng nhoáng. Anh ta vội vàng cất ráo cả đi vào một nơi kín, rồi xăm xăm ra đồng chạy mả bố nhích sang một bên. Anh ta không bàn với anh em, sợ chúng hỏi vặn vì cứ gì mộ cha vừa yên đã chạy ngay như thế. Giấu diếm không xong, mà nói thật lại phải chia bạc cho hai em, rất là không nên.

Nhưng đêm hôm sau, con rồng vàng lại về báo mộng cho anh Hai, vì thật ra anh Cả đã chạy mả bố đâu, anh chỉ mới chôn lại cái chiếu mà anh tưởng có gói thầy bố mình. Con rồng vàng về báo mộng rằng:

-“ Ông Hai ơi, ông để nhầm mả bố ông vào chính giữa hàm tôi, làm tôi đau lắm không chịu được. Tôi van ông, ông chạy đi nơi khác cho. Tôi hết cả vàng bạc rồi chỉ còn kim cương châu báu thôi, tôi xin biếu ông tuốt để đền ơn ông.”

Sáng sớm anh Hai mở bừng mắt nhìn ra thấy chói lòa, vì gian nhà chật hẹp, tối tăm của anh có đầy ánh hào quang rực rỡ từng bừng của kim cương, châu báu. Anh ta vội cất ráo cả đi vào một nơi thật kín rồi hấp tấp chạy ra đồng đào phát mả bố lên chôn xích cái chiếu sang một bên, cũng như anh Cả, anh ta tưởng cái chiếu ấy có gói thi thể bố mình ở trong.

Xong xuôi, anh ta trở về nhà hí hửng mừng thầm định bụng sẽ bán kim cương châu báu đi để tậu ruộng thật nhiều, dựng nhà thực đẹp thực to.

Đến lượt anh Ba thấy con rồng vàng về báo mộng vì mả chưa chạy thì hàm nó còn đau. Nó báo mộng rằng:

- “Ông Ba ơi, ông để nhầm mả bố ông vào chính giữa hàm tôi, làm tôi đau đớn lắm không chịu được. Tôi van ông, ông chạy đi nơi khác cho. Tôi hết cả vàng bạc, kim cương, châu báu rồi, chỉ còn mỗi một lọ nước này tôi xin biếu để đền ơn ông. Nước trong lọ quý lắm đấy, sau này ông sẽ dùng được nhiều việc rất lạ.”

Sáng dậy anh Ba không thấy gian nhà chật hẹp tồi tàn của mình đầy ních những thỏi vàng thỏi bạc sáng nhoáng hay rục rờ từng bừng ánh kim cương, châu báu. Anh ta chỉ thấy ở giữa nhà có cái lọ sành đóng nút. Bèn đến mở nút ghé mũi ngửi thì, giời ơi! Mùi thơm sực nức xông ra khắp nhà, lại vắng vắng trong mùi thơm có tiếng đàn tiếng địch véo von réo rắt. Anh ta đập vội nút lại, tức thì tiếng âm nhạc ngừng bật.

Anh Ba mỉm cười lắm bẫm:

- Nước quái gì mà lại biết đàn biết hát thế này! Hãy cất đi đã vì con rồng vàng nó bảo sau này dùng được nhiều việc.

Anh ta bèn đặt lọ nước vào cái quang treo lên xà nhà rất là cẩn thận. Rồi nhớ đèn lờ con rồng vàng nhờ giúp, anh ta vác mai đến bãi tha ma để chạy nhích mả bố ra khỏi hàm nó chẳng nó kêu đau tội nghiệp!

Nhưng cũng như hai anh trước, anh Ba chỉ chôn lại cái chiếu, còn mả bố thì vẫn táng ở hàm con rồng như cũ.

Trong khi anh Ba đi chạy mộ cho cha, thì chị Ba ở ngoài về, trông thấy cái lọ treo lủng lẳng trên xà nhà. Chị ta bật cười nói một mình:

- Lắm cảm quá đi mất thôi! Chẳng biết lọ gì mà nó treo lên đây thế này?

Bèn lấy xuống mở nút, rồi chẳng buồn ghé mũi ngửi, chẳng kịp lưu ý đến tiếng địch bay ra, chị ta vội rút tay ra nguyên rửa:

- Rõ nồm ở đâu á! Tưởng có gì lạ, té ra đựng rặt nước mưa là nước mưa, mà lạnh chết đi được.

Nhưng chị Ba kinh ngạc nhìn bàn tay cổ tay trắng muốt như mới lột da!

- Ôi, nước gì quý thế này!

Chị ta vui sướng quá, bê tấp lọ nước ra sau nhà rồi tắm gội kỳ cọ từ đầu đến chân. Tức thì chị ta trở nên một nàng tiên lộng lẫy, da trắng như ngà, tóc óng như mây, mắt phượng mày ngài, chân tay nhỏ nhắn xinh xẻo.

Liền đấy có một luống hành. Những cây hành được nước tắm ở mình của chị Ba chảy vào gốc, lớn vụt ngay lên, lá dài bằng đòn gánh, củ to bằng cái bình vôi.

Anh Ba ở tha ma về thấy mất lọ nước quý lại nghe có tiếng bì bõm ở sau nhà, liền chạy ra xem. Lúc ấy chị Ba vừa dốc cạn lọ nước. Anh Ba toan mắng vợ nhưng nhìn thấy vợ xinh đẹp quá anh ta lại thôi.

Từ đấy, anh ta chỉ suốt ngày ngồi ngắm nghía vợ chẳng thiết đi làm ruộng, làm nương để kiếm ăn nữa. Vợ trách móc mãi anh ta mới chịu vác cuốc vác cày ra đồng. Nhưng chốc chốc anh ta lại quay về nhà ngắm vợ, chẳng làm nên khoai nên ngô gì cả.

Vợ giận vợ khóc. Anh đâm hoảng, bèn nghĩ ra một cách: anh ta lấy một cái mo cau trát vôi thực trắng, thực mịn rồi vẽ dung nhan vợ lên tranh. Khi ra đồng làm ruộng, anh ta cầm cái mo cau ở bên cạnh để mà ngắm nghía ảnh vợ cho đỡ nhớ.

Qua một tháng, vợ mỗi ngày một đẹp thêm, mà cây hành mỗi ngày một lớn hơn. Vợ với hành, anh ta cho là cái khoái nhất trên đời.

Một hôm, anh ta đương trồng ngô, thấy một con quạ cứ sán lẩn đến bới, để nhặt những hạt anh ta vừa mới vùi. Anh ta tức mình quá cầm viên gạch lia trúng chân quạ. Nó đau quá kêu âm lên và bay đi mất. Anh Ba đắc chí cười ha hả. Nhưng chỉ lát sau, con quạ trở lại liền bay xả xuống cướp cái mo của anh Ba: nó đã lập tâm trả thù anh.

Mà nó trả thù được thực. Nó bay tít đến kinh đô, liệng hai, ba vòng trên cung điện nhà vua, rồi chờ khi vua ra sân rồng, nó bỏ rơi cái mo cau xuống. Vua nhặt lên xem thấy có họa dung nhan một người đàn bà cực kỳ xinh đẹp, thì lấy làm kinh ngạc, tấm tắc khen thán: “Quái! Sao có người đẹp đến thế này!”

Vua bèn hạ lệnh cho đòi thợ truyền thần vào cung để vẽ lại hình người đàn bà đẹp lên trên một trăm cái mo cau khác, rồi giao cho một trăm sứ giả mang theo đi khắp trong nước để tìm cho bằng được người ấy rước về làm cung phi mới nghe.

Chẳng bao lâu sứ giả hỏi thăm lần được nhà anh Ba và bắt nghiến chị Ba đem về dâng vua. Vua sung sướng, cất ngay chị Ba lên chức Tây cung hoàng hậu rồi ban yến tiệc cho bá quan văn võ trong suốt mấy ngày đêm.

Trong khi ấy thì ở gian lều chật hẹp tồi tàn anh Ba nhớ vợ đẹp ngồi khóc y y, chẳng thiết gì đến công việc đồng án nữa. Trông thấy những cây hành lá dài bằng đòn gánh củ to bằng bình vôi, anh ta càng khóc to, và anh ta nghĩ thầm: “Đem bán quách đi thôi, chứ để luống hành lại, mình chỉ tổ nhớ đến vợ!”

Anh ta bèn xếp một gánh nặng trĩu tuy mỗi bên quang chỉ có năm củ hành thôi rồi quẩy đi rao bán:

“ Dọc bằng đòn gánh

“ Củ bằng bình vôi.

“ Ai mua hành tôi

“ Thờ thương tôi với!”

Rao mãi chẳng có ai mua, người thường ai dám dùng thứ hành ma quái ấy, anh ta bèn gánh đến kinh đô để bán.

Bấy giờ vợ anh ta đang ở trong cung. Tuy đã lên làm Tây cung hoàng hậu mà chị ta vẫn thường nhớ chồng cũ chẳng sao khuây khỏa được. Hôm mới bị bắt, chị ta gào khóc thảm thiết. Vua phải dỗ mãi chị ta mới nín. Nhưng từ đấy, chị ta như ngây như dại, như câm như điếc và cả ngày chẳng buồn hé môi dù chỉ để mỉm một nụ cười.

Vua thấy thế lấy làm khổ tâm lắm, vì ngài chỉ muốn được ngắm cái cười nghiêng thành của Tây cung hoàng hậu. Ngài đã sai sứ giả đi khắp trong nước bắt hết các vai hề có tiếng về làm trò để Tây cung hoàng hậu xem. Nhưng Tây cung hoàng hậu vẫn chẳng cười. Ngài bèn xuống chiếu truyền rằng:

“ Trong bàn dân thiên hạ, bất cứ người nào hể làm cho Tây cung hoàng hậu cười một tiếng thì tức khắc được cất lên chức thượng thư”.

Ngày hôm sau, ở khắp các nơi, từ thành thị cho chí thôn quê người ta kéo về kinh đô như nước chảy để tranh giành chức thượng thư. Vì không cần học rộng tài cao, sôi kinh nấu sử chỉ cốt làm hề khéo léo là được nháy lên ngồi ghế thượng thư ngay thì ai mà không háo hức. Nghe đâu, trong bọn có cả mấy ông trưởng giả giàu xụ gánh tiền nghìn bạc vạy về kinh để toan chạy chọt vì họ tưởng chỉ đút lót quan thái giám trình Tây cung hoàng hậu cười cho một cái là mình thành thượng thư liền.

Song không những Tây cung hoàng hậu vẫn không chịu cười mà nghe bọn kia làm trò hề, ngài lại càng bực mình thêm.

Giữa lúc ấy, ở ngoài phố lan lãn có tiếng rao:

“ Đọc bằng đòn gánh,

“ Củ bằng bình vôi,

“ Ai mua hành tôi,

“ Thời thương tôi với”.

Nhận được tiếng chồng, chị vợ sung sướng phá lên cười. Vua cùng văn võ bá quan kinh ngạc, bọn người dự thi trò hề đều thất vọng, thì thấy khi mình nhăn mặt nhăn mũi, khoa chân múa tay, hoàng hậu vẫn không nhích mép, thế mà đến lúc mình không làm gì cả thì tự nhiên ngài lại bật lên cười.

Vua truyền quân lính ra xem ai rao. Tức thì quân lính lòi anh Ba với gánh hành của anh ta vào. Vua mới bảo anh ta rằng:

- Trẫm tốn biết bao công của mà vẫn không làm cho hoàng hậu cười được, nay người chỉ rao mỗi một câu đủ khiến cho hoàng hậu cười rất to rất vui. Vậy người có phép gì lạ thế, tâu ngay với trẫm rồi trẫm ban thưởng cho.

Anh Ba đặt gánh tâu bày:

- Bẩm đức vua, con cũng không biết tại sao bà hoàng hậu nghe con rao lại cười như thế.

Vua phán:

- Vậy người thử rao lại xem nào.

Anh Ba vâng lời đặt gánh lên vai rao to:

“ Dọc bằng đòn gánh,

“ Củ bằng bình vôi,

“ Dọc bằng đòn gánh,

“ Củ bằng bình vôi,

Tức thì vợ anh ta lại cười, cười chảy cả nước mắt nước mũi ra. Và chị chàng chỉ trông thấy mặt chồng cũng đủ vui sướng cười ngất rồi, có cần gì phải chồng rao mới cười. Nhưng vua cứ tưởng cứ hành to tướng kia có phép lạ, bèn bảo anh hàng hành:

- Trẫm thử thay đổi quần áo với người xem.

Rồi vua cởi áo trào, cởi xiêm rồng, tháo mũ vàng đưa cho anh Ba mặc và truyền anh Ba lên ngồi trên ngai cùng với Tây cung hoàng hậu, còn mình thì mặc bộ quần áo nâu của anh ta vào người, quấy gánh hàng của anh ta lên vai rồi rao lớn:

Ai mua hàng tôi,

Thời thương tôi với

Ai mua hàng tôi,

Thời thương tôi với.

Anh hàng hành nghe rao liền quát:

- Tên nào dám hỗn hào gánh hàng vào bán trong cung điện nhà vua. Quân lính đâu đem chặt cổ nó cho ta.

Tiếng dạ ran. Quân lính kéo ồ vào điện anh hàng hành giả hiệu đem chém ngay trước sân rồng không kịp phân giải.

Thế là anh Ba lên làm vua, và vợ anh ta thì làm hoàng hậu.

## Tương tri

Tôi ở Sầm Sơn đã hăm tám năm, ngay từ thời tôi tậu cái nhà nghỉ mát này. Năm ấy tôi vừa bốn mươi và đương làm ký lục tòa án tây ở Hà Nội. Một hôm đi chơi xa về tôi húng hắng ho. Cũng tưởng cảm qua loa, rồi khỏi. Nào ngờ bệnh cứ liên miên kéo dài mãi. Nghe lời anh em, tôi đi xem đốc-tờ. Thì ra, ông ạ, hai lá phổi của tôi đã lỗ chỗ bắt đầu có chấm đen. Ấy là đốc-tờ nói thế thì tôi cũng biết thế. Nhưng dẫu sao tôi cũng sợ hãi, kinh hoàng, cuống cuống. Tôi lo tôi chết, nhất đốc-tờ lại khuyên tôi nên nghỉ hẳn công việc về tỉnh dưỡng ở một nơi thôn quê hẻo lánh quang đãng. Tôi tin chắc rằng ông đốc-tờ không nở bảo thẳng cho tôi biết rõ cái bệnh trầm

trọng của tôi, và tôi hiểu ý nghĩa sâu xa của câu nói kín đáo.

Thế là tôi xin thôi việc. Nhà tôi giàu có. Tôi chỉ làm việc cho đỡ buồn, sau hai lần thi trượt vào trường Sĩ Hoạn. Cha mẹ tôi lại đã mất cả. Tôi hoàn toàn tự chủ đời tôi. Và lúc bấy giờ, mình còn mong gì, đời mình còn dài mấy, mà bảo mình chí thú làm ăn tính toán kia khác. Vì thế, ngay vụ hè năm thôi việc, tôi vào đây nghỉ mát, thuê cái nhà này rồi mua hẳn. Tiêu tiền, tôi chỉ nghĩ có một việc tiêu tiền, tiêu cho sướng tay rồi chết. Các con tôi thì tôi đã dành cho mỗi đứa một vài cái nhà hoặc ở Hà Nội, hoặc ở Hải Phòng rồi.

Nhưng đấy ông coi, hăm tám năm qua, nào tôi đã chết đâu? Mà lạ quá ông ạ, tôi vẫn húng háng ho như ngày mới mắc bệnh, có lẽ tôi cứ húng háng ho mà cứ khỏe mạnh như thế này cho tới ngày xuống lỗ.

Nay tôi quen đi rồi chứ mấy năm đầu thì khổ lắm. Lăm le chờ chết đến... Thà nó đến ngay cho, cũng xong. Nhưng sang năm thứ tư, tôi hầu quên hẳn bệnh ho của tôi. Rồi cho qua những ngày nóng nồm nghỉ trong này - vì hết hè tôi đã trở về Hà Nội - tôi đánh tổ tôm, đánh cờ, - nhất là đánh cờ. Tôi thích cờ lắm, ham mê nữa. Trong mười năm gần đây tôi rất chịu khó xem các sách trận, thế và luyện tập với các tay cao cờ ở Hà Nội, Hải Phòng, nên nay đánh cũng có nhiều nước khá, nhiều nước hay. ở đây, họ đồn đại tiếng cao cờ của tôi nhiều lắm và cho là tôi vô địch, nên động có tay yêu cờ vào nghỉ mát, như ông chẳng hạn, là phải tìm đến thăm tôi. Những ông ở các nơi thì tôi chả dám nói, chứ người ở vùng này ít ai hạ nổi tôi, trừ khi tôi cố ý thua thết khách một, hai ván. Họ tăng bốc mình là vô địch, thực cũng không ngoa lắm, vô địch đối với họ.

Tôi yên trí thế mãi. Nhưng một lần binh... binh gì người hạt Nông Cống tôi quên mất tên, hòa với tôi một ván rồi hạ luôn tôi ván sau. Hôm ấy tôi vừa ăn cơm sáng xong. Một người lính khố đỏ ngồi ăn quà ở hàng nước trước cửa nhà tôi. Người ấy nói nghe đồn tôi cao cờ muốn xin hầu một ván. Thăng người nhà tôi vào thuật lại với tôi. Tôi liền cho ra mời người ấy. Hẳn cao thực ông ạ. Ván trước tôi chật vật mới giữ được hòa, mà ván ấy kéo dài từ mười một giờ cho tới năm giờ chiều. Đánh xong ván sau thì tối mịt. Ván ấy tôi thua.

Nhưng thua thì thua, tôi không phục, nhất là không mãn nguyện được thua một tay địch thủ, vì người lính cao thì có cao, nước cờ chỉ là nước cờ nhà nghề, không phải nước cờ phong lưu tài tử. Đánh với hẳn ta, tôi tưởng tượng như đánh với một anh nhà quê xòe cái quạt hơi che đầu trước một cửa đình vào đám. Những nước cờ chắc chắn, vững chãi, giữ gìn, không bao giờ lăm lăm, nhưng tầm thường như nước “kiệu một” của con ngựa nét na chạy thẳng một mạch tới đích. Kể thì là con ngựa đã khá lắm rồi, vì nhiều người đánh cờ như lừa hay bò chạy, chán ngắt! Tôi thuật dài dòng quá, phải không? Tôi hứa với ông một câu chuyện kỳ thú mà chưa có một tý gì gọi là thú cả. Xin lỗi ông, nhưng tôi phải kể có ngành, có ngọn thế thì ông mới hiểu gặp cụ tú tôi sung sướng biết chừng nào.

Tôi vẫn chưa hỏi thăm được tính danh quê quán của cụ tú. Tôi chỉ biết cụ là một cụ tú, thế thôi.

Một hôm - cách đây bốn năm - vào khoảng mười một giờ sáng, lúc tôi sắp sửa ăn cơm, người nhà tôi nói ở cổng có người tự xưng là một ông tú tài ở vùng này đến chơi. Tôi cho mời vào. Cụ tú là một ông già ngoài bảy mươi tuổi, y phục rất cổ, đầu đội mũ ni nhiễu, mình mặc áo thâm rộng, tay chống cây gậy trúc. Có lẽ cụ thích lối y phục ấy chứ sự thực, cụ tuy râu tóc bạc phơ mà người còn khỏe mạnh, chưa điếc, chưa lòa, chưa gù, cái gậy cụ cầm là một vật trang sức hơn là một vật cần dùng.

Tôi hỏi: “Thưa cụ, tôi chưa được biết tiếng cụ, chẳng hay cụ có điều gì đến chỉ giáo cho?”. Cụ



cười to, đáp: “Tôi ở cách đây xa lắm. Sáng sớm hôm nay, vào khoảng năm giờ, tôi bắt đầu ra đi, thế mà bây giờ tôi mới tới đây. Tôi không quản đường xá xa xôi, hiểm trở, vì phải leo một trái núi, để đến xin hầu cụ một ván cờ”.

Tôi kinh ngạc, cảm động nữa: xưa nay tôi mới thấy một ông già lạ lùng này, chống gậy đi bộ nửa ngày trời để đánh một ván cờ. Tôi nói với cụ tú: “Thưa cụ, cờ tôi chưa có gì mà được cụ quá trọng vọng như thế này, thực tôi lấy làm tự thẹn”. Cụ tú cười sang sảng đáp lại: “Thưa cụ, chỉ vì tôi nghe đồn cụ là một kỳ thủ vô địch ở vùng này nên tôi mới trèo non vượt suối qua đây, xin cụ đừng quá nhún và cho tôi được hầu một ván”.

Tôi mời khách xơi cơm. Khách chối từ nói trước khi ra đi đã ăn lót dạ và giữa đường đã dùng cơm nắm chấm muối vừng. Ông thấy chưa? Đem cơm nắm muối vừng ra đi chỉ vì nghe đồn có một tay cao cờ ở một nơi kia. Mà tôi chắc trong chiếc khăn gói nhỏ khoác vai, thế nào cụ tú cũng còn đủ lương thực để dùng trên con đường về.

Sau nề lời mời mọc khẩn khoản, cụ cũng nhận uống với tôi một chén rượu.

Rồi chúng tôi đánh cờ. Cờ cụ tú cũng khá, đại khái như cờ tôi, có kém thì cũng chỉ kém độ một tốt. Chúng tôi chơi ba ván, ván đầu tôi được, ván thứ hai cụ tú được, ván thứ ba tôi cố ý tính hòa tuy cờ tôi có phần thắng thế.

Lúc cụ tú ra về, trời đã xế chiều. Tôi hết sức giữ cụ nghỉ lại đây một đêm, nhưng cụ nhất định cáo từ, nói nhân có trăng về ngay cho được mát.

Tôi âm thầm nhớ ông bạn mới, buồn rầu tưởng tới lời hứa sẽ lại đến chơi. Sẽ lại đến chơi? Tôi tin sao được. Ngoài bảy mươi tuổi đi nửa ngày trời để đánh ván cờ. Một lần còn có thể được, chứ mãi mãi thì có tài thánh.

Tôi bỗng hỏi hận rằng sao không cả quyết giữ mà lại để cụ tú về. Tôi nghĩ thầm: “Đường qua núi, qua đèo, dù có trắng cũng khó nhọc cho một ông cụ già. Nói gì khó nhọc, nhờ cụ sảy chân ngã xuống khe, xuống suối thì sao?” Đêm hôm ấy tôi băn khoăn không nhắm mắt.

Và tôi luôn luôn thấp thỏm lo lắng cho tới mười hôm sau, vào hồi mười giờ sáng, cụ tú lại chống gậy đến. Cụ mở khăn gói lấy ra cho tôi một chai rượu ngâm thuốc mà nói rằng: “Rượu ngang vùng tôi ngon lắm, tôi đem biếu cụ một chai. Tôi bỏ vào mấy miếng trấu cho đoan nó khỏi bắt”.

Tôi bảo người nhà sắp thức nhắm, rồi bày bàn cờ ra đánh. Đi được dăm nước, tôi nhận thấy ngay rằng cụ tú đã về nhà mở trận ra luyện để phá nước pháo thăng hà của tôi. Tôi tự nhủ: “Không ngờ ông già bảy mươi này lại có chí phấn đấu và tính hiếu thắng đến thế”. Và điều này nữa, chẳng rõ ông có để ý không, chứ tôi thì tôi nhìn không sai, là người làm sao nước cờ hiện ra làm vậy. Người bần xỉn, bần thủ, nhỏ nhen thì nước cờ giữ gìn, bo siết từng tí: đó là nước cờ của các bác nhà nghề đi giựt giải ở các đám hè, đám hội. Những người rộng rãi, phóng túng, liều lĩnh, anh hùng, nước cờ cũng rộng rãi phóng túng, liều lĩnh, anh hùng. Những người ác, nước cờ không thể hiện lành được. Những người nhã nhặn có lễ độ, nước cờ không bao giờ lác cắc, du côn. Những người quân tử không thèm đánh trộm, những kẻ tiểu nhân lừa lọc từng miếng. Nước cờ cụ tú tỏ ra rằng cụ là một ông tướng can đảm sáng suốt, có mưu trí lúc lâm nguy hay lúc khởi thế công. Nhưng thế thủ của cụ hơi chênh mảng một chút. Tôi chưa rõ cụ ở vào hạng người nào trong xã hội, nhưng tôi đoán cụ có óc cách mạng. Mãi sau, trong câu chuyện thân mật tôi mới biết trước cụ có dính dáng vào việc văn thân và đã bị đày mấy năm ra Côn Đảo.

Lần thứ hai ấy chúng tôi chỉ đánh có một ván. Cụ tú đòi về ngay cho được sớm sửa, vì hôm ấy không có trăng.

Từ đó cứ mười mười lăm hôm cụ tú lại đến chơi đánh cờ, cho tới hết hè tôi ra Hà Nội.

Rồi vụ hè năm sau cuộc chơi cờ lý thú của chúng tôi lại nổi.

Một hôm tôi tiễn cụ tú một quãng dài khỏi làng Trường Lệ. Khi đứng trên ngọn núi cao, tôi trở một làng xa xa mờ mịt dưới mấy khóm phi lao và hỏi: “Cụ ở vùng kia, phải không?”.

Cụ lắc đầu đáp: “Không, xa hơn đấy nhiều”. Rồi cụ đứng rướn thẳng người lên, nhắm gậy trúc về một phương, nói tiếp: “Tận nơi kia, sau hòn núi đá xanh xanh và như hình một bức bình phong đó”.

Tôi ngắm cụ tú, tôi ngắm diện mạo dáng bộ cụ, tôi ngắm cảnh biển và tôi mơ màng như sống lùi lại hàng nghìn năm, vào thời người và tiên thường gặp nhau trên núi cao, trên biển cả; cụ tú với cái mũ ni nhiều tam giang, với cây gậy trúc màu vàng ngà đã hiện ra trước mắt tôi thành một nhà đạo sĩ đi tìm thuốc trường thọ.

Qua làng Trường Lệ, cụ tú nhất định mời tôi trở về cho kỳ được mới nghe. Rồi cụ rẽ lên đường đi biệt vào trong rừng phi lao.

Thế là tôi chỉ biết cụ ở vào phía sau dãy núi bình phong mơ hồ, như một ông tiên trong một nơi động khuất nẻo.

Năm ngoái, chờ mong mãi không thấy cụ tú ra đánh cờ, tôi nhớ quá. Nhớ mà chả hiểu làm thế nào để dò thăm tin tức. Hỏi người vùng này thì họ chẳng rõ cụ tú già ấy là ai và ở đâu.

Đã có lần cùng một người nhà, tôi mò mẫm về tận vùng trái núi bình phong, nhưng cũng chịu không tìm được di tích cụ tú kỳ dị.

Đến năm nay, đã gần hết hè rồi mà vẫn chưa thấy cụ tú ra, thì tôi đoán chắc rằng cụ đã quy tiên.

\*

Kể dứt câu chuyện, cụ ký uể oải bày quân ra bàn cờ để cùng tôi đánh giải khuây một ván.

## Bến Hồng Gai

Bến Hồng Gai chìm dần trong đêm tối.

Phía trước mặt, những cù lao đủ các hình quái dị cất trên nền trời đông sắc xám. Những con vật khổng lồ ấy, những con gấu, sư tử, phượng hoàng, cá sấu ấy như vừa từ dưới nước nhô lên nhe nanh, quắp mỏ, hùng hổ bơi sấn vào bến mà nuốt chửng đàn thuyền gỗ nhỏ nối nhau nằm chúc đầu vào bờ, xòe ra như cái đuôi công xòe múa.

Trên phố, trong dãy nhà tranh lợp xúp, lấp ló những ánh lửa mờ. Riêng một hàng cơm nổi bật lên, sáng trưng, ngọn đèn bập bùng trên cái ống đồng cao, thẳng. Cạnh cái bàn phản, và sau cái lao màn treo lủng lẳng những miếng thịt bò, thịt trâu, những bộ lòng lợn, lòng chó, một người đứng bằm xương ròn rã.

Bỗng một người đàn bà không biết ẩn ở chỗ nào lớn tiếng gào thét rồi kể lể trách móc và luôn luôn phân vua với mọi người: “Đấy các ông các bà coi, thế thì có tệ không?”.

Bên địch cố nhịn nhưng lâu lâu lại phát cáu chửi lên mấy câu tục tằn, văng ra đủ các thứ bẩn thỉu, hay ngộ nghĩnh khiến từng dịp cười đáp lại liền. Người đàn bà im rồi lại nói, rồi lại im, chùng để tìm những lời mỉa mai, độc địa, những câu phương ngôn, tục ngữ chua cay.

Về sau, người đàn ông phần uất vùng vằng ra đường. Tôi đương ngồi chờ tàu ở trong một chiếc thuyền thuê buổi sáng để đi thăm vịnh Hạ Long. Anh lái thuyền trẻ tuổi có tính đùa nghịch cười bảo tôi:

- Thưa ông, anh chồng đấy.

Anh chồng chạy sầm sầm xuống một chiếc thuyền con, chở vợ ra xa. Tôi lo lắng, tưởng anh ta đi tự tử. Bỗng anh ta cất tiếng gọi:

- Vịt vịt, vịt vịt!

Thì ra anh chồng đi tìm vịt và vợ chồng anh cãi nhau vì con vịt. Lúc bấy giờ, người vợ cũng đã tiến ra gần bờ, như để ném câu mắng nhiếc xuống biển, đuổi theo chồng:

- Ai lại mình bận cho con đi ngủ, bảo xua mấy con vịt về, thế mà lười chầy chầy xác ra, để lạc mất hai con... Thôi, nó ăn thịt rồi còn đâu mà tìm... Rõ làm cỗ sẵn cho người ta ăn, khổ sở quá, chồng với con!...

Tiếng người chồng trả lời:

- Vịt! Vịt, vịt, vịt! Vịt vịt vịt.

Người vợ gào theo:

- Còn tim à! Tim mới lông!

Theo liền, tiếng sào đập mặt nước và tiếng quàng quạc của hai con vịt. Tôi bật cười, mừng cho anh chồng thoát cái nạn vợ mắng. Quả thực khi biết tìm được hai con vịt rồi, người đàn bà im hẳn. Nhưng một lát sau, thấy chồng loanh quanh mãi vẫn không sao lừa nổi hai con vịt vào bờ, chị vợ lại lên tiếng:

- Giời ơi! Có hai con vịt ranh mà đuổi mãi không được.

Người chồng cáu hẳn:

- Mà giời xuống đây mà săn này!

- Chả phải thách!

- Thấy người ta nhịn lại cứ lên nước mãi!

Ở các thuyền tiếng cười cùng phá lên.

Cứ thế, trong khoảng một giờ đồng hồ, tiếng gọi vịt khi ở phía trên, khi ở phía dưới, khi ra ngoài xa, khi vào gần bờ. Bọn người ngồi trong thuyền vui thích coi như được xem một trò khôi hài trên sân khấu, mãi miết đến nỗi không ai để ý đến đám đánh nhau ở trong một hàng còm.

- Bác Bê ơi, vịt cho nó chết quách rồi làm thịt ăn, tội gì mà săn mãi.

- Phải đấy, anh Bê ạ.

- Rồi cho tôi đánh chén với nhé!

Tức thì người vợ the thé:

- Vịt chết thì sống mà ở với tôi.

Người chồng cũng chẳng vừa:

- Tao đánh chết thì phỏng mày làm gì tao, hử con Đông?

Người ngoài xúi vào:

- Phải, thì làm gì bác!

- Đến ăn thịt là cùng, thôi chứ gì!

Lần này tôi trông rõ hai con vịt vì chúng bơi gần thuyền tôi, hai con vịt mà từ nãy tôi cố tìm nhưng không nhìn thấy đâu, tuy vẫn nghe tiếng kêu quạc quạc. Tôi hết lòng mong mỏi cho nó lên bờ, vì tấn hài kịch kéo đã khá dài... Bỗng từ ngoài biển xăm xăm tiến vào một cái thuyền bồng, đèn thấp sáng trưng. Tức thì hai con vịt lại vừa kêu vừa vỗ cánh bơi ra xa.

Tôi không cười được nữa, vì tôi thương hại người chồng quá. Nhưng trên chiếc thuyền mới tới, người ta lại không nghĩ như tôi. Nghe tiếng cười trong trẻo, tôi nhìn sang. Ngồi ở đằng mũi là hai thiếu nữ mặc quần áo rất gọn gàng để coi và lịch sự nữa, đang hơ tay sưởi trên lửa đóm. Ánh hồng chiếu hai gương mặt khá xinh. Tôi khẽ hỏi anh lái:

- Thuyền ai đấy?

Anh ta thì thào đáp:

- Thuyền cụ chánh đi tuần.

- Đi tuần mà mang cả gia đình đi theo?

- Vâng. Kia là hai cô con gái cụ chánh. Đi đông thế cho vui. Cái thuyền của cụ chứa nổi ba mươi người mà vẫn rộng rãi.

Lúc bấy giờ, chùng thấy tôi đứng tò mò ngắm nghía, hai người thiếu nữ dập tắt lửa, lui vào trong khoang. Tôi khen:

- Đẹp đấy chứ, anh nhỉ, hoa khôi Hồng Gai đấy phải không?

- Thưa ông bảo gì?

- Tôi bảo hai cô ấy chừng đẹp nhất Hồng Gai.

- Thưa ông thắm vào đâu! Ông chưa thấy chị Bê đấy. Cái chị mắng nhiếc chồng ấy mà. Chị mới đẹp nhất Hồng Gai.

Một tiếng còi tàu ở đằng xa. Trên bến dưới thuyền, hành khách nhao nhao, kẻ gồng gánh, người xách đệ. Những ngọn đèn bão nhấp nhô ven bờ. Tiếng gọi nhau xuống thuyền.

Năm phút sau, chiếc tàu từ trong đêm tối tiến ra, lừ lừ đi tới, ngọn đèn báo hiệu trên nóc lấp lánh như ngôi sao. Thuyền xô đẩy nhau, tranh giành ra đón khách vì tàu đỗ tận ngoài xa.

\*

Lách giữa hai bì gạo, len qua một đám người, tôi lên được tầng trên tàu. Trong phòng, cái phòng độc nhất, bốn hàng ghế đều chật ních hành khách. Tôi xách va-li ra mũi tàu, ngồi trước buồng lái. Thấy người mại bán bấm đèn chiếu xuống bến, tôi lại gần. Vẫn còn nghe thấy tiếng con vịt, tôi bảo người ấy thử chiếu đèn xem con vật bơi ở chỗ nào. Nhưng tàu đã huýt còi quay mũi.

Một lúc sau chỉ còn tiếng máy đều đều và tiếng kéo kẹt của cái khung mái tàu đã cũ.

Gió lạnh thổi dữ quá. Tôi kéo cổ áo tơi dạ cho kín tai, sụp mũ xuống gần mắt mà vẫn không thấy đỡ rét, liền đứng dậy xách va-li vào phía trong, ngồi trên ghế dài, tựa lưng vào bức bình phong tàu. Một người đứng tuổi trong ba người đàn bà ngồi cạnh, hỏi tôi:

- Thưa ông, ở ngoài ấy rét lắm?

- Phải, rét lắm.

- Chị em chúng tôi cũng lên ở bến Hồng Gai như ông.

Tôi vui vẻ đáp:

- Thế à?

- Có phải sáng nay ông thuê thuyền của chú Bốn đi chơi Hạ Long không?

- Chính thế. Nếu các bà ở Hồng Gai lên thì hẳn biết chuyện đuổi vịt nhỉ,

Cả ba cùng cười. Một người nói:

- Vợ chồng anh Bê thì ngày nào cũng cãi nhau một trận. Anh ấy thương chị ấy lắm. Họ là người làng tôi đấy. Chính nhà tôi rủ họ lên đây... Cũng là một sự bất đắc dĩ...

Tôi đoán câu chuyện có nhiều uẩn khúc ở trong, nhất là ban nãy tôi lại được nghe anh lái Bốn cho biết rằng chị Bê là một người có nhan sắc. Tôi liền gọi:

- Sao lại là bất đắc dĩ?

- Vì không ra đây cũng không xong.

Tôi sung sướng sắp được nghe một câu chuyện trên tàu. Những chuyện người ta kể trên tàu bao giờ cũng lý thú. Tôi toan hỏi thì người đàn bà như không để ý đến tôi nữa, quay sang phía hai bạn, kể:

- Hai bà ạ, chị Đông ấy mà, chị ta đẹp nhất làng tôi đấy. Năm chị ấy mười hai tuổi, ông lý cựu làng tôi hỏi chị ấy cho con. Ấy chính anh Bê đấy. Giá cứ cưới ngay đi thì xong: hỏi vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha. Đây thì không có kẻ gièm pha nhưng có kẻ cuỗm mất.

Tôi mỉm cười:

- Cuỗm mất?

- Thừa ông vâng. Năm ấy chị ta mười sáu, nhà giai vẫn chưa xin cưới. Rồi sau chị ấy phải lòng cái ông giáo ở làng bên. Hai người mê nhau quá đi mất cơ. Ông kia cũng nhất định đòi lấy chị Đông, nhưng nhà không cho lấy. Mà chị Đông, chị ấy giữ gìn cũng khéo, hai bà ạ. Hai bà tính có ghen đến bốn tháng...

- Có ghen với ông giáo?

- Vâng. Có ghen đến bốn tháng mà chị ấy thất bụng khéo quá, chẳng ai biết sót. Mà từ khi chị ấy có ghen, chị ấy càng chăm chỉ làm lụng, cắt cỏ, tát nước, vớt bèo, xay lúa, giã gạo, cả ngày, chẳng lúc nào ngơi. Làm thế để người ta khỏi ngờ vực, hai bà ạ, khỏi ngờ vực rằng mình có ghen.

"Thấy hơi khác ý, nhà giai xin cưới, nhưng chị ấy nặng nặc không bằng lòng. Hai bà tính, mê tít cậu giáo đi rồi còn gì. Cậu kia lại khéo tán tỉnh, nên chị ấy vẫn cứ chờ.

Mãi sau ông giáo đổi lên tỉnh, không đi lại thăm nom chị ấy nữa, chị ấy mới ngã ngửa người ra, ngày đêm than khóc. Thế mà hai bà ạ, chị ấy vẫn giữ kín, chẳng tiếng tai gì cả. Đến ngày mãn nguyệt khai hoa, ra để giấu vào ruộng lúa chín, rồi đứng lên đi về như ta đi đồng thôi ấy mà..."

Cả hai người đàn bà và tôi cùng cười ồ.

- Hai bà ạ, thế mới biết giới sinh giới dưỡng. Người ta sống chết có số cả. Nửa giờ sau bác xã Vọng đi chợ qua đấy nghe tiếng khóc, tìm thấy thằng bé liền bế về nuôi. Thực giới cho bác ta, hai bà ạ. Bác ta chưa có con giai lại vừa ở cữ một đứa con gái.

"Thằng bé kháu quá đi mất thôi, hai bà ạ. Mà nó giống ông giáo như hệt, từ cái miệng, cái mắt, cho chí cái tai. Ai biết ông giáo thoát trông thấy cũng nhận ra ngay. Bác Vọng đặt tên cho nó là thằng Ruộng Lúa. Thế mà hai bà ạ, năm nó lên ba đã biết bảo bác ta: "Thầy bu đừng gọi con là thằng Ruộng Lúa, gọi con là thằng Được cơ."

Hai bà ạ, những cửa để rơi góm lấm cơ đấy, giới để sống thì không biết sau này làm nên đến gì..."

Tôi tò mò hỏi:

- Nhưng sao chị Đông lại lấy anh Bê và đưa nhau ra đây?

- Ấy hai người lấy nhau ngay. Anh Bê cũng biết vợ chẳng ra gì, nhưng say mê lắm. Cứ kể thì cũng chả đến nỗi phải bỏ đi, tuy trong làng nhiều người biết chuyện. Nhưng vì cái cậu giáo kia cứ nhè nhằng về làng đòi bắt đưa con. Hai bà ngẫm xem, làm hại một đời người ta chưa đủ, lại còn bêu xấu bêu nhục người ta nữa. Hai bà tính, cậu ta dám há mồm ra nói trước mặt mọi người, trước mặt cả hội đồng rằng cậu ta là bố thằng bé mà mẹ nó là chị Đông.

"Đã đến nước ấy thì còn mặt mũi nào ở làng nữa. Hồi ấy nhà tôi nghỉ phép về thăm nhà, thương tình anh chị ấy liền rủ ra ngoài này rồi đưa vào sở xin việc cho. Anh chị ấy ngày nay nhờ giờ cũng khá. Anh Bê anh cứ bảo tôi rằng cố để dành ít vốn chuộc lấy thằng bé, vì hai bà ạ anh chị ấy cũng chưa có con giai.

- Vậy ra thằng bé vẫn ở với bác xã Vọng?

- Phải. Nó hay quá cơ hai bà ạ.

\*

Mười hai giờ đêm tôi lên bến Quảng Yên đến thuê phòng phủ ở một khách sạn. Tới nơi tôi gặp một thiếu niên âu phục sánh vai cùng một cô gái quê đương hấp tấp bước lên thang gác. Tôi mỉm cười nghĩ thầm:

- Biết đâu lại sẽ không có một thằng Khách Sạn ra đời?

## Đại đội trưởng Còm (1)

Cả mấy trăm con mắt vòng trong vòng ngoài cùng nhìn lên chăm chú khi anh tiểu đoàn trưởng đứng bên sa bàn, đập đập cái gậy mây vào mũi giày và nhìn về phía đại đội 112 nói thông thả:

- Bây giờ tôi dặn xung kích một điều cuối cùng.

Nắng chiếu xiên vào đám người cháy sạm, chen chúc nhau trên thửa ruộng khô ở ven rừng. Từ mấy cái nhà sàn mé bờ sông, gió thổi lại ù ù tiếng cối xay thóc: đồng bào trong bản đang làm gạo cho bộ đội.

Anh tiểu đoàn trưởng hơi cười, mấy nếp răn ở đuôi mắt nheo lại. Cằm hơi hất ra phía trước, anh ngừng nói mấy giây, đợi cho tiếng xì xào im hẳn. Dưới vành mũ, những gương mặt gầy và đen nắng của các chiến sĩ nom càng như sắt lại, nghiêm nghị. Đây là những người thợ mỏ cũ của Hồng Gai, Đông Triều, những người dân đánh cá ở một vùng biển đông bắc từ Quảng Yên tới Cửa Ông, Đầm Hà, Tiên Yên, Hải Ninh.

Trên nét mặt họ còn in rõ dấu vết cuộc đời làm than bao nhiêu năm trước, nhưng ngày nay trong tay mỗi người đã có khẩu súng hoặc lưỡi mác. Bàn chân rớm máu của họ đã đi khắp từ bờ biển tới núi rừng.

Một ánh kiêu hãnh lấp lánh trong mắt anh tiểu đoàn trưởng. Anh nói to lên rành rọt:

- Nếu 112 không làm xong nhiệm vụ thì lui xuống, tôi sẽ cho pháo bắn đợt thứ hai. Đợt thứ hai cũng không xong thì cả đại đội lui về nghỉ. Gần sáng tôi sẽ cho súng lớn san phẳng đồn, - tiếng anh tiểu đoàn trưởng vừa giễu cợt vừa gắt gao - rồi các đồng chí xếp hàng một đi lên.

Câu nói dừng lại bất ngờ. Cả tiểu đoàn cùng các đơn vị pháo binh, công binh phối hợp cùng cảm thấy như có một ngọn roi vừa quất vào đại đội 112. Mọi người nhìn đổ dồn cả về phía những chiếc mũ sắt Nhật san sát ở một góc khu sa bàn.

Chiến sĩ 112 ngồi thành mấy vòng nóng hổi mồ hôi. Sau câu nói của anh tiểu đoàn trưởng, họ vẫn ngồi im phắc, không một tiếng xì xào bàn tán. Trên hàng đầu, đại đội phó Đặng nảy người lên một thoáng, mặt anh nóng lên đỏ bừng. Bên cạnh Đặng, đại đội trưởng Còm ngồi hút píp liên miên, đôi mắt vàng màu sốt rét nhìn chăm chăm vào cái đồn nhỏ xíu trên sa bàn, nét mặt anh lơ đãng như không để ý gì đến chung quanh.

Phía bên kia, đại đội trưởng trợ chiến Phương đã đứng dậy. Anh vung một cành cây dài, chỉ vào miếng củ chuối hình vuông trên sa bàn, và nói oang oang:

- Tôi thấy pháo phải chú ý nhất cái nhà sơn đỏ khu "Bê" này. Đằng trước khẩu xăng xanh (1) của nó có cái ụ nhìn ra sông, bắn chéo sườn vào đường xung phong của ta, rất ác. Không cẩn thận vào thì ốm đòn.

Đại đội trưởng pháo binh Siêu, mắt hấp háy sau cặp kính trắng, có vẻ lo nghĩ. Phương vẫn nói tiếp:

- Cái đồn này rất khó đánh, nó ở vị trí cao, chung quanh toàn đồi cỏ gianh thấp hơn. Pháo ta phải đặt tận đây, cách tám chín trăm thước, khéo không lại thùm thụp đâm lủng mình mất!

Những tiếng cười nói ào ào chạy dào lên trong các đại đội, mũ sắt, súng, bi-đồng đủ các kiểu chạm vào nhau lách cách. Phương vẫn vung tay nói:

- Tôi đề nghị đem hai khẩu tám mươi mốt lên đây, gần hơn, để giọt vào cái ụ khu "Bê" này...

Cuộc thảo luận dần dần càng náo nhiệt. Khu sa bàn trở thành ồn ào, đôi lúc một tiếng cười ồ làm cho tất cả nhộn hẳn lên. Đặng nói rất hăng về vấn đề đánh hầm ngầm. Mùa hè vừa qua, trong chiến dịch Sông Thao, nhiều đơn vị bạn đã vấp hầm ngầm, phải đánh kéo dài, tổn thất nhiều. Còm vẫn ngồi ung dung hút píp, nghe chăm chú.

Thật ra, anh đại đội trưởng đang lo - Trận này đánh gấp quá, chưa kịp điều nghiên cái đồn cẩn thận, chưa ai biết rõ bên trong nó tổ chức thế nào. Ngay đến lực lượng địch cũng chưa nắm vững là một đại đội lê-dương hay là nhiều hơn. Còm nhìn vào những mai nhà, lô-cốt tí hon trên sa bàn, những lớp hàng rào làm bằng que tằm buộc chỉ trắng, những lá cờ giấy vẽ bút chì xanh đỏ cắm la liệt, chỉ những nơi đặt hỏa lực của địch và của ta. Trước mắt anh đại đội trưởng lại xuất hiện lên khum khum cái ụ súng ác hiểm che cho khẩu xăng-xanh và án ngữ bên sườn con đường mòn từ dưới chân đồi lên, cái ụ xây bằng xi-măng thấp lè tè, chung quanh chằng chịt dây thép gai. Không tiêu diệt được nó từ đầu thì bao nhiêu chiến sĩ sẽ ngã xuống ở cái khoảng sườn đồi trợ trụ và dốc ngược này! Nghĩ tới đó, Còm bồi hồi trong người. Lúc này anh thấy ước gì có Hòa để bàn bạc. Không biết vết thương của anh chính trị viên đến đâu rồi. Còm lấy ngón tay cái đập tắt píp và đứng dậy.

Cuộc phổ biến kế hoạch của tiểu đoàn đã xong. Sau tiếng thét giải tán của trực tinh (?), mấy đại đội ủa cả ra như một đàn ong. Những mũi súng ngoái rồi rít trên các vai áo trần thủ. Giữa đám ồn ào, mấy anh cán bộ đại đội tụm lại thành một đám gần sa bàn. Đặng vỗ vai Siêu:

- Cậu cứ bắn trúng lấy hai mươi phát thôi, còn sống sót thằng nào chúng tớ nuốt tươi.



Siêu ngồi xổm, tay giữ cái gọng kính chực tụt xuống mũi.

- Được rồi, được rồi. Cậu Phương đừng có giã moóc-chi-ê vào khẩu xăng-xanh này của nó nhé. Hề cậu Đăng vào đồn là tớ lên khiêng nó về ngay!

Siêu cười ha hả rất hồn nhiên, đứng dậy phủi quần áo. Thấy chung quanh đã vắng, Siêu rủ Đăng về.

Đại đội trưởng Còm vẫn còn đứng lại nói chuyện với chú liên lạc Tịnh. Đăng gọi:

- Anh Còm, tôi về đây.

Siêu quay lại nhìn Còm nói khế:

- Cậu ấy nói ít nhĩ.

Đăng cũng ngoái cổ nhìn lại:

- Tính anh ấy thế.

Ở lại bên sa bàn, đại đội trưởng Còm tiếp tục nói chuyện với chú Tịnh:

- Chú có thực nhớ rõ con đường ấy không?

- Em nhớ. Năm ngoái em đã đưa anh Hòa đi đường ấy bốn năm lần. Ra đồn gần lắm.

Còm suy nghĩ, rồi lại hỏi thông thả:

- Anh Hòa thế nào?

- Thừa anh, y sĩ vẫn không cho dậy.

- Mua được mật ong cho anh ấy chưa?

- Em đã đem vào hai bi-đồng.

Còm vịn tay lên vai chú bé:

- Chú về bảo anh Ban cố kiếm một cái gì nấu cháo cho tôi và anh Đăng tối hôm nay.

Tịnh giơ tay lên vành mũ sắt chào rồi chạy biến.

Nắng đã tắt hẳn. Khu sa bàn không còn tiếng người. Đồng chí cảnh giới vác súng đi đi lại lại im lặng. Ruộng lúa vàng tươi từng bậc trải từ chân núi xuống bờ sông. Khói bay trên các đỉnh đồi. Bộ đội đang thổi cơm. Buổi chiều tháng mười êm đềm, những tiếng xôn xao của các đại đội đóng rải rác hơn hai cây số dọc theo bờ con sông Kỳ Cùng như loăng ra trong không gian.

Những đàn trâu từ trên rừng bắt đầu về. Mổ trâu đập lóc cóc, thông thả. Một em bé Tày cầm cái cành tre đuổi mấy con trâu to lớn thờ phì phò đi qua. Còm chào đồng chí cảnh giới rồi rời khu sa bàn. Đưa bé nhìn thấy anh, dừng lại, nâng vành nón lên và nhoẻn miệng cười mà gọi to:

- Anh Còm chưa về kia à? Anh về với em đi.

Anh Còm tới bên, vuốt má nó:

- Ủ, chú Quân về trước, tí nữa anh về. Chị Lưu đâu?

- Chị Lưu lên Nà Ngượng từ sáng. Thế chúc anh về nhớ!

Còm tươi hẳn nét mặt nhìn theo em bé rồi đi vội về mé bờ sông, nơi mấy cái nhà sàn của ban chỉ huy tiểu đoàn.

\*

Về khuya, sương nổi đầy mặt sông. Mái nhà sàn nhỏ lập lòe ánh lửa dưới bóng cây đa. Còm vẫn chưa về. Đấng ngồi cạnh bếp, luôn luôn xem đồng hồ tay:

- Gần chín giờ rồi, bố ấy còn đi đâu!

Anh chính trị viên Hòa bị thương, Đấng phải kiêm việc thay, vừa bận bù đầu, vừa rối ruột vì chưa quen. Anh bực bội, không hiểu Còm bận gì mãi không về để bàn công việc chuẩn bị ngày mai. Trên bếp, nồi cháo sôi đều đều. Đấng vùng dậy ra góc nhà, nơi kê tạm mấy tấm ván thành một cái bàn dài, và giờ bản đồ xem lại, dưới ánh ngọn đèn dầu hỏa làm bằng lọ mực bút máy Mỹ. Anh cấp dưỡng Ban ngồi nhai ngô rang với chú Tịnh và chú bé Quân. Vắng ông Còm, anh Ban ít dám bắt chuyện với ông đại đội phó. Tính ông Đấng cũng tốt, nhưng không được dễ dàng. Vả lại ông ấy cũng mới về đại đội ít lâu, chưa quen lắm.

Có tiếng người nói chuyện vui vẻ bên ngoài. Tiếng chân lên thang. Còm bước vào với chị Lưu, câu chuyện giữa hai người đang còn chưa xong. Còm vừa cười vừa nói:

- Ấy anh em gọi mãi là Còm, rồi sau thành tên chứ sao.

Chị Lưu nhanh nhẹn bước đến cạnh bếp, tay xách miếng gan bò lũng lảng:

- Anh Đấng không ra mà xem sương mù. Hôm nay thì tha hồ mà xem, nhiều lắm. Tôi mua cho anh Ban miếng gan đây này.

Đấng rời bàn chạy lại góp chuyện:

- Cháo tối hôm nay thì tuyệt.

Đồng chí Ban nói:

- Báo cáo ban chỉ huy ăn tạm ít cơm, đợi tôi đi nấu cháo.

- Tôi vẫn còn nhọc lắm. Cho tôi ăn cháo là được. Đấng ăn cơm chưa?

- Rồi. Có gì mới không?

- Cũng có vài thay đổi. À Đấng có thư "hậu phương".

Đặng tươi tỉnh nét mặt khi đọc mấy dòng chữ trên tấm phong bì. Còn thân mật hỏi đùa:

- Thư của đồng chí em phải không?

Đặng hơi đỏ mặt, ấp úng. Còn ngồi xuống bên cạnh, giơ tay hơ lửa, như không chú ý tới vẻ lúng túng của Đặng:

- Chị ấy nói gì thế?

- À... lảng quăng. Bích nói hỏi thăm anh đấy.

- Thế à. Chị ấy đã gặp tôi lần nào đâu.

- Tôi có viết thư nói chuyện anh nên Bích nó biết.

Chị Lưu ngồi ăn cơm với chú bé Quân cạnh bếp, mồm mỉm cười nghe câu chuyện giữa hai anh bộ đội. Chị nhìn hai anh so sánh thầm: anh Còn hơn anh Đặng đến mười tuổi. Y như một người anh với một người em. Người con gái nhìn nét mặt xương xương của anh Còn bỗng ái ngại. Lần này trông anh ấy lại còn còn hơn năm ngoái, ngày bộ đội đánh trận bản Trại. Sao anh ấy chóng già thế. Anh Còn vẫn ít nói cười, vẫn mặc cái áo trấn thủ cũ, chưa có áo mới. Mà cũng chẳng biết thêm được câu tiếng Tày nào. Chỉ kin bố kin, nòn bố nòn. Chị Lưu nghĩ đến giọng anh Còn mà buồn cười. Hôm nay chị mới biết loáng thoáng anh là người Hải Phòng ở xa tận ngoài cửa bể, có cái bến tàu Sáu Kho. Lúc cùng đi về dọc đường bờ sông, anh Còn bảo: "Kháng chiến thành công, tôi sẽ mời chị Lưu về chơi Hải Phòng, xem bến tàu Sáu Kho."

Anh Ban cúi mình trên chảo mỡ, xào miến gan xèo xèo. Mùi hành bốc lên đầy gian nhà. Chú Quân thấy chị ngồi ngây ra, lên tiếng nhắc:

- Chị có ăn nữa không?

Chị Lưu cười, giơ đũa dọa đùa em.

Hai anh cán bộ đã đem nhau lại cái bàn giấy "lâm thời" và chụm đầu bàn với nhau trên tấm bản đồ. Tiếng Còn nói thì thầm rất nhỏ. Đặng chăm chú nhìn theo ngón tay của người đại đội trưởng, thỉnh thoảng lại hỏi mấy tiếng hoặc gạt đầu ra về tán thành. Chị Lưu dọn mâm xong ngồi nướng mấy củ khoai, tai vẫn lắng nghe. Còn nói khế lăm. Chị nghe lồm bồm: "Đừng tưởng, tôi thấy khó đấy... có lệnh ở trên cho hoãn một ngày, may quá... Mình phải có hai khẩu ba-dô-ca mới chắc thịt ngay cái ụ khu "Bê" ấy được. Vả lại nhớ pháo không ăn thua, biết đâu... đề nghị rồi thế nào cũng phải có ba-dô-ca... Lúc về đi đường này kín hơn." Đến lúc đồng chí Ban mang cháo lên, anh Còn vẫn vừa húp vừa thì thầm với anh Đặng.

Chị Lưu ngồi bên bếp, mắt đã buồn ngủ lơ mơ. Ngày hôm nay chị đi mỗi nhừ cả chân, khai hội từ sáng đến tối với chị em các bản. Vận tải, tiếp tế, ủy lạo, tải thương, bao nhiêu công việc. Mai lại còn vấn đề chở bè cho bộ đội. Ít nhất cũng mười chị vào đấy với các cụ phụ lão. Xem chừng chỉ ngày kia là đánh. Cái đồn bản Bắc năm ngoái đã đánh một lần không được. Ca-nông của nó thỉnh thoảng vẫn rớt về bản. Nó như con diều hâu đậu trên núi cao nhìn ra khắp chung quanh, đánh nó làm sao! Tự nhiên chị Lưu nhìn về mé anh Còn, trong lòng nôn nao. Nhà đã đi ngủ cả, cả chú Tịnh lấu lỉnh, cả anh Ban. Chị Lưu đuổi hai tay, vươn vai khẽ ngáp. Chị gọi:

- Hai anh ra ăn khoai.

Hai anh cán bộ vừa bàn nốt với nhau, vừa đi tới bên bếp. Chị Lưu bỏ mặc hai anh với mấy củ khoai, vào gian phòng nhỏ ngăn liếp đi ngủ. Chú Quân ôm chặt bà Ké, quần chân bông kín mít. Ngoài bếp tiếng hai người vẫn xì xào. Chị Lưu khoan khoái kéo chăn đắp. Trong óc chị nhiều ý nghĩ bay qua. Bên ngoài Đăng nói rồi cười. Anh Còm nói gì, rồi tiếng Đăng lại rì rầm:

- Thế anh lại đi luôn bây giờ à?

- Không, mình ngủ một tí đã. Mười hai giờ rưỡi thì đi, tôi đã hẹn với các cậu ấy rồi, tí nữa sẽ đến đây cả. Xem lại cái ụ ấy cho chính xác là chắc được một nửa rồi. Và cũng phải xem lại con đường xung phong nữa.

Im lặng một lúc, rồi lại nghe Đăng nói:

- Lúc chiều ở sa bàn, tôi ước quá anh ạ.

- Việc quái gì. Phải lì đi chứ. Rồi Đăng sẽ quen đi. Ở tiểu đoàn này mỗi lần ông ấy nói khích, anh em chỉ bảo nhau: Gớm ông ấy lại đốt cho nhau vài câu rồi đấy!

Hai anh cán bộ cười khúc khích rồi ngả lưng nằm cạnh nhau bên bếp đồ rục. Chị Lưu nghe tiếng hai người trở mình bên kia bức phen. Giọng Đăng vui vui:

- Bích nó vừa chụp cái ảnh ngộ lắm.

- Sao nãy cậu không cho tôi xem?

- Thôi để mai.

Im lặng một lúc. Đăng như náo nức:

- Anh cho có đến một giờ không?

- Trôi chảy thì cũng chỉ khoảng ấy.

Than nỏ lép lép. Hai anh như đã nằm yên. Đăng lại nói như không muốn ngủ:

- Hôm nào anh phải kể chuyện đời anh cho tôi nghe mới được. Họ đồn ly kỳ lắm. À Bích nó viết thư hỏi anh có cái ảnh nào của chị với các cháu không?

Chị Lưu đang dúm mắt sắp ngủ cũng lắng tai. Không thấy Còm trả lời. Một lúc, tiếng anh Còm như đổi khác:

- Đời mình không vui lắm. Vợ con mất cả từ ngày đói bốn năm. Hồi ấy mình lang thang ở mỏ. Lúc khởi nghĩa xong, vào bộ đội, đánh Tây liên miên. Bây giờ quãng đời cũ đã xa rồi, mình chẳng hay nghĩ lối thôi. Chắc Đăng thấy tôi khô khan lắm phải không? Thôi ngủ.

Buổi trưa mùa thu hiu hiu trong khu rừng cổ thụ. Đăng rẽ vào cổng trại giải phẫu. Trong khoảng rừng đã phát quang đãng, mấy mái nứa vừa dựng lên còn trắng. Đất quét sạch đỏ tươi. Phòng giải phẫu ở giữa, trần làm bằng tấm vải dù vàng chói, chiếu lợi phẩm trận Lũng Phầy mùa xuân. Đăng không ngăn được một tiếng ngạc nhiên:

- Ô, tươi quá nhỉ.

Hai người bước thẳng vào chỗ Hòa. Hòa đang nằm đọc sách có vẻ tỉnh táo. Một anh y tá chạy đến. Đứng nhìn quanh và bắt chuyện với anh ta.

- Ở đây cũng rộng đấy chứ anh nhỉ.

- Vâng, chúng tôi vừa cho đưa một số anh em về bên kia đường. Để dành chỗ cho mai kia.

Đặng cười về câu nói ngộ nghĩnh mà tự nhiên ghê người. Còm ngồi bên cạnh Hòa, ngăn không cho Hòa dậy.

- Anh cứ nằm. Hôm nay ra sao?

Anh chính trị viên mở to đôi mắt:

- Đã khá nhiều. Có lẽ bốn năm hôm nữa thì cái tay ổn hẳn. Không phải mổ lại.

Mắt Hòa lóng lánh, đen như mắt con gái:

- Chiều mai đấy phải không?

Còm gật.

Hòa lại hỏi:

- Thế nào?...

Còm cười:

- Cũng có thể gay nhưng chắc được.

Hòa ngửa mặt trên ba-lô dùng làm gối, môi mím chặt.

- Thôi được, để đến chuyện sau mình sẽ dậy. Chiều mai lại tha hồ đọi súng các cậu.

Còm quay lại, mắt tìm Đặng... Anh đại đội phó đang cùng người y tá đi thăm mấy đồng chí bị thương nằm ở các gian chung quanh. Còm móc túi ra một bao Cô-táp quăng lên đầu giường Hòa:

- Quà phục kích của Lạng Sơn. Họ vừa thắng một mẻ to. Anh em thi đua mệt đấy.

Hai người im lặng hút thuốc. Khu bệnh viện tĩnh mịch, chim hót véo von trong những vòm cây trám trên cao. Còm đứng dậy:

- Thôi mình đi.

Hòa chìa tay trái bắt tay Còm. Anh đại đội trưởng để bạn giữ tay mình lâu lâu. Hòa cười xanh xao.

Còm cũng cười. Đặng ở ngoài bước vào:

- Về rồi kia à! Ừ cũng phải về, muộn rồi.

Đặng nán lại nói với Hòa mấy câu chuyện. Còn đã ra ngoài lưng thưng đi trước. Anh nghĩ: "Trận này là trận đầu hai thằng thiếu một đây. Đặng còn hơi non. Nhưng rồi cũng già dặn ngay. Nó hăng và gan là tốt rồi."

\*

Bộ đội bắt đầu qua sông từ bốn giờ sáng. Hơn một chục cái bè tập trung từ nửa đêm ở cái bến nhỏ làng Nà Ngượng. Trong sương mù dày đặc, mấy chục bó đuốc tỏa những vùng sáng tròn, chạy đi chạy lại. Bộ đội từng hàng dài trên các ven rừng kéo xuống.

Đại đội 112 ra tới bờ sông lúc gà gáy. Đó là đơn vị qua sông cuối cùng. Về sáng sương càng đặc, những tảng đá nhìn trong sương thành những hình thù con ngựa, con chim ngộ nghĩnh.

Còn đứng ở bờ sông, cắn răng lại xuyết xoa, rét cứng người. Sương lạnh như thấm buốt tận trong những thớ thịt. Đêm qua ở lán rét, Còn nằm co quắp ngủ chập chờn. Gần sáng thiếp đi, lúc chú Tịnh gọi, Còn mới choàng dậy, bây giờ hai mắt vẫn cay xè... Có tiếng nói đằng sau:

- Anh hút thuốc lá không? Rét quá.

Còn quay lại. Đặng từ trong sương đi ra. Hôm nay Đặng đội mũ sắt, quai mũ buộc dưới cằm, kiếm gài bên hông, trông càng thêm cao lớn. Hai người cuộn thuốc, tay lóng ngóng mãi mới xong. Còn châm thuốc, thổi khói từng hơi dài. Đặng trở tay về những bè chờ bộ đội thấp thoáng trên mặt nước trong những khoảng sương bị gió xé ra, và bảo Còn:

- Anh trông kém gì cảnh Hồng quân qua sông trong phim.

Còn nhìn những anh đội viên ngụy trang kín người, lố nhố trên những chiếc bè ẩn hiện trong khoảng sương mù dưới chân. Đã bao nhiêu buổi anh cùng anh em ra trận, mỗi buổi xuất phát một khác, không lần nào giống lần nào, nhưng lần nào Còn cũng cảm thấy có cái gì nôn nao trong người. Hôm nay, đứng trên bờ con sông đầy sương mù ở tít cùng trên rừng núi, Còn bỗng nhớ lại những buổi sáng sớm, cả Hải Phòng còn ngủ yên, anh lái chiếc ca-nô đi Quảng Yên, Hồng Gai, ra đến dòng sông Cửa Cấm, sau lưng anh những ống khói của nhà máy xi-măng phun khói ngập một góc trời. Trên bến Sáu Kho, những cần trục như những cánh tay gầy guộc in bóng xuống nước. Còn lại muốn được thấy Hải Phòng quá, anh lại muốn được thấy mặt trời lên nhuộm đỏ những cánh buồm nâu lớn san sát ở các dãy bến... Một cơn gió thổi mạnh trên mặt nước làm anh đại đội trưởng như tỉnh hẳn ra. Còn lại nhìn những chiếc bè đang tập nập chờ bộ đội qua sông. Anh thấy yêu cái bến sông nhỏ này quá. Sáng mai, khi bộ đội lên bè trở về, không biết anh có còn không, để nhìn lại một lần nữa cái bến sông này. Còn mỉm cười một mình xua đuổi ý nghĩ ấy. Mỗi lần ra trận, anh lại có cái linh tính là mình sẽ chết, nhưng lần nào anh cũng trở về như thường! Bên cạnh Còn, Đặng cũng đang say sưa nhìn cảnh bộ đội qua sông. Từ hơn một tháng nay, về đại đội 112, đại đội "mũ sắt" nổi tiếng khắp trong trung đoàn, Đặng thấy trách nhiệm mới đè nặng lên vai anh, và đồng thời lúc nào trong lòng anh cũng có cái gì hơn hờ, tự hào. Ai không biết đây là đại đội chủ công, những nhiệm vụ khó khăn, quan trọng nhất là phần của nó. Cán bộ thường nói đùa với nhau: về đây không trước thì sau cũng "đổ"! Cái vinh dự là một người đi đầu vào những nơi nguy hiểm nhất làm cho Đặng thấy mình như lớn lên. Hồi mới về đại đội, mỗi lần ra một mệnh lệnh cho cán bộ cấp dưới, hoặc nói chuyện với một chiến sĩ nào, Đặng lại cảm thấy như mình chưa đủ quyền đứng nói trước những người đã bao lần vào sông ra chết. Rồi dần dần Đặng đã quen hơn với đại đội 112. Nhưng Đặng vẫn thấy hình như chỉ có qua một vài trận đánh, Đặng mới có thể làm cho các

chiến sĩ 112 nhận hẳn anh là người chỉ huy của họ. Từ hơn một tháng nay, Đấng chờ đợi ngày ra trận này. Đôi lúc, một nỗi lo sợ vẫn vờ hiện ra trong lòng Đấng, nhưng anh lại dẹp nó đi và nghĩ: không đánh trận này cho ra trò thì đừng hòng chỉ huy ai! Một ý nghĩ vui vui bỗng thoáng qua: Giá Bích thấy cảnh qua sông hôm nay! Chắc Bích không thể tưởng tượng được bộ đội ta xuất trận đẹp như thế này! Đấng khẽ huýt sái. Còn quay lại, nhìn đồng hồ tay, và bảo bạn:

- Hơn năm giờ. Các ông cụ chở bè chắc mệt lắm. Thôi đến lượt đại đội mình rồi. Ta xuống đi.

Hai người đi theo mấy anh đội viên vừa tới.

Dưới bên, các tiểu đội tùm vào nhau từng đám, đứng đợi. Đấng chạy đi chạy lại, tiếng ra mệnh lệnh át tiếng ồn ào:

- Trung đội hai lên bè! Anh Còm lên đây.

Một anh đội viên cành lá tua tủa trên mũ, trên vai, nhìn Còm, hơi cười. Còm vỗ vai anh ta:

- Thế nào đồng chí Dương, định hôm nay xỉa mấy Tây?

Dương nhe răng cười không trả lời, né lưỡi mác sang một bên để nhường chỗ cho anh đại đội trưởng đi qua. Ông cụ chở bè cũng chống sào đứng cười. Còm đến mời cụ một điều thuốc lá.

Chiếc bè từ từ ra giữa sông. Nước chảy xiết, thân bè kêu kọt kẹt. Đấng đứng ở đằng mũi, nhìn con sông chảy cuộn cuộn giữa hai bờ núi cao, thấy như mình đang đến một miền nào xa lắm. Đấng nghĩ thầm: "Sau này kháng chiến thành công, thế nào mình cũng phải qua Lào hay đi Tây Nguyên một phen." Còm hút thuốc với anh đội viên Dương và nhìn bờ sông bên Nà Ngụm lùi dần vào sương mù. Sương bắt đầu tan, một chút nắng sữa thoáng trên mặt nước. Anh Dương nhìn những vệt nắng trong sương lẫn lẫn và nói to:

- Nắng rồi. Tàu bay chúng nó sắp lên.

Còm nắm lấy một cây sào dưới bè thả xuống nước. Lòng sông toàn đá sỏi kêu lạo xạo. Còm đẩy mạnh sào, trong lòng bỗng vui hẳn lên, tim đập mạnh.

Lúc tới bờ, ông cụ nhảy trước lên bãi cát. Anh em xuống bè đi qua, cụ nắm tay từng người:

- Chúc các đồng chí thắng trận nhé.

Còm cảm động nắm bàn tay gân guốc của ông cụ lắc mãi:

- Ngày mai là chúng cháu về liên hoan thôi.

\*

Suốt ngày hôm ấy trời nắng. Cái đôn Pháp đứng trắng xóa giữa khoảng hoang vu không một hơi gió, một tiếng động. Lâu lâu một chiếc máy bay tiếp tế đi qua trên cao, tiếng máy nặng nề chìm vào cái im lặng như chết của những đồi cỏ gianh nóng ngùn ngụt. Chung quanh khoảng núi đồi và thung lũng đôn bản Bắc, trong những đám rừng, các đơn vị nối tiếp nhau tiến lên theo những con đường mòn đã bị gai góc lấp kín cả. Pháo binh gò người từng bọn díu lấy nhau bước tập tễnh, mồ hôi ướt như tắm, kèn còi những dây thừng, đôn ống, gậy chống, khiêng những tảng sắt đi phẳng phẳng. Xung kích đi hàng một im lặng, mác loáng đầu cán tre. Dưới

các khe suối, mấy đoàn tải thương ngồi nghỉ bên những cái tre mới đan, các chị áo chàm luôn tay quạt mồ hôi.

Vào khoảng ba bốn giờ chiều, những đơn vị trợ chiến cuốc và đào nốt những công sự cuối cùng, cách đồn chỉ vài trăm thước. Anh trung đội trưởng thông tin mặt đỏ gay đứng giờ tay gắt mà không dám nói ra hơi, bên một cái máy điện thoại chưa đặt xong. Ban chỉ huy tiểu đoàn đã chiếu ống nhòm nhìn những bóng lê-dương đi ra đi vào trong sân đồn.

Đại đội 112 tập hợp đông đủ giữa hai vách đá cao, trên một thửa ruộng dài xâm xấp nước, bên một dòng suối nước đỏ như rỉ sắt. Đi men theo con suối độ vài trăm thước là đã đổ ra cánh đồng bản Bắc. Hơn một trăm đội viên xung kích ngồi tản theo vách đá. Mấy anh công binh mon men ra bờ suối ngồi ngắm nòng khẩu ba-dô-ca.

Đại đội trưởng Còm ngồi ăn cơm nắm ngon lành với chú Tịnh. Đại đội phó Đăng đang đưa một đồng chí nhà báo đi chụp ảnh các trung đội. Còm nhìn theo và nói với chú liên lạc:

- Ông nhà báo chịu khó nhĩ. Thế chú thấy máy điện thoại đã đặt ở chỗ tiểu đoàn rồi chứ?

- Đặt rồi. Lúc em về thì đã bắt đầu nói.

Còm xem giờ, cắn nốt một khoang cơm, tu hớp nước ở bi-đông của chú Tịnh và đứng dậy. Các anh đội viên đang ngồi đọc những câu ca dao trên những tờ tranh nhỏ tiểu đoàn in.

Thửa ruộng trú quân rợp mát, vách đá hai bên thẳng vút, trên cao trời xanh rực như một tảng ngọc trong lò lửa. Còm đi nhanh qua các trung đội. Những anh cán bộ và đội viên thấy anh đại đội trưởng đi qua, ngẩng lên nhìn, tròn mắt lấp lánh.

Anh nhà báo đang chụp cho Đăng một tấm ảnh. Còm tiến đến:

- Nhà báo tha hồ nhiều tài liệu. Nhưng anh về chỗ tiểu đoàn ngay đi thì mới kịp.

Còm quay sang Đăng:

- Mệnh lệnh cho các trung đội sẵn sàng.

Đăng đứng nghiêm, trước khi chạy đi, nói vội:

- Chúng nó vẫn mù tịt. Ăn chắc, anh ạ.

Tiếng đại bác đầu tiên làm Còm giật người lên như một chiếc lò-xo. Núi rừng kêu lên rào rào như đổ mưa. Đại đội xung kích 112, hai tiểu đội công binh, trung đội phóng bom phối hợp, băng ra những thửa ruộng lúa chín cao đến ngực người. Họ nghiêng rặng cúi rạp mình chạy. Súng trợ chiến nổ giòn trên khắp các đỉnh đồi, những tia lửa đan nhau dằng dịt. Trên cái đồn sừng sững, khắp các ụ, các lỗ châu mai, các lô-cốt bắt đầu tóe lửa bắn ra.

Phát đại bác thứ hai làm tung một mảng tường, khói đen cuộn lên lẫn những bụi vôi gạch. Đàng trước Còm, hai trung đội tiến vòng cánh cung, chắc chắn như trong một cuộc diễn tập.

Phát đại bác thứ ba nổ, công binh đã đang chặt rào. Trên khoảng đất ở trước cổng đồn, nơi đặt khẩu đại bác xăng-xanh, nghe rõ những tiếng hò hét của bọn Tây.



Xung kích vượt qua hàng rào thứ hai. Bộc lộ lại nổ ở hàng rào thứ ba. Lửa bốc lên lem lém. Mấy anh công binh nhô hẳn người phá đổ một quãng rào rặng rắc. Anh tiểu đội trưởng đang chạy bên cạnh Đấng bỗng đứng dừng lại, ôm bụng ngã chúi đầu xuống đất. Đạn bay veo veo qua. Đấng nép sát mình xuống. Hai khẩu đui-xét trên lô-cốt cao quét xuống đám xung kích những bâng liên miên, không ngừng một giây. Kim loại trút xuống, đất bắn tung. Trung đội đầu cầu dán chặt mình ở chân rào không thể nhích lên.

Cách mấy chục thước dưới sườn đồi, Còm hét: "Phát cò lên". Cò phát quay tròn, đổ như một chám lửa, báo hiệu yêu cầu đại bác bắn thêm. Nhưng không hiểu sao, đại bác của ta im rồi. Trên tường đồn nhô lên một mớ tóc bù xù, một mũi súng bren thò ra ngó ngoáy rồi rào rào đạn đổ xuống. Còm điên người. Hai bren ba bren. Tụi lê-dương chồm cả lên tường mà bắn. Đại bác đâu! Cò lại phát lên những vòng giục giã, cuồng cuồng: yêu cầu đại bác bắn...

Sát hàng rào, Đấng nằm rúc đầu xuống đất, uất ức nghe đui-xét, bren của giặc thay nhau quạt liên tiếp sát trên lưng, không thể ngóc đầu lên mà nhìn nữa. Một vài giây đồng hồ bỗng im bật, Đấng vừa nghiêng đầu thì lại ào ào cả mấy khẩu của chúng nó cùng nổ như cướp lại quãng im lặng vừa vụt qua. Ác nhất là khẩu đại liên của cái ụ ở chéo bên sườn đại đội, cái ụ ác liệt đã làm cho Còm và Đấng lo ngay ngáy từ mấy hôm. Tầm đạn của nó quét rộng trên một khoảng sườn đồi bắn đứt đôi trung đội đầu cầu, một nửa nằm sát rào, một nửa giạt xuống tận chân đồi. Đấng bóp chặt chuôi kiếm bên mình. "Các đồng chí xếp hàng một mà đi lên", câu nói của anh tiểu đoàn trưởng cứ xoắn vào óc anh.

Đại đội trưởng Còm ngồi nháp nhồm sau một bờ ruộng nhìn soi mói khắp mặt đồn và đếm kỹ đủ tám khẩu trung liên bren ở góc tường, đầu ụ. Nó dồn hết về mặt này. Bên mặt xung phong phụ, đại đội bạn có thể lên rất tốt. Đại bác của ta chắc là gặp cái gì trắc trở rồi. Tìm cách khác mà tiêu diệt cái ụ súng hiểm ác trước mặt kia thôi! Hai mắt Còm nhìn như đóng đinh vào cái ụ súng đang lồng lộn tóe lửa bên cạnh khẩu xăng-xanh. Hai trung đội đằng trước báo cáo về: tiểu đội trưởng Am hy sinh, trung đội phó Hải bị thương nặng.

Còm bò tới bên máy điện thoại, nói bình tĩnh:

- A-lô... anh Hùng... đề nghị cho bên 110 lên ngay, bên này lên sau. Chúng nó dồn cả tám khẩu về mặt chúng tôi rồi. Cho phóng bom (1) và đại liên bắn thêm giúp chúng tôi... A-lô... Tôi sẽ dùng ba-dô-ca... A-lô... A-lô...

Điện thoại dứt. Những tiếng xèo xèo, vi vu bay trên cao. Xăng-xanh của nó ở Thất Khê bắn về. Rồi những tiếng xoẹt dữ dội, đạn đại bác nổ rung đất chung quanh. Trên đầu đại đội bị trúng rồi. Phải triệt ngay cái ụ súng lấy đường xung phong! Nằm đây thêm một phút, là thêm thương vong vì đại bác của nó. Còm nhồm dậy, băng mình lên đầu trung đội hai.

Các chiến sĩ vẫn nằm thành hàng dài, đợi lệnh xung phong. Thấy anh đại đội trưởng lom khom tiến lên giữa những luồng đạn, họ vừa lo cho anh vừa vững tâm thêm. Còm vẫn tiến. Tới khẩu ba-dô-ca, Còm nằm sát bên anh khẩu đội trưởng, chỉ rõ mục tiêu ở cái ụ súng.

Tổ ba-dô-ca đã tách ra và trườn lên sườn đồi. Một anh lăn ngựa. Còm nghiến chặt răng. Nhưng một tia lửa chớp xanh lè. Còm nhìn rõ hai cái mũ sắt của hai đồng chí ba-dô-ca cất cao lên ở chân những lớp hàng rào dây thép gai. Khẩu ba-dô-ca bắn luôn một phát thứ hai, sạt một mảng cái ụ súng.

Mấy tiếng rít từ chân đồi phía sau liên tiếp bay lên. Bom nổ ùng ùng mù mịt đằng sau tường. Chú Tịnh nhồm dậy xem phóng bom của ta nổ. Còm trợn mắt quát:

- Nằm xuống!

Trong đồn, nhiều tiếng chửi hét láo nháo. Chú Tịnh vẫn nhấp nhô cái mũ sắt nghe ngóng và bỗng kêu lên:

- Kèn anh ơi!

Tò te... kèn xung phong ở xa, bên kia đồn. Mặt xung kích phụ đang lên. Tiếng kèn kéo dài nghe rõ. Tò te... tò te... hồi kèn trầm bỗng khoan thai trong những tiếng súng máy, súng tay, bom đạn vẫn điên cuồng.

Trong đồn càng nhốn nháo. Còm nghe như có nhiều tiếng reo hò vẳng đến. Từ những đồi trợ chiến mé sau, đạn lửa phún phụt bay. Những chấm lửa bầu đầy mặt tường đồn trước mặt. Hai ba khẩu bren cầm tịt, im hẳn. Hai cái mũ sắt của hai đồng chí ba-dô-ca lại cất cao hẳn lên ở lớp dây thép gai. Còm nom rõ một đồng chí nhô hẳn nửa người lên, rồi bỗng gục mạnh xuống, lăn ra. Trong người Còm đau nhói một cái. Nhưng phát ba-dô-ca nổ như một tiếng sét, trúng giữa lỗ châu mai của cái ụ súng! Lên ngay lúc này! Còm chồm dậy cầm chiếc còi đeo ở cổ thổi một tiếng dài. Tay vẩy mạnh, Còm băng mình lên, vừa chạy vừa gân cổ hét:

- Các đồng chí... anh hùng... cứ điem... xung phong...

Những tiếng hét trả lời dào lên khắp từ đầu này sang đầu kia, mỗi lúc một to lên, dữ dội, trộn vào nhau thành một tiếng kêu à à không ngừng, trù lên tiếng súng. Thanh kiếm của Đảng hoa lên. Ở biệt súng một trăm linh năm ly, mười mấy tên lê-dương quay đi quay lại kinh hoàng. Hai trung đội qua hàng rào cuối cùng.

Khoảng đất trống trước bức tường mỗi bước một rút ngắn lại trước mắt những người lính xung kích cong mình chạy lên. Ngày giờ, quá khứ, tương lai, tất cả đều không còn. Chỉ có khoảng đất đỏ như máu, ba mươi, hai mươi, mười lăm thước ở đằng trước một bức tường trắng. Một anh đội viên nhỏ bé cấp lưỡì mác chồm lên khẩu đại bác. Năm sáu bóng cỏi trần chạy tóe. Tiếng tiểu liên lét đét từng tràng ngắn. Những chiếc thang tre tới tấp đặt vào bờ tường. Một bóng người trên cao nhô khỏi thang và giơ hai tay lão đảo, nằm vắt trên tường, lưỡì mác rơi xuống. Nhưng thoăn thoắt những bóng khác vọt vào bên trong. Còm chạy vọt lên. Chú Tịnh loi loi chui bám riết lấy anh đại đội trưởng.

Bỗng Còm đứng sững lại, bơi bơi hai tay trong không khí rồi ngã vật xuống. Chú Tịnh ghé tới bên, gọi thất thanh:

- Anh Còm! Anh Còm!

Đầu Còm ngửa về đằng sau. Anh cố mở mắt nhìn lên phía đồn. Bao nhiêu chân người chạy qua trước mặt anh. Còm cố nhìn. Mờ hết cả. Nét mặt chú Tịnh thấp thoáng, méo máo.

Chú liên lạc cúi sát xuống, gọi to:

- Anh ơi! Anh Còm ơi!

... Còm thều thào:

- Vào đến đâu rồi Tịnh?

Tịnh nói như khóc:

- Chiếm lô-cốt rồi. Trung đội hai đang vào nhà vô tuyến điện.

Còm cố nhắc cánh tay, môi mấp máy:

- Chú tháo cái đồng hồ ra. Anh cho chú đây.

Người đại đội trưởng ngửa mặt thờ dốc. Trên cao trời xanh lạ. Ban nãy Còm không thấy trời xanh. Có những đám mây trắng trôi thong thả. Còm nhìn mãi lên cao, không nói nữa, rồi dưới người một cái, tắt thở. Trên đồn, Đăng xông xáo như một con hổ dữ, chỉ huy trận giáp lá cà.

\*

Chiều hôm sau, bên cạnh cái sa bàn vẫn còn nguyên những nắm đất với cái đồn nhỏ xíu, một loạt quan tài phủ chăn đỏ xếp thẳng một hàng. Trời vẫn xanh trong. Sông Kỳ Cùng uốn dòng nước xa xa bên dưới. Gần một trăm đồng bào ở Nà Ngụm và mấy thôn lân cận đến dự lễ. Nắng ngả dài trên những ruộng lúa chín rì rào. Anh tiểu đoàn trưởng nói mấy câu giản dị vĩnh biệt các đồng chí đã hy sinh. Khẩu đui-xét mới lấy được bắn một tràng đạn lửa lên trời. Siêu hấp háy mắt kính giữa mấy đồng chí pháo binh. Anh cúi đầu nặng nề, như thấy mình có tội, - mặc dầu anh vẫn biết khẩu pháo vỡ nòng chỉ vì nó đã cũ quá.

Đăng đứng bên cạnh Hòa, nước mắt chảy im lặng. Cái còi của anh hôm qua, Đăng đeo nó lên cổ dưới áo ngoài. Đăng sẽ giữ nó mãi. Anh chính trị viên Hòa gầy xanh đứng im, tay còn băng đeo trên cổ. Đôi mắt đen của anh mở tròn nhìn vào những chiếc quan tài như nói những lời thầm thì.

Lúc hạ huyết, cả đại đội 112 bồng súng. Dưới vành mũ sắt, nét mặt những anh đội viên xung kích vẫn lầm lì. Từ đám phụ nữ, chị Lưu tiến ra, tới trước mỗi quan tài, cầm một hòn đất ném xuống. Những chiếc chăn đỏ giống nhau, không biết anh Còm nằm trong áo quan nào.

Lễ xong trời gần tối. Các đơn vị tỏa ra trên các con đường ruộng mấp mô, tản về những ngọn đồi đang tím dần.

Chú Tịnh loắt choắt vừa đi vừa ngoái cổ lại chuyện với anh Ban:

- Anh ấy chết phớt lăm nhé. Chỉ nói có hai ba câu.

Ở bờ sông, chị Lưu đi trước về bản với chú Quân. Chị nhớ câu nói của anh Còm. “Kháng chiến thành công, tôi sẽ mời chị Lưu về chơi Hải Phòng, xem bến tàu Sáu Kho.”